THÍCH THANH TỪ

KINH TẠP A HÀM

Trích giảng và Đối chiếu



NHÀ XUẤT BẢN VĂN HÓA - VĂN NGHỆ

Mục Lục:

MỞ ĐẦU 1

Giải và Đối chiếu Kinh Ngũ Chuyển (Hán tạng, Kinh số 41) với Kinh Thủ Chuyển (Pali tạng) 5

Giải và Đối chiếu Kinh Sai Ma (Hán tạng, Kinh số 103) với Kinh Khema (Pali tạng) 44

Giải và Đối chiếu Kinh Bọt Nước (Hán tạng, Kinh số 265) với Kinh Bọt Nước (Pali tạng) 87

Giải và Đối chiếu Kinh Thập Nhị Duyên Khởi (Hán tạng, kinh số 298) với Kinh Phân Biệt (Pali tạng)..... 121

Giải và Đối chiếu Kinh Phú Lâu Na (Hán tạng, kinh số 311) với Kinh Punna (Pali tạng) 144

Giải và Đối chiếu Kinh Ca Ma (Hán tạng, kinh số 568) với Kinh Kamabhu (Pali tạng) 177

Giải và Đối chiếu Kinh Giác Chi (Hán tạng, kinh số 711) với Kinh Vô Úy (Pali tạng) 203

Giải và Đối chiếu Kinh Thiền Và Thắng Trí (Hán tạng, kinh số 1142) với Kinh Thiền Và Thắng Trí (Pali tạng). 226

Giải và Đối chiếu Kinh Khổ Pháp (Hán tạng, kinh số 1173) với Kinh Khổ Pháp (Pali tạng) 246

Giải và Đối chiếu Kinh Thâu Lũ Na (Hán tạng, kinh số 30) với Kinh Sona (Pali tạng) 274

Giải và Đối chiếu Kinh Chuyển Pháp Luân (Hán tạng, kinh số 379) với Kinh Như Lai Thuyết (Pali tạng)..... 294

Giảng Giải Kinh Có Pháp Môn Nào (Pali tạng) 320

MỞ ĐẦU

Thông thường người học Phật, khi mới vào Sơ đẳng đã được học các kinh như Tứ Thập Nhị Chương, Di Giáo, Bát Đại Nhân Giác v.v... là những bài kinh được trích trong các bộ A-hàm.

Bốn bộ A-hàm gồm Trường A-hàm, Trung A-hàm, Tạp A-hàm và Tăng Nhất A-hàm. Bốn bộ A-hàm thuộc hệ Sanskrit được chư tổ dịch sang tiếng Hán, rồi từ Hán dịch sang tiếng Việt.

Bốn bộ kinh là Trường Bộ kinh, Trung Bộ kinh, Tương Ưng Bộ kinh và Tăng Chi Bộ kinh. Bốn bộ kinh này thuộc hệ Pāli do hòa thượng Thích Minh Châu dịch sang tiếng Việt, từ năm 1965 đến năm 1972.

Về ý nghĩa của mỗi bộ kinh, Agama (tiếng Phạn) đọc trại là A-hàm, nghĩa là Pháp quy. Quy là gom, tức là gom tất cả

các pháp của Phật dạy thành bốn bộ. Thế nên nói đến A-hàm, tức chỉ cho giáo pháp đức Phật đã nói, được kết tập lại thành bốn bộ.

Những bài pháp dài gom chung một bộ gọi là Trường A-hàm (Dirgha-āgama), do hai ngài Phật-đà-da-xá và Trúc Phật Niệm dịch năm 413 TL. Trường Bộ kinh tiếng Pāli là Digha-nikāya, nghĩa là dài, cũng có nghĩa là gom.

Trung A-hàm là gom chung những bài kinh vừa phải không dài không ngắn. Hệ Pali gọi là Trung Bộ kinh.

Tạp A-hàm, tạp là lẫn lộn. Vì các bài kinh này có bài dài, bài ngắn, bài vừa chừng... được kết tập lẫn lộn, nên gọi Tạp A-hàm. Pāli dịch là Tương Ưng Bộ kinh. Tên kinh này hai bên dịch khác nhau. Bởi vì bên Pāli dịch tên kinh là nhắm thẳng vào từng phẩm, có phần hợp nhau thì gọi

là Tương Ưng. Như phẩm Nghiệp, phẩm Nhân Quả, phẩm Tứ Đế v.v... những bài kinh nói về nghiệp gom chung một phẩm, nói về Tứ đế gom chung một phẩm, nói về nhân quả gom chung một phẩm... Gồm hết những bài kinh đó lại một phẩm cùng loại thì gọi là Tương Ưng. Tạp A-hàm là đứng về số lượng các bài kinh dài ngắn lẫn lộn mà đặt tên. Tên gọi có khác nhưng về ý nghĩa thì hai bên không khác.

Tăng Nhất A-hàm, tăng là thêm, nhất là một. Những bài kinh đức Phật nói, thuộc một pháp thì gom chung một loại, hai pháp gom chung một loại, cứ như vậy cho đến mười lăm, mười sáu pháp... Những kinh này gọi là Tăng Nhất A-hàm. Hệ Pāli gọi là Tăng Chi Bộ kinh. Chi là phần, tăng chi là thêm từng phần.

Tạng kinh hệ Pāli rất đơn giản, gồm hết kinh Phật chỉ có năm bộ: Trường Bộ

kinh, Trung Bộ kinh, Tương Ưng Bộ kinh, Tăng Chi Bộ kinh và Tiểu Bộ kinh. Tiểu Bộ kinh gồm các kinh Bổn Sanh, Bổn Sự và những sự tích của chư tăng ni. Hán tạng thì chỉ nói bốn bộ A-hàm, phần Bổn sanh, Bổn sự thuộc về lịch sử nên ghi riêng. Ngoài bốn bộ A-hàm ra, còn có những bộ kinh khác như: Bát-nhã, Pháp Hoa, Hoa Nghiêm, Niết-bàn v.v... rất nhiều. Do hai lối phiên dịch, nên về cách kết cấu và phần diễn đạt rộng hẹp có khác nhau chút ít. Khi chúng ta học sẽ thấy rõ ý nghĩa từng bài kinh, việc kết tập hoặc dài hoặc ngắn, những chỗ ưu khuyết, đủ thiếu, đơn giản hay phức tạp... của hai bên, để chúng ta đủ lòng tin trong sự tu học.

Thích Thanh Từ

Giải và Đối chiếu Kinh Ngũ Chuyển (Hán tạng, Kinh số 41) với Kinh Thủ Chuyển (Pali tạng)

HÁN TẠNG

Chánh văn:

Tôi nghe như vầy: Một hôm, Phật ở nước Xá-vệ rừng cây Kỳ-đà vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

- Có ngũ thọ ấm: sắc thọ ấm, thọ, tưởng, hành, thức thọ ấm. Ta đối ngũ thọ ấm này, có năm thứ biết như thật. Biết sắc như thật, biết sắc tập, sắc vị, sắc hoạn, sắc ly như thật. Như thế, biết thọ, tưởng, hành, thức như thật,

biết thức tập, thức vị, thức hoạn, thức ly như thật.

Giảng:

Ngũ chuyển là năm lần lặp lại, căn cứ trên ngũ uẩn, mỗi uẩn Phật nói năm lần, để các Tỳ-kheo thấy rõ lẽ thật của mỗi uẩn. Đầu tiên Phật nói có ngũ thọ ấm: sắc thọ ấm, thọ thọ ấm, tưởng thọ ấm, hành thọ ấm, thức thọ ấm. Đối ngũ thọ ấm này có năm thứ biết như thật, tức là ngũ chuyển. Biết sắc như thật, biết sắc tập, sắc vị, sắc hoạn, sắc ly như thật... Bài kinh này đơn giản nhưng hệ trọng vô cùng. Chúng ta học đạo đối với ngũ uẩn nắm không vững, không biết rõ trạng thái nó như thế nào, đó là sai sót rất lớn.

Chánh văn:

Thế nào là biết sắc uẩn như thật? Các thứ có sắc chất, tất cả do tứ đại

và tứ đại tạo sắc ấy gọi là sắc. Như thế là biết sắc như thật.

Giảng:

Sắc uẩn là chỉ cho thân này, sắc uẩn ấy do tứ đại tạo thành. Tứ đại bên ngoài là đất, nước, gió, lửa gọi là tứ đại năng tạo. Thân này cũng mang đủ bốn tính chất đất, nước, gió, lửa nhưng hình dạng khác hơn, thân này là tứ đại sở tạo. Từ thân đến các vật chất khác cũng đều do tứ đại sở tạo mà ra. Thân này không tự có, không thật, chỉ do tứ đại chung họp mà có, bởi thế gọi là tứ đại sở tạo, tứ đại tạo sắc. Biết rõ như vậy là biết sắc như thật.

Chánh văn:

Thế nào là biết sắc tập như thật? Đối với sắc ưa thích gọi là sắc tập. Như thế là biết sắc tập như thật.

Giảng:

Tập là nhóm họp lại, đối với hình sắc sanh ưa thích muốn gìn giữ gọi là sắc tập.

Chánh văn:

Thế nào là biết sắc vị như thật? Sắc là nhân duyên sanh ưa thích gọi là sắc vị. Như thế, biết sắc vị như thật.

Giảng:

Tại sao trên nói sắc tập là sắc ưa thích, tiếp theo nói sắc vị là sắc làm nhân duyên sanh ưa thích? Hai cái ưa thích đó có khác nhau không? Ngay nơi thân mình, chúng ta muốn nó khỏe mạnh tồn tại lâu dài, muốn họp lại không tan rã. Bởi muốn nên tìm cách gìn giữ gọi là sắc tập. Sắc vị là ưa thích dáng vẻ đẹp đẽ của người. Cái ưa thích trước là muốn giữ thân này không hoại, nên gọi là sắc tập. Còn đối với sắc

của người sanh ưa thích đó là sắc vị, nên nói sắc là nhân duyên sanh ưa thích.

Chánh văn:

Thế nào là biết sắc hoạn như thật? Sắc là pháp vô thường, khổ, biến dịch, gọi là sắc hoạn. Như thế, biết sắc hoạn như thật.

Giảng:

Tất cả hình sắc đều vô thường, khổ, biến dịch, tướng nào cũng là tướng hoại diệt, đó là tai hoạn của sắc. Chúng ta có thấy biết như vậy không? Mình thấy người già có biết đó là sắc hoạn không? Có. Cần biết đúng như thật, dầu là sắc hoại mình không ưa, hay là sắc mới sanh mình ưa thích cũng phải biết đúng như thật. Biết như thật mới hết mê muội.

Chánh văn:

Thế nào là biết sắc ly như thật? Đối với sắc điều phục tham dục, đoạn tham dục, vượt ngoài tham dục gọi là sắc ly. Như thế, biết sắc ly như thật.

Giảng:

Đối với sắc thân của mình hay của người, chúng ta phải luôn luôn đoạn dứt lòng tham muốn. Đó là sắc ly. Kiểm điểm xem chúng ta có thấy biết đủ năm điều như vậy không? Chỉ thấy sắc tập, sắc vị, nên không ly được, không giải thoát. Đối với sắc thôi, chúng ta cũng không biết đúng như thật được.

Chánh văn:

Thế nào là biết thọ như thật? Có sáu thứ thân thọ:

1) Mắt xúc sắc sanh thọ.

2) Tai xúc tiếng sanh thọ.

3) Mũi xúc mùi sanh thọ.

4) Lưỡi xúc vị sanh thọ.

5) Thân xúc sanh thọ.

6) Ý xúc pháp sanh thọ.

Đó gọi là thọ. Như thế, biết thọ như thật.

Giảng:

Khi mắt tiếp xúc với hình dáng đẹp xấu, đó là mắt xúc sắc sanh thọ. Tai xúc tiếng sanh thọ, tức là tai nghe tiếng khen tiếng chê thấy êm ái hay cộc cằn v.v.. phân biệt rõ ràng. Mũi ngửi mùi thơm, hội có cảm thọ. Lưỡi nếm vị mặn ngọt phân biệt rõ ràng. Thân xúc chạm sự vật, như chạm nóng lạnh v.v... sanh cảm thọ ưa thích hay không ưa thích. Ý xúc pháp sanh thọ là ý nhớ lại, ôn lại những hình ảnh đã thấy đã

nghe, sanh ưa thích hoặc chán ghét. Biết thọ như thật là biết thọ của sáu căn tự có hay không tự có. Có mắt và có trần cảnh, mắt tiếp xúc với trần cảnh phân biệt mới có cảm thọ, mắt và trần cảnh có trước rồi sau mới có thọ. Biết rõ sáu thọ của sáu giác quan bản thân nó không tự có, phải đợi đủ các duyên mới có. Bản chất của thọ không thật vì phải đợi duyên.

Chánh văn:

Thế nào là biết thọ tập như thật? Xúc tập là thọ tập. Như thế, biết thọ tập như thật.

Giảng:

Có xúc họp lại nên thọ theo đó, như thân chạm vật là xúc tập, chạm vật rồi có cảm thọ ưa hay không ưa, nên nói xúc tập là thọ tập.

Chánh văn:

Thế nào là biết thọ vị như thật? Duyên sáu thứ thọ sanh ưa thích gọi là thọ vị. Như thế, biết thọ vị như thật.

Giảng:

Khi sáu căn mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý tiếp xúc với sáu trần duyên bên ngoài sanh cảm thọ khổ vui. Cảm thọ khổ thì mếu máo, cảm thọ vui thì ưa thích. Vui hay không vui đều là thọ vị.

Chánh văn:

Thế nào là biết thọ hoạn như thật? Thọ là pháp vô thường, khổ, biến diệt, gọi là thọ hoạn. Như thế biết thọ hoạn như thật.

Thế nào là biết thọ ly như thật? Đối với thọ điều phục tham dục, đoạn

tham dục, vượt ngoài tham dục, gọi là thọ ly. Như thế, biết thọ ly như thật.

Giảng:

Tất cả thọ đều vô thường, khổ, biến dịch. Mắt chạm cảnh đẹp rồi qua mất, tai nghe tiếng hay rồi qua mất... Chúng ta không biết đúng như thật, không biết họa hoạn của nó nên bị thọ chi phối. Suốt ngày cứ tìm kiếm đuổi theo sáu thọ.

Cảm thọ của người tu đạm bạc, sáng ngắm hoa kiểng, trưa ăn cơm... vậy mà cũng mất cả ngày mù mịt. Thế gian tối tăm mê muội cũng vì cảm thọ, từ ăn mặc, thương ghét... khiến người ta đau khổ. Có những cảm thọ nhẹ dễ vượt qua, có cảm thọ nặng như cảm thọ ái dục nam nữ, do hợp tác nhiều thứ nên người ta không thắng nổi. Nó có sức mạnh hấp dẫn, nào thân, mắt, mũi, ý... đủ thứ cộng lại làm

đảo điên, thiên hạ tu không được bởi cái thọ đó.

Biết thọ ly như thật là đối với thọ điều phục tham dục, biết rõ tất cả thọ đều vô thường, không có thọ nào đáng mến. Chúng sanh đối với những cảm thọ tạm bợ, vô thường, hư dối mà mê say giành giật là tham những thứ không đáng. Có cái chân thật miên viễn, không mất không hoại mà không biết ưa thích tìm cầu. Phải xả ly tất cả thọ để nhận được cái chân thật nơi mình. Phật dạy người tu đối với tất cả thọ này biết là tạm bợ, vô thường, cho nên không ưa thích tìm cầu, không bị nó lôi cuốn, như vậy là tu tập thắng lướt. Đến thọ ly như thật là biết *điều phục tham dục, đoạn tham dục, vượt ngoài tham dục.* Sắc, thọ, tưởng, hành, thức đều phải điều phục, đoạn dứt, vượt ngoài tham dục.

Chánh văn:

Thế nào biết tưởng như thật? Là sáu thứ thân tưởng, mắt xúc sanh tưởng, tai, mũi, lưỡi, ý xúc sanh tưởng, gọi là tưởng. Sáu cái đó nó xúc chạm, nó sanh tưởng gọi là tưởng. Như thế, biết tưởng như thật.

Giảng:

Sáu thứ thân tưởng: mắt xúc sanh tưởng, tai, mũi, lưỡi, ý xúc sanh tưởng, gọi là tưởng. Như mắt nhìn tấm hình Đà Lạt mà chưa từng đi đến, chỉ nghe nói đây là cảnh Đà Lạt. Khi mắt tiếp xúc với sắc, khởi tưởng thành phố thế này thế kia, đó là do mắt xúc sanh tưởng. Nghe nói ở Huế có cung vua, hồ sen... rồi tưởng tượng ra cảnh cung điện này khác, đó là do tai xúc tiếng sanh tưởng. Mũi, lưỡi, thân, ý xúc sanh tưởng cũng vậy. Tưởng có là do tâm,

những điều chưa thấy chưa gặp mà tưởng tượng ra, hoặc thấy nhỏ mà tưởng ra lớn, hoặc ôn lại chuyện xa xưa.

Chánh văn:

Thế nào là biết tưởng tập như thật? Xúc tập là tưởng tập. Như thế, biết tưởng tập như thật.

Giảng:

Có xúc chạm rồi mới sanh ra tưởng nên gọi xúc tập là tưởng tập. Đó là biết tưởng tập như thật.

Chánh văn:

Thế nào là biết tưởng vị như thật? Tưởng nhân duyên sanh ưa thích gọi là tưởng vị. Như thế, biết tưởng vị như thật.

Giảng:

Như chúng ta chưa từng đi Đà Lạt, chỉ nghe nói hoặc thấy hình Đà Lạt rồi tưởng tượng cảnh Đà Lạt đẹp thế này thế kia, mình khởi lên ý thích muốn đi Đà Lạt. Đó là tưởng làm nhân duyên sanh ưa thích, gọi là tưởng vị.

Chánh văn:

Thế nào là biết tưởng hoạn như thật? Tưởng là pháp vô thường, khổ, biến dịch, gọi là tưởng hoạn. Như thế, biết tưởng hoạn như thật.

Giảng:

Mọi thứ tưởng đều hư ảo, không chắc thật, không bền lâu. Nó là pháp vô thường họa hoạn.

Chánh văn:

Thế nào là biết tưởng ly như thật? Đối với tưởng điều phục tham dục, đoạn tham dục, vượt ngoài tham dục, gọi là tưởng ly. Như thế, biết tưởng ly như thật.

Giảng:

Hiểu được thọ ly như thế nào thì những cái sau đều dễ hiểu.

Chánh văn:

Thế nào là biết hành như thật? Là sáu thứ từ nơi thân: mắt xúc sanh tư, tai, mũi, lưỡi, thân, ý xúc sanh tư, gọi là hành. Như thế, biết hành như thật.

Thế nào là biết hành tập như thật? Xúc tập là hành tập. Như thế, biết hành tập như thật.

Giảng:

Thọ, tưởng, hành, thức giản trạch cho rõ rất khó. Trong đây, hành ấm được gọi là tư, nên nói: *mắt xúc sanh tư, tai, mũi, lưỡi, thân, ý xúc sanh tư, gọi là hành.* Tư là suy nghĩ, nghĩ lường. Tưởng và tư theo nhau. Tưởng là nương cái này tưởng ra hình dáng cái kia; hoặc đối với những cái đã thấy, quên đi rồi ôn lại, đó là ức tưởng. Tư là khi mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý tiếp xúc cái gì liền khởi lên suy nghĩ ngay lúc ấy, Tư là suy nghĩ trong khi tiếp xúc với những sự việc hiện tại, còn tưởng thì có cả quá khứ, hiện tại, vị lai.

Thế nào biết hành tập như thật? Xúc tập là hành tập. Thọ, tưởng, hành ba thứ đều từ xúc mà ra, chúng có ra đều do nơi xúc chạm mới có. Biết như vậy gọi là biết hành tập như thật.

Chánh văn:

Thế nào biết hành vị như thật? Hành nhân duyên sanh ưa thích gọi là hành vị. Như thế, biết hành vị như thật.

Thế nào là biết hành hoạn như thật? Hành là pháp vô thường, khổ, biến dịch, gọi là hành hoạn. Như thế, biết hành hoạn như thật.

Thế nào là biết hành ly như thật? Đối với hành điều phục tham dục, đoạn tham dục, vượt ngoài tham dục, gọi là hành ly. Như thế, biết hành ly như thật.

Giảng:

Suy nghĩ việc gì mình ưa thích gọi là hành vị. Như khi nói chuyện với người

cùng chí hướng, lúc suy nghĩ bàn luận có thích không?

Những cái họ đưa ra phù hợp với mình, tư tưởng quan điểm của hai bên phù hợp với nhau thì thích, đó là hành vị. Vì vậy nói chuyện cả buổi không chán. Nhưng bản chất nó là vô thường, khổ, biến diệt, đó là hành hoạn. Biết các hành ấm không thật, tất cả đều đưa đến hoại diệt nên không tham cầu, điều phục tham dục, ra khỏi tham dục, gọi là hành ly.

Chánh văn:

Thế nào là biết thức như thật? Là sáu thức nơi thân: nhãn, nhĩ, tỹ, thiệt, thân, ý thức gọi là thức. Như thế biết thức như thật.

Thế nào là biết thức tập như thật? Danh sắc tập là thức tập. Như thế, biết thức tập như thật.

Giảng:

Thọ, tưởng, tư là xúc tập, thức là do danh sắc tập mà có. Trong mười hai nhân duyên, duyên đầu là vô minh, vô minh duyên hành, hành duyên thức, thức duyên danh sắc. Vậy danh sắc này là gì? Thức trong mười hai nhân duyên và thức ở đây có khác không?

Thức của mười hai nhân duyên có trước danh sắc, đâu đợi danh sắc tập mới có. Cũng như hành trong mười hai nhân duyên này và hành (tư) ở đây khác nhau. Hành trong mười hai nhân duyên là nghiệp, bởi vô minh cho nên bị nghiệp dẫn, nghiệp dẫn gọi là hành, dẫn thức đi thọ sanh. Thức trong mười hai nhân duyên là chủ của thân, còn thức của ngũ ấm này là do sáu căn phát ra. Thức trong mười hai nhân duyên vào bào thai rồi thì nó là danh, bào thai là sắc. Có danh sắc mới có sáu

thức sau. Danh là thức quá khứ khi vào thai mẹ tựu thành thân thể, thân đó có cả hai phần, tinh thần (danh), vật chất (sắc). Cộng cả hai danh và sắc mới có sáu căn tiếp xúc sáu trần thành sáu thức phân biệt. Vì vậy nói danh sắc tập là thức tập.

Bài kinh này rất khô khan, nhưng nếu không học thì không hiểu rành rẽ. Nói về năm uẩn, mười hai nhân duyên ai cũng nói được, kinh Phật nhắc tới nhắc lui hoài, chúng ta phải phân biệt nghĩa của nó để tu.

Chánh văn:

Thế nào biết thức vị như thật? Thức nhân duyên sanh ưa thích, gọi là thức vị. Như thế, biết thức vị như thật.

Thế nào biết thức hoạn như thật? Thức là pháp vô thường, khổ, biến

dịch, gọi là thức hoạn. Như thế, biết thức hoạn như thật.

Thế nào biết thức ly như thật? Đối với thức điều phục tham dục, đoạn tham dục, vượt ngoài tham dục, gọi là thức ly. Như thế, biết thức ly như thật.

Giảng:

Đoạn này cũng giống đoạn nói về các ấm trước.

Chánh văn:

Tỳ-kheo! Nếu Sa-môn, Bà-la-môn đối với sắc biết như thế, thấy như thế; thấy biết như thế ly dục hướng, gọi là chánh hướng.

Giảng:

Ly dục hướng là chánh hướng, tức là đối năm uẩn chúng ta luôn luôn nhắm

thẳng đến chiều lìa dục, điều phục tham dục, đoạn tham dục. Hướng đến con đường này là hướng chân chánh theo giác ngộ giải thoát.

Chánh văn:

Nếu chánh hướng, ta nói người đó đối với thọ, tưởng, hành, thức lại cũng được như vậy.

Giảng:

Lìa được một cái thì những cái kia theo đó mà lìa.

Chánh văn:

Nếu Sa-môn, Bà-la-môn đối với sắc biết như thật, thấy như thật; nơi sắc sanh nhàm chán, ly dục, không khởi các lậu, tâm được giải thoát. Nếu tâm được giải thoát, là được thuần nhất. Thuần nhất là Phạm hạnh lập.

Phạm hạnh lập thì lìa nơi khác được tự tại. Đó gọi là mé khổ. Thọ, tưởng, hành, thức cũng lại như thế.

Giảng:

Không khởi các lậu là không khởi ưa muốn sanh vào cõi Dục, cõi Sắc, cõi Vô sắc. Tâm không tạp loạn, hạnh thanh bạch tròn. Hạnh thanh bạch tròn đầy rồi, thân này đến nơi kia được tự do tự tại. Đây là mé khổ. Sao không nói *hết khổ* mà nói *mé khổ?* Kinh thường dùng chữ bể khổ, chúng ta chìm trong bể khổ thì cố gắng bơi lội, đến mé bờ không cần bơi lội nữa thì hết khổ. Chỗ tiếp giáp với bờ an lạc là dứt khổ, nói rõ hơn là mé khổ chấm dứt. Đến được mé khổ thì lìa sắc, lìa tham dục, tâm được giải thoát. Thọ, tưởng, hành, thức cũng như thế. Chỉ cần thấy năm uẩn đúng như thật thì giải thoát.

Chủ yếu bài kinh này Phật dạy chúng ta đối với thân năm uẩn thấy biết rõ tính chất tập hợp, tính chất giả dối của nó để đừng tham đắm, từ đó tu tập mau giải thoát.

PALI TẠNG

Hai bài kinh tuy tên khác, bản chất không khác, có vài điểm nhỏ sai biệt chút ít. Mục 4, 5 rất là hệ trọng nhưng Tạp A-hàm không có.

Chánh văn:

1) Như vầy tôi nghe. Một hôm, Phật ở nước Xá-vệ rừng cây Kỳ-đà vườn Cấp Cô Độc.

2) Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỷ-kheo:

3) Này các Tỷ-kheo, có năm thủ uẩn này. Thế nào là năm? Sắc thủ uẩn,

thọ thủ uẩn, tưởng thủ uẩn, hành thủ uẩn, thức thủ uẩn.

4) Này các Tỷ-kheo, khi nào ta chưa như thật thắng tri năm thủ uẩn này theo bốn chuyển, thì cho đến khi ấy, này các Tỷ-kheo, đối với thế giới chư thiên, ma, Phạm thiên, cùng với quần chúng Sa-môn, Bà-la-môn, chư thiên và loài người, ta không xác chứng rằng ta đã chứng được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Giảng:

Bên Pāli nói thắng tri, bên Hán tạng nói thấy biết đúng như thật. Bên Pāli nói năm thủ uẩn theo bốn chuyển, bên Hán tạng nói năm chuyển. Ý đoạn này, Phật nói rằng nếu ta không biết rõ năm uẩn này theo bốn chuyển thì ta chưa dám tự

xưng là chứng được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Câu này rất hệ trọng.

Chánh văn:

5) Nhưng này các Tỷ-kheo, khi nào ta đã như thật thắng tri năm thủ uẩn này theo bốn chuyển, cho đến khi ấy, này các Tỷ-kheo, đối với thế giới chư thiên, ma, Phạm thiên, cùng với quần chúng Sa-môn, Bà-la-môn, chư thiên và loài người, ta xác chứng rằng ta đã chứng được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Giảng:

Phật dõng dạc tuyên bố, khi nào ta biết đúng như thật năm uẩn theo bốn chuyển này, lúc đó đối với chư thiên, ma, Phạm thiên, Sa-môn, Bà-la-môn ta khẳng định là đã chứng Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Chứng Vô thượng

Chánh đẳng Chánh giác hoặc không chứng Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác là y cứ vào cái biết đúng như thật năm uẩn theo bốn chuyển. Đối với năm uẩn mà không biết đúng như thật là mê muội, tầm mức quan trọng này bên Hán tạng không có, chỉ Pāli mới có.

Do công phu thấy đúng năm uẩn nên không bị rơi trong vòng trói buộc của thân năm uẩn, được giải thoát. Phật nhấn mạnh điều này để hàng đệ tử thấy rõ sự quan trọng của nó. Hàng ngoại đạo công phu rất khổ nhọc, nhưng vì đối với năm uẩn không thấy biết như thật nên mong cái này tưởng cái kia. Như xuất hồn cũng là một lối tưởng, cho đó là thật thì lạc vào tà giáo, không chứng được Chánh đẳng Chánh giác. Chúng ta học Phật phải nắm cho thật vững cốt lõi nguyên thủy Phật giáo, thấy biết những chi nhánh về sau cái

nào đúng cái nào sai. Cứu cánh Phật giáo là giác ngộ ngay nơi thân này. Thân này không chịu giác ngộ mà cứ mong sanh ở đâu, lại thêm một lớp mê nữa! Thấy đúng thân này là vô thường, khổ, lúc đó không đắm nhiễm, không đắm nhiễm mới giải thoát, chuyện đó quá rõ ràng.

Đạo Phật rất thực tế, không có gì huyền bí huyền hoặc, chỉ vì thế gian bị mê muội cám dỗ bởi sắc, thọ, tưởng, hành, thức, người tu Phật thấy rõ từng cái, đó là giác ngộ. Thấy rõ biết rõ để không bị nhiễm, không bị mê hoặc. Những điều Phật nói, bây giờ kiểm lại khoa học, y học... nghiên cứu về con người thấy gần với đạo Phật. Thấy gần nhưng chưa đoạn được tham dục, không vượt ngoài tham dục, chỉ biết được bao nhiêu đó. Chúng ta là đệ tử Phật, thấy biết như thế rồi trừ tham dục, vượt ngoài tham dục, chấm dứt mé khổ.

Chánh văn:

6) Và thế nào là bốn chuyển? Ta đã thắng tri sắc, ta đã thắng tri sắc tập khởi, ta đã thắng tri sắc đoạn diệt, ta đã thắng tri con đường đưa đến sắc đoạn diệt. Ta đã thắng tri thọ... tưởng... hành... Ta đã thắng tri thức, ta đã thắng tri thức tập khởi, ta đã thắng tri thức đoạn diệt, ta đã thắng tri con đường đưa đến thức đoạn diệt.

7) Và này các Tỷ-kheo, thế nào là sắc? Bốn đại chủng và sắc do bốn đại chủng tạo thành. Này các Tỷ-kheo, đấy được gọi là sắc. Do các thức ăn tập khởi nên sắc tập khởi. Do các thức ăn đoạn diệt nên sắc đoạn diệt. Và con đường đưa đến sắc đoạn diệt là con đường thánh đạo tám ngành,

tức là chánh tri kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định.

8) Này các Tỷ-kheo, những vị Sa-môn hay Bà-la-môn nào do thắng tri sắc như vậy, do thắng tri sắc tập khởi như vậy, do thắng tri sắc đoạn diệt như vậy, do thắng tri con đường đưa đến sắc đoạn diệt như vậy, họ hướng về thực hiện yếm ly, ly tham, đoạn diệt sắc. Những thực hiện ấy, họ khéo thực hiện. Những ai khéo thực hiện, những vị ấy có chân đứng trong Pháp và Luật này.

9) Và này các Tỷ-kheo, những vị Sa-môn hay Bà-la-môn nào thắng tri sắc là như vậy... thắng tri con đường đưa đến sắc đoạn diệt là như vậy; do

yếm ly, ly tham, đoạn diệt sắc, họ được giải thoát, không có chấp thủ. Họ được khéo giải thoát. Những ai được khéo giải thoát, họ được vẹn toàn. Những ai được vẹn toàn, thời không thể nêu rõ sự luân chuyển của họ.

10) Và này các Tỷ-kheo, thế nào là thọ? Này các Tỷ-kheo, có sáu thọ thân này: thọ do nhãn xúc sanh, thọ do nhĩ xúc sanh, thọ do tỹ xúc sanh, thọ do thiệt xúc sanh, thọ do thân xúc sanh, thọ do ý xúc sanh. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là thọ. Do xúc tập khởi nên thọ tập khởi. Do xúc đoạn diệt nên thọ đoạn diệt. Đây là con đường thánh đạo tám ngành đưa đến thọ đoạn diệt, tức là chánh tri kiến, chánh tư duy... chánh định.

11) Này các Tỷ-kheo, những vị Sa-môn hay Bà-la-môn nào thắng tri thọ là như vậy, thắng tri thọ tập khởi là như vậy, thắng tri thọ đoạn diệt là như vậy, thắng tri con đường đưa đến thọ đoạn diệt là như vậy, họ hướng về thực hiện yếm ly, ly tham, đoạn diệt thọ. Những thực hiện ấy, họ khéo thực hiện. Những ai khéo thực hiện, những vị ấy có chân đứng trong Pháp và Luật này.

12) Và này các Tỷ-kheo, những vị Sa-môn hay Bà-la-môn nào thắng tri thọ là như vậy, thắng tri con đường đưa đến thọ đoạn diệt là như vậy... thời không thể nêu rõ sự luân chuyển của họ.

13-15) Và này các Tỷ-kheo, thế nào là tưởng? Này các Tỷ-kheo, có sáu

tưởng thân này: sắc tưởng, thanh tưởng, hương tưởng, vị tưởng, xúc tưởng, pháp tưởng. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là tưởng. Do xúc tập khởi nên tưởng tập khởi. Do xúc đoạn diệt nên tưởng đoạn diệt. Đây là con đường thánh đạo tám ngành đưa đến tưởng đoạn diệt, tức là chánh tri kiến, chánh tư duy... chánh định... thời không thể nêu rõ sự luân chuyển của họ.

16) Và này các Tỷ-kheo, thế nào là hành? Có sáu tư thân này: sắc tư, thanh tư, hương tư, vị tư, xúc tư, pháp tư. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là hành. Do xúc tập khởi nên các hành tập khởi. Do xúc đoạn diệt nên các hành đoạn diệt. Đây là con đường thánh

đạo tám ngành đưa đến đoạn diệt, tức là chánh tri kiến... chánh định.

17) Này các Tỷ-kheo, những vị Sa-môn hay Bà-la-môn nào thắng tri các hành là như vậy, thắng tri các hành tập khởi là như vậy, thắng tri các hành đoạn diệt là như vậy, thắng tri con đường đưa đến các hành đoạn diệt là như vậy, họ hướng về thực hiện yếm ly, ly tham, đoạn diệt các hành. Những thực hiện ấy, họ khéo thực hiện. Những ai khéo thực hiện, những vị ấy có chân đứng trong Pháp và Luật này.

18) Và này các Tỷ-kheo, những vị Sa-môn hay Bà-la-môn nào thắng tri các hành là như vậy, thắng tri các hành tập khởi là như vậy, thắng tri các hành đoạn diệt là như vậy, thắng

tri con đường đưa đến các hành đoạn diệt là như vậy; do yếm ly, ly tham, đoạn diệt các hành, họ giải thoát, không có chấp thủ. Họ được khéo giải thoát. Những ai được khéo giải thoát, họ được vẹn toàn. Những ai được vẹn toàn, thời không thể nêu rõ sự luân chuyển của họ.

19) Và này các Tỷ-kheo, thế nào là thức? Có sáu thức thân này, này các Tỷ-kheo, (tức là) nhãn thức, nhĩ thức, tỹ thức, thiệt thức, thân thức, ý thức. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là thức. Do danh sắc tập khởi nên thức tập khởi. Do danh sắc đoạn diệt nên thức đoạn diệt. Đây là con đường thánh đạo tám ngành đưa đến thức đoạn diệt, tức là chánh tri kiến, chánh tư duy... chánh định.

20) Này các Tỷ-kheo, những vị Sa-môn hay Bà-la-môn nào thắng tri thức là như vậy, thắng tri thức tập khởi là như vậy, thắng tri thức đoạn diệt là như vậy, thắng tri con đường đưa đến thức đoạn diệt là như vậy, họ hướng về thực hiện yếm ly, ly tham, đoạn diệt thức. Những thực hiện ấy, họ khéo thực hiện. Những ai khéo thực hiện, những vị ấy có chân đứng trong Pháp và Luật này.

21) Và này các Tỷ-kheo, những vị Sa-môn hay Bà-la-môn nào thắng tri thức là như vậy, thắng tri thức tập khởi là như vậy, thắng tri thức đoạn diệt là như vậy, thắng tri con đường đưa đến thức đoạn diệt là như vậy; do yếm ly, ly tham, đoạn diệt thức, họ được giải thoát, không có chấp thủ.

Họ được khéo giải thoát. Những ai khéo giải thoát, họ được vẹn toàn. Những ai được vẹn toàn, thời không thể nêu rõ sự luân chuyển của họ.

Giảng:

Phần này Phật dạy về bốn chuyển đối với năm ấm, Hán tạng thì có năm chuyển nên tên kinh gọi là Ngũ chuyển. So sánh hai bên có chỗ tương đồng. Bốn chuyển của Pali là:

1) Biết rõ sắc, giống như Hán tạng.

2) Biết rõ sắc tập khởi, là sắc tập của Hán tạng.

3) Thắng tri sắc đoạn diệt, bên đây nói *do các thức ăn đoạn diệt nên sắc đoạn diệt,* tương đương bên Hán tạng nói *về sắc vô thường, khổ, biến dịch tức là sắc hoạn.*

4) Biết rõ *con đường đưa đến sắc đoạn diệt,* là *sắc ly* của Hán tạng. Hán tạng

thêm phần sắc vị, muốn phân tích rõ do sắc mà sanh ưa thích.

Pāli nói con đường đưa đến sắc đoạn diệt là bát chánh đạo, chỉ rõ phương pháp yếm ly cụ thể, Hán tạng chỉ nói là điều phục tham dục, vượt ngoài tham dục... Pāli kết luận *những ai khéo thực hiện, những vị ấy có chân đứng trong Pháp và Luật này,* tất cả các uẩn đều kết như vậy. Hán tạng thì nhấn mạnh chỗ *giải thoát, Phạm hạnh lập, được tự tại.* Hai bên bổ túc cho nhau, chúng ta đọc kỹ mỗi bên, thấy ý nghĩa rõ hơn.

Bài kinh này mới đọc thấy khô khan tầm thường, nhưng sự thật rất quan trọng, phải gắng nghiền ngẫm kỹ. Nếu không nắm vững, chúng ta không giản trạch được chữ hành của mười hai nhân duyên và chữ hành của ngũ uẩn, thức của mười hai nhân duyên và thức của ngũ uẩn. Vì

vậy phải nắm vững những căn bản này để biết rõ những trạng thái đó. Biết rõ cốt yếu của Phật chỉ dạy đưa đến giải thoát, chúng ta nhắm đó mà tu.

Giải và Đối chiếu Kinh Sai Ma (Hán tạng, Kinh số 103) với Kinh Khema (Pali tạng)

HÁN TẠNG

Chánh văn:

Tôi nghe như vầy: Bấy giờ, có số đông Tỳ-kheo thượng tọa trú ở tại vườn Cù-sư-la, nước Câu-xá-di. Lúc ấy cũng ở nước Câu-xá-di tại vườn Bạt-đà-lê có Tỳ-kheo Sai-ma thân mang trọng bệnh. Bấy giờ, Tỳ-kheo Đà-sa là người nuôi bệnh. Tỳ-kheo Đà-sa đến chỗ các Tỳ-kheo thượng tọa, lễ dưới chân các Tỳ-kheo thượng tọa rồi đứng sang một bên. Các Tỳ-kheo thượng tọa bảo Tỳ-kheo Đà-sa rằng:

- Thầy trở về chỗ Tỳ-kheo Sai-ma nói rằng: Các thượng tọa hỏi thăm Thầy, thân thể có an ổn chút nào không? Đau đớn không tăng lắm chứ?

Lúc ấy, Tỳ-kheo Đà-sa vâng lời các Tỳ-kheo thượng tọa trở về chỗ Tỳ-kheo Sai-ma, nói với Tỳ-kheo Sai-ma rằng:

- Các thượng tọa hỏi thăm Thầy, thân thể có an ổn chút nào không? Đau đớn không tăng lắm chứ?

Giảng:

Bài kinh này thật cô đọng, người đọc khó thấy cái hay của nó. Đây là nói về Tỳ-kheo Sai-ma bệnh, có Tỳ-kheo Đà-sa nuôi bệnh. Bấy giờ có các Tỳ-kheo thượng tọa hỏi thăm bệnh, nhắn qua Tỳ-kheo Đà-sa rằng chư thượng tọa hỏi Sai-ma thân

giảm nhẹ an ổn, bệnh khổ không thêm nhiều chăng?

Chánh văn:

Tỳ-kheo Sai-ma nói với Tỳ-kheo Đà-sa rằng:

- Bệnh của tôi không giảm, thân không được an ổn, các thứ khổ bức bách càng tăng thêm, không cứu nổi. Giống như kẻ lực sĩ bắt lấy người gầy yếu đuối tròng vòng vào cổ, hai tay siết chặt làm cho đau đớn vô cùng. Tôi nay bệnh khổ còn hơn người bị thắt cổ.

Giống như tên đồ tể dùng dao bén mổ bụng bò lấy nội tạng nó ra, sự đau đớn bụng con bò như thế nào có thể chịu nổi, còn hiện tại sự đau đớn bụng của tôi, hơn cả sự đau của con bò kia.

Như hai lực sĩ bắt một người yếu đuối treo lên trên lửa rồi đốt hai chân họ, hiện nay hai chân của tôi còn nóng hơn người kia.

Giảng:

Tỳ-kheo Sai-ma diễn tả bệnh khổ của mình qua nhiều hình ảnh: người bị thắt cổ, con bò bị mổ bụng, người bị đốt hai chân. Ba hình ảnh tả bệnh trạng thật trầm trọng. Đau gần chết như vậy mà ngài vẫn còn đủ sức để nói thí dụ, thật là gan dạ tỉnh táo vô cùng.

Chánh văn:

Bấy giờ, Tỳ-kheo Đà-sa đến lại chỗ các thượng tọa Tỳ-kheo, thuật lại hết bệnh trạng của Tỳ-kheo Sai-ma cho chư thượng tọa Tỳ-kheo. Chư thượng tọa Tỳ-kheo lại sai Tỳ-kheo Đà-sa trở về chỗ Tỳ-kheo Sai-ma và nói với Tỳ-

kheo Sai-ma rằng: "Đức Thế Tôn đã dạy có ngũ thọ ấm, đó là sắc thọ ấm, thọ, tưởng, hành, thức thọ ấm. Tỳ-kheo Sai-ma hay quán sát được chút ít về năm thọ ấm này, phi ngã, phi ngã sở chăng?"

Tỳ-kheo Đà-sa vâng lời các Tỳ-kheo thượng tọa dạy rồi trở về nói với Tỳ-kheo Sai-ma rằng:

- Các thượng tọa nhắn lại Thầy là "Thế Tôn đã từng dạy về năm thọ ấm". Thầy có thể quán sát phi ngã, phi ngã sở được không?

Tỳ-kheo Sai-ma nói với Tỳ-kheo Đà-sa rằng:

- Đối với năm thọ ấm này, tôi có thể quán sát phi ngã, phi ngã sở.

Giảng:

Các thượng tọa nhắc cho Tỳ-kheo Sai-ma nhớ Phật từng dạy về ngũ thọ ấm, đối với ngũ thọ ấm này, Tỳ-kheo Sai-ma đã quán sát được chút ít phi ngã và phi ngã sở chăng? *Phi ngã, phi ngã sở* là không phải ta, không phải của ta. Thân này không phải ta vì nó là tứ đại năng tạo và tứ đại sở tạo cộng lại mà có. Thấy đúng như thật, đầu tiên thân sắc uẩn do đất, nước, gió, lửa hợp thành, gọi đó là tứ đại sở tạo. Hợp thành thân rồi phải nuôi dưỡng bằng tứ đại năng tạo là đất, nước, gió, lửa bên ngoài bồi bổ luôn luôn không phút giây nào thiếu để cho thân sở tạo tồn tại.

Thân tứ đại vô tri, do duyên hợp không bền chắc nên nói thân này không phải là ta, tạm chấp nhận được. Nói thân này không phải của ta thì hơi khó chấp

nhận. Nếu không phải của ta thì của ai? Gọi là của ta thì phải có quyền sắp đặt, biết rõ về thân. Hiện thân này đang làm gì chúng ta không biết. Có vi trùng xâm nhập trong thân mình không hay, đến chừng ngã bệnh mới biết. Râu cứ mọc, tóc cứ dài, thân hoạt động thế nào, chúng ta không biết. Những gì trong thân, muốn làm chủ nó cũng không được; nó phát họ, muốn đừng họ cũng không được. Nếu là của mình, mình phải toàn vẹn làm chủ. Lý lẽ này nghe qua thấy tầm thường, nhưng minh chứng một sự thật hiển nhiên. Chứng lẽ thật rồi mới phá được chấp ngã. Căn bản của người tu là dùng trí tuệ quán sát thân năm uẩn không thật, không phải ta hay của ta. Thấy vô ngã rồi tất cả pháp tu đều chứng thực dễ dàng. Còn chấp ngã thì áp dụng pháp tu nào cũng khó, dù pháp tiên hay pháp gì tối thượng cũng không tu được vì bản ngã làm trở ngại.

Các Tỳ-kheo thượng tọa hỏi thăm Tỳ-kheo Sai-ma khi bệnh có nhớ quán năm uẩn phi ngã phi ngã sở không? Đây là lời nhắc nhở thiết thực, cũng kiểm tra công phu hàng ngày của một vị Tỳ-kheo. Chúng ta bình thường phải luôn nhớ quán sát thấy sắc uẩn không thật, thọ, tưởng, hành, thức cũng đều không chủ tể, đợi đủ duyên mới có, không đủ duyên thì không có. Cái chợt có chợt không này mà chấp là ta, rốt cuộc sống trong si mê sanh diệt. Thiền tông bắt nguồn từ cội gốc này, thấy năm uẩn không phải ngã và ngã sở. Thấy thân năm ấm giả dối không thật *"ngũ ấm phù vân không khứ lai",* mình và người đều như huyễn thì còn gì hơn kém, còn gì là ngã? Nhận được chỗ chân thật, bản lai diện mục thì ai ai cũng có sẵn, không còn hơn kém nên cũng vô ngã. Như vậy từ chỗ thấy thân không thật, đạt đến chỗ bình

đẳng vô ngại kia, cũng từ một gốc quán sát thân ngũ uẩn như bọt bóng, sương mai.

Như vậy chúng ta học bài kinh này để thấu rõ cội gốc căn bản của đạo Phật, không phải dựa trên lý luận suông mà phải hằng quán sát thấu đáo như thật.

Chánh văn:

Tỳ-kheo Đà-sa trở lại bạch với các thượng tọa rằng:

- Tỳ-kheo Sai-ma nói: "Đối với năm thọ ấm này, tôi có thể quán sát phi ngã, phi ngã sở."

Các Tỳ-kheo thượng tọa lại sai Tỳ-kheo Đà sa nói với Tỳ-kheo Sai-ma rằng: "Thầy có thể đối với năm thọ ấm quán sát về không phải ngã, không phải những gì thuộc về ngã như các bậc A-la-hán đã đoạn tận các lậu hoặc được không?"

Tỳ-kheo Đà-sa vâng lời các Tỳ-kheo thượng tọa dạy, lại đến chỗ Tỳ-kheo Sai-ma, nói với Sai-ma rằng:

- Thầy có thể quán sát năm thọ ấm như các bậc A-la-hán đã đoạn tận các lậu hoặc được không?

Tỳ-kheo Sai-ma nói với Tỳ-kheo Đà-sa rằng:

- Tôi có thể quán sát năm thọ ấm là không phải ngã, không phải ngã sở, nhưng chẳng phải là A-la-hán đã đoạn tận lậu hoặc.

Tỳ-kheo Đà-sa trở lại chỗ các thượng tọa, bạch với các thượng tọa:

- Tỳ-kheo Sai-ma nói: "Tôi có thể quán sát năm thọ ấm là không phải ngã, không phải ngã sở, nhưng chẳng

phải là A-la-hán đã đoạn tận lậu hoặc."

Bấy giờ, các thượng tọa bảo Tỳ-kheo Đà-sa:

- Thầy hãy trở về nói với Tỳ-kheo Sai-ma: "Thầy nói là Thầy quán sát năm thọ ấm không phải là ngã, không phải là ngã sở, nhưng chẳng phải là A-la-hán đã đoạn tận lậu hoặc. Trước sau mâu thuẫn nhau."

Giảng:

Các thượng tọa lại nhắn hỏi Tỳ-kheo Sai-ma có thể quán sát năm ấm như các bậc A-la-hán không?

Tỳ-kheo Sai-ma trả lời mình có thể quán năm ấm phi ngã phi ngã sở nhưng không phải là bậc A-la-hán. Lời này có vẻ như mâu thuẫn, trước sau trái nhau. Vì nếu hay quán ngũ ấm không phải ngã,

không phải ngã sở, tu như thế là chứng A-la-hán. Tại sao nói không phải như vậy?

Chánh văn:

Tỳ-kheo Đà-sa lại vâng lời dạy các thượng tọa, đến nói với Tỳ-kheo Sai-ma là:

- Thầy nói là Thầy quán sát năm thọ ấm không phải là ngã, không phải là ngã sở, nhưng chẳng phải là A-la-hán đã đoạn tận lậu hoặc. Trước sau mâu thuẫn nhau.

Tỳ-kheo Sai-ma nói với Tỳ-kheo Đà-sa rằng:

- Đối với năm thọ ấm tôi quán sát không phải là ngã, không phải là ngã sở. Nhưng chẳng phải là A-la-hán. Vì đối với ngã mạn, ngã dục, ngã sử, tôi

chưa đoạn hết, chưa biết rõ, chưa xả ly, chưa nhàm tởm, chưa nhổ ra hết.

Tỳ-kheo Đà-sa trở lại chỗ các thượng tọa, bạch với các thượng tọa là:

- Tỳ-kheo Sai-ma xin thưa rằng: "Đối với năm thọ ấm tôi quán sát không phải là ngã, không phải là ngã sở. Nhưng chẳng phải là A-la-hán. Vì đối với ngã mạn, ngã dục, ngã sử, tôi chưa đoạn hết, chưa biết rõ, chưa xả ly, chưa nhàm tởm, chưa nhổ ra hết."

Giảng:

Lý do chưa chứng A-la-hán là vì đối với ngã mạn, ngã dục, ngã sử chưa đoạn tận. Chúng ta thường tưởng lầm khi ứng dụng tu quán thân năm uẩn là vô ngã, liền chứng vô ngã ngay đây. Đó chỉ mới là tu quán, chưa phải sự thực được vô ngã.

Thầy Tỳ-kheo Sai-ma nói: Tôi quán năm ấm phi ngã phi ngã sở nhưng chưa phải là lậu tận A-la-hán, vì chưa dứt sạch ngã mạn, ngã dục, ngã sử. Còn quán là còn tu tập, chưa được vô ngã nên phải quán vô ngã. Như chúng ta tu quán từ bi hỷ xả, nhưng thực tế cũng còn phiền giận vì chưa được hoàn toàn từ bi hỷ xả. Còn phải tu tức là chưa xong việc, vẫn còn phiền não vi tế. Nếu còn nhiều thì làm chủ không nổi, còn ít thì làm chủ được. Nếu hết sạch phiền não thì đã là bậc thánh, thành Phật rồi.

Như vậy đối với sự tu phải thật thà, phải nhận định kỹ không thể nói môi mép. Nghiền ngẫm lại đoạn này, khi ngài tu luôn luôn thấy thân năm uẩn này vô ngã, vô ngã sở. Tuy nhiên vẫn còn ngã mạn, ngã dục, ngã sử, chưa đoạn hết, chưa biết rõ, chưa lìa, nên chẳng phải là A-la-hán.

Chánh văn:

Các thượng tọa lại sai Tỳ-kheo Đà-sa nói với Tỳ-kheo Sai-ma rằng:

- Thầy nói có ngã. Vậy thì ở chỗ nào có ngã? Sắc là ngã hay ngã dị sắc? Và thọ, tưởng, hành, thức là ngã hay ngã dị thức?

Giảng:

Quán sắc không phải ngã, sắc cũng không khác ngã. Theo quan niệm thế gian chỉ xác định một mặt, như nói duy tâm, duy vật, cho là tâm riêng, vật riêng. Như vậy hoặc cho là sắc khác, ngã khác, không thể gồm chung. Phật pháp nói rằng sắc không phải là ngã, sắc cũng không ngoài ngã nghĩa là sắc không khác ngã, không thể tách ra. Nếu cho sắc khác ngã thì ta là linh hồn bay bổng đâu đâu, không phải thân này, đó là sắc khác ngã. Chấp ngã

không phải thân, tức cho rằng ngã là tâm, thành hai khối đối chọi. Nên ở đây nói sắc không là ngã mà cũng không khác ngã. Thọ, tưởng, hành, thức cũng vậy, không phải ngã mà cũng không khác với ngã. Các thượng tọa gạn hỏi Tỳ-kheo Sai-ma ngã ở chỗ nào, ý muốn ngài trình bày chỗ thấy của mình.

Chánh văn:

Tỳ-kheo Sai-ma nói với Tỳ-kheo Đà-sa rằng:

- Tôi không nói sắc là ngã hay ngã khác sắc; thọ, tưởng, hành, thức là ngã hay ngã khác thức. Nhưng đối với năm thọ ấm, ngã mạn, ngã dục, ngã sử tôi chưa đoạn hết, chưa biết rõ, chưa xa lìa, chưa nhàm tởm, chưa nhổ ra hết.

Tỳ-kheo Sai-ma lại nói:

- Sao dám làm phiền Thầy phải chạy qua chạy lại! Thầy mang giùm cây gậy đến đây, tôi sẽ tự chống gậy đến các thượng tọa kia. Xin trao gậy cho tôi.

Tỳ-kheo Sai-ma liền tự chống gậy đi đến chỗ các thượng tọa. Từ xa các thượng tọa nhìn thấy Tỳ-kheo Sai-ma chống gậy đi lại, liền trải tòa, sửa ghế ngồi, đích thân ra nghênh tiếp, vì Thầy mang giúp y bát và mời ngồi, cùng thăm hỏi sức khỏe nhau, rồi các thượng tọa nói với Tỳ-kheo Sai-ma rằng:

- Thầy bảo ngã mạn, vậy chỗ nào thấy ngã? Sắc là ngã chăng? Ngã khác sắc chăng? Và thọ, tưởng, hành, thức là ngã chăng? Ngã khác thức chăng?

Tỳ-kheo Sai-ma bạch rằng:

- Chẳng phải sắc là ngã, chẳng phải ngã khác sắc, chẳng phải thọ, tưởng, hành, thức là ngã, chẳng phải ngã khác thức. Nhưng đối với năm thọ ấm, ngã mạn, ngã dục, ngã sử tôi chưa có thể đoạn hết, chưa có thể biết rõ, chưa có thể xa lìa, chưa nhàm tởm, chưa nhổ ra hết.

Giảng:

Thấy rằng nhờ người tới lui nói qua nói lại phiền phức, nên Tỳ-kheo Sai-ma đích thân đến chỗ các thượng tọa để trả lời rành rẽ. Ngài nói tôi thấy sắc không phải là ngã, sắc không khác ngã, biết hết, nhưng đối với ngã mạn... chưa lìa được. Đây là thành thật nói về chỗ tu của mình đến đâu.

Chánh văn:

Giống như hương thơm của hoa ưu-bát-la, bát-đàm-ma, câu-mâu-đầu, phân-đà-lợi, có phải là mùi hương của rễ? Hay hương khác rễ, là mùi hương tinh thô của thân, lá, cuống? Là mùi hương khác tinh thô? Hay là tất cả những thứ đó chăng?

Các thượng tọa đáp rằng:

- Không phải đâu, Tỳ-kheo Sai-ma, chẳng phải rễ của hoa ưu-bát-la, bát-đàm-ma, câu-mâu-đầu, phân-đà-lợi, là mùi hương và chẳng phải mùi hương khác rễ, cũng chẳng phải thân, lá, cuống, tinh thô là mùi hương, cũng chẳng phải mùi hương khác tinh thô.

Tỳ-kheo Sai-ma lại hỏi:

- Vậy đó là những thứ hương gì?

Các thượng tọa đáp rằng:

- Là mùi hương của hoa.

Tỳ-kheo Sai-ma lại nói:

- Vậy thì ngã cũng như vậy. Chẳng phải sắc là ngã, ngã không lìa sắc và chẳng phải thọ, tưởng, hành, thức là ngã, ngã không lìa thức, nhưng đối với năm thọ ấm, tôi thấy không phải ngã, không phải ngã sở, mà đối với ngã mạn, ngã dục, ngã sử tôi chưa đoạn hết, chưa biết rõ, chưa xa lìa, chưa nhàm tởm, chưa nhổ ra hết.

Giảng:

Ưu-bát-la là hoa sen xanh, bát-đàm-ma là hoa sen đỏ, câu-mâu-đầu là hoa sen vàng, phân-đà-lợi là hoa sen trắng. Các loại hoa đó đều có mùi thơm. Ngài hỏi các vị thượng tọa: mùi thơm của hoa là của rễ,

của thân... hay khác rễ, khác thân? Ngài cũng đồng ý là mùi thơm không phải từ cá biệt từng phần của hoa, chỉ nói chung là mùi thơm của hoa. Đối với ngũ uẩn phân tách cũng vậy, không phải ngã, ngã sở, nhưng vì thói quen chấp ngã chưa hết, nên còn ngã mạn, ngã dục, ngã sử. Quán thì cứ quán, thấy thì cứ thấy, nhưng chưa hết, cũng giống như mùi của hoa không có hình dáng, có đủ các thành phần thì có mùi của nó, không phải từ cái nào hết. Khi phân tích sắc uẩn thọ uẩn... không phải ngã, mà còn những cái đó là còn có ngã. Tỳ-kheo Sai-ma cho thấy chỗ khó dứt trừ đối với năm thọ ấm.

Chánh văn:

Các thượng tọa hãy nghe tôi nói thí dụ, vì người trí nhờ thí dụ mà được hiểu rõ. Giống như chiếc áo của người nhũ mẫu giao cho người giặt.

Họ giặt bằng nước tro, tuy có sạch bụi dơ, nhưng vẫn còn có mùi. Nếu muốn hết mùi này thì cần phải dùng các thứ hương thơm xông ướp. Cũng vậy, đa văn Thánh đệ tử xa lìa năm thọ ấm, quán sát chân chánh rằng không phải ngã, không phải ngã sở, có thể đối với năm thọ ấm, ngã mạn, ngã dục, ngã sử chưa đoạn hết, chưa biết rõ, chưa xa lìa, chưa nhàm tởm, nhưng đối với năm thọ ấm sau đó vị ấy tư duy thêm nữa, quán sát sự sanh diệt của chúng, rằng "Đây là sắc, đây là sự tập khởi của sắc này, đây là sự diệt tận của sắc này. Đây là thọ, tưởng, hành, thức này, đây là sự tập khởi... thức này và sự đoạn tận của... thức này cũng như vậy," Đối với năm thọ ấm khi đã quán sát sự sanh diệt của

chúng như vậy rồi, thì ngã mạn, ngã dục, ngã sử, tất cả đều được tiêu trừ. Đó gọi là quán sát chân chánh chân thật.

Giảng:

Tỳ-kheo Sai-ma giải thích, tuy quán phi ngã phi ngã sở như trên nhưng chưa dứt liền. Muốn dứt sạch phải luôn luôn quán sát sanh diệt của năm uẩn. Nói đến sắc phải quán sắc tập, sắc vị, sắc hoạn, sắc xuất yếu. Quán thọ, tưởng, hành, thức cũng vậy, quán tới quán lui, quán mãi như vậy, lâu ngày tự sạch. Như chiếc áo dơ, tuy giặt sạch nhưng còn mùi hôi, muốn hết mùi hôi phải ướp hương thơm. Chúng ta tu cũng vậy, tuy học kinh thấy biết vô ngã, nhưng tập khí còn y nguyên. Muốn hết chấp ngã phải áp dụng trí tuệ quán sát luôn luôn, xông ướp Phật pháp lâu ngày thuần thục mới dứt tập khí.

Chánh văn:

Khi Tỳ-kheo Sai-ma nói pháp này, thì các vị thượng tọa xa lìa được trần cấu, được trong sạch mắt pháp. Tỳ-kheo Sai-ma nhờ không khởi các lậu hoặc, nên tâm được giải thoát. Vì được an vui lợi ích nơi chánh pháp nên những bệnh của thân tất cả đều được tiêu trừ.

Giảng:

Các thượng tọa hỏi thăm bệnh mà ngài nói pháp cho các vị ngộ đạo. Nhờ giảng pháp cho người nghe nên ngài cũng hết bệnh. Như vậy rất hay, chúng ta khi nào bệnh cảm thì nên nói đạo lý, vui vẻ nói một hồi hết bệnh. Đó là lợi ích pháp hỷ.

Chánh văn:

Bấy giờ, các thượng tọa nói với Tỳ-kheo Sai-ma rằng:

- Lần đầu chúng tôi được nghe những gì Nhân giả nói đã hiểu rõ và mừng vui, huống chi là được nghe lại nhiều lần. Sở dĩ chúng tôi hỏi nhiều là vì muốn phát khởi biện tài vi diệu của Nhân giả, chứ không phải có ý nhiễu loạn. Nhân giả là người có khả năng nói rộng chánh pháp của Như Lai Ứng Cúng Đẳng chánh giác.

Sau khi các thượng tọa nghe những gì mà Tỳ-kheo Sai-ma nói xong, tất cả đều hoan hỷ phụng hành.

Giảng:

Kết luận, sở dĩ các thượng tọa hỏi đi hỏi lại nhiều lần vì muốn nghe Tỳ-kheo Sai-ma nói rộng chánh pháp. Người nói được lợi ích mà người nghe cũng được lợi ích.

PĀLI TẠNG

Chánh văn:

1) Một thời, nhiều Tỷ-kheo trưởng lão sống ở Kosambi, tại vườn Ghosita.

2) Lúc bấy giờ, tôn giả Khemaka trú tại vườn Badarica, bị bệnh, đau đớn, bị trọng bệnh.

3) Rồi các Tỷ-kheo trưởng lão, vào buổi chiều, từ chỗ tịnh cư đứng dậy và gọi tôn giả Dāsaka:

- Hãy đến đây, này hiền giả Dāsaka! Hãy đi đến Tỷ-kheo Khemaka, sau khi đến, hãy nói với Tỷ-kheo Khemaka:

- Này hiền giả Khemaka, các trưởng lão nói với hiền giả như sau: Này hiền giả, hiền giả có kham nhẫn

được không? Hiền giả có chịu đựng được không? Có phải khổ thọ tổn giảm không tăng trưởng? Có phải có những dấu hiệu tổn giảm, không phải tăng trưởng?

4) - Thưa vâng, chư hiền.

Tôn giả Dāsaka vâng đáp các Tỷ-kheo ấy, đi đến tôn giả Khemaka, sau khi đến, nói với tôn giả Khemaka:

- Các trưởng lão, này hiền giả Khemaka, nói với hiền giả như sau: "Hiền giả có kham nhẫn được không? Này hiền giả Khemaka... không phải tăng trưởng?"

5) - Tôi không có thể kham nhẫn, thưa hiền giả... tôi không có thể chịu đựng... có những dấu hiệu tăng trưởng, không phải thuyên giảm!

6) - Rồi tôn giả Dāsaka đi đến các Tỷ-kheo trưởng lão, sau khi đến, thưa với các Tỷ-kheo trưởng lão:

- Thưa chư hiền, Tỷ-kheo Khemaka nói như sau: "Tôi không có thể kham nhẫn, này hiền giả... có những dấu hiệu tăng trưởng, không phải thuyên giảm"

7) - Hãy đến đây, hiền giả Dāsaka! Hãy đi đến Tỷ-kheo Khemaka, sau khi đến, nói với Tỷ-kheo Khemaka như sau: Này hiền giả Khemaka, các bậc trưởng lão nói với hiền giả như sau: "Này hiền giả, Thế Tôn có nói đến năm thủ uẩn, tức là sắc thủ uẩn, thọ thủ uẩn, tưởng thủ uẩn, hành thủ uẩn, thức thủ uẩn. Trong năm thủ uẩn này, tôn giả Khemaka quán có cái gì là tự ngã hay ngã sở không?"

8) - Thưa vâng, chư hiền.

Tôn giả Dāsaka vâng đáp các Tỷ-kheo trưởng lão, đi đến tôn giả Khemaka, sau khi đến...

Các bậc trưởng lão, này hiền giả, nói với hiền giả như sau: "Này hiền giả, Thế Tôn có nói đến năm thủ uẩn này, tức là sắc thủ uẩn... thức thủ uẩn. Trong năm thủ uẩn này, tôn giả Khemaka quán có cái gì là tự ngã hay ngã sở không?"

9) - Thưa hiền giả, Thế Tôn có nói đến năm thủ uẩn này, tức là sắc thủ uẩn... thức thủ uẩn. Trong năm thủ uẩn này, này hiền giả, tôi không quán cái gì là tự ngã hay ngã sở cả.

10) Rồi tôn giả Dāsaka đi đến các Tỷ-kheo trưởng lão, sau khi đến, nói với các Tỷ-kheo trưởng lão:

- Tỷ-kheo Khemaka, thưa chư hiền, đã nói như sau: "Thưa hiền giả, Thế Tôn có nói đến năm thủ uẩn này, tức là sắc thủ uẩn... thức thủ uẩn. Trong năm thủ uẩn này, này hiền giả, tôi không quán cái gì là tự ngã hay ngã sở cả!"

11) - Hãy đến đây, hiền giả Dāsaka! Hãy đi đến Tỷ-kheo Khemaka, sau khi đến, nói với Tỷ-kheo Khemaka như sau: Các vị trưởng lão, này hiền giả Khemaka, nói với hiền giả như sau "Hiền giả Khemaka, Thế Tôn có nói đến năm thủ uẩn này, tức là sắc thủ uẩn... thức thủ uẩn. Trong năm thủ uẩn này, nếu tôn giả Khemaka

không quán cái gì là tự ngã hay ngã sở cả, thời tôn giả Khemaka là vị A-la-hán, các lậu hoặc đã được đoạn tận."

12) - Thưa vâng, chư hiền giả.

Tôn giả Dāsaka vâng đáp các Tỷ-kheo trưởng lão, đi đến tôn giả Khemaka...

- Này hiền giả Khemaka, các bậc Tỷ-kheo trưởng lão nói với hiền giả như sau: "Thưa hiền giả, Thế Tôn có nói đến năm thủ uẩn này, tức là sắc thủ uẩn... thức thủ uẩn. Nếu tôn giả Khemaka, trong năm thủ uẩn này, không quán cái nào là tự ngã hay ngã sở, thời tôn giả Khemaka là bậc A-la-hán, đã đoạn tận các lậu hoặc."

13) - Thưa hiền giả, Thế Tôn có nói đến năm thủ uẩn này, tức là sắc thủ

uẩn... thức thủ uẩn. Trong năm thủ uẩn này, này hiền giả, tôi không quán cái gì là tự ngã hay ngã sở cả. Nhưng tôi không phải là bậc A-la-hán đã đoạn tận các lậu hoặc. Và thưa hiền giả, trong năm thủ uẩn này, dầu cho tôi có chứng được "Tôi là", tuy vậy tôi cũng không quán "Cái này là tôi".

14) Rồi tôn giả Dāsaka đi đến Tỷ-kheo trưởng lão... nói với các Tỷ-kheo trưởng lão:

- Tỷ-kheo Khemaka, thưa chư hiền, đã nói như sau: Thưa hiền giả, Thế Tôn có nói đến năm thủ uẩn này, tức là sắc thủ uẩn... thức thủ uẩn. Trong năm thủ uẩn này, thưa hiền giả, tôi không quán cái gì là ngã hay là ngã sở. Tuy vậy, tôi không phải là bậc A-la-hán đã đoạn tận các lậu hoặc.

Và thưa hiền giả, trong năm thủ uẩn, dầu cho tôi chứng được "Tôi là", tuy vậy tôi cũng không quán: "Cái này là tôi".

15) - Hãy đến đây, hiền giả Dāsaka! Hãy đi đến Tỷ-kheo Khemaka, sau khi đến, hãy nói với Tỷ-kheo Khemaka: Thưa hiền giả Khemaka, các Tỷ-kheo trưởng lão nói với hiền giả như sau: Này hiền giả Khemaka, cái mà hiền giả nói "Tôi là", các hiền giả nói "Tôi là", là cái gì? Hiền giả nói "Tôi là sắc"? Hiền giả nói "Tôi là khác sắc"... hiền giả nói "Tôi là thức", hiền giả nói "Tôi là khác thức" Này hiền giả Khemaka, cái mà hiền giả nói "Tôi là", các hiền giả nói "Tôi là", là cái gì?

16) - Thưa vâng.

Tôn giả Dāsaka vâng đáp các Tỷ-kheo trưởng lão, đi đến tôn giả Khemaka...

17) - Thôi vừa rồi, hiền giả Dāsaka chạy qua, chạy lại như thế này để làm gì? Hãy đem gậy lại đây! Ta sẽ đi đến các Tỷ-kheo trưởng lão!

18) Rồi tôn giả Khemaka chống gậy đi đến các Tỷ-kheo trưởng lão, sau khi đến, nói lên với các Tỷ-kheo trưởng lão những lời chào đón hỏi thăm, sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu, liền ngồi xuống một bên.

19) Các Tỷ-kheo trưởng lão nói với tôn giả Khemaka đang ngồi một bên:

Này hiền giả Khemaka, cái mà hiền giả nói "Tôi là", cái mà hiền giả

nói "Tôi là", là cái gì? Hiền giả nói "Tôi là sắc"? Hiền giả nói "Tôi là khác sắc"... "là thọ... là tưởng... là các hành"... Hiền giả nói "Tôi là thức"? Hiền giả nói "Tôi là khác thức"? Này hiền giả Khemaka, cái mà hiền giả nói "Tôi là", cái mà hiền giả nói "Tôi là", là cái gì?

20) - Thưa chư hiền, tôi không nói "Tôi là sắc". Tôi không nói "Tôi là khác sắc"... "là thọ... là tưởng... là các hành"... Tôi không nói "Tôi là thức". Tôi cũng không nói "Tôi là khác thức". Dầu rằng, này các hiền giả, tôi có chứng được (tư tưởng) "Tôi là", nhưng tôi không có quán "Cái này là tôi".

21) Ví như, này chư hiền, hương thơm của hoa sen xanh, hay hoa sen

hồng, hay hoa trắng, nếu có người nói: "Hương thuộc về lá hay thuộc về sắc, hay thuộc về nhụy hoa", nói như vậy có nói đúng không?

- Thưa không, này hiền giả.

- Vậy chư hiền, trả lời như thế nào là trả lời một cách đúng đắn?

- Chư hiền, hương là của hoa. Trả lời như vậy là trả lời một cách đúng đắn.

22) - Cũng vậy, này chư hiền, tôi không nói "Tôi là sắc", tôi không nói "Tôi là khác sắc"... "Tôi là thọ"... "Tôi là tưởng". "Tôi là các hành"... Tôi không nói "Tôi là thức". Tôi không nói "Tôi là khác thức". Nhưng này chư hiền, dầu rằng đối với năm thủ

uẩn của tôi được có này, tôi không có quán "Cái này là tôi".

23) Dầu cho đối với vị Thánh đệ tử, này chư hiền, năm hạ phần kiết sử đã được đoạn tận, nhưng vị ấy còn nghĩ: "Đối với năm thủ uẩn, vẫn còn dư tàn tế nhị". Dư tàn kiêu mạn "Tôi là", dư tàn dục "Tôi là", dư tàn tùy miên "Tôi là" chưa được vị ấy đoạn trừ. Vị ấy sau một thời gian, sống quán sự sanh diệt trong năm thủ uẩn: "Đây là sắc, đây là sắc tập khởi, đây là sắc đoạn diệt. Đây là thọ... Đây là tưởng... Đây là các hành... Đây là thức, đây là thức tập khởi, đây là thức đoạn diệt."

24) Vì rằng vị ấy sống, quán sự sanh diệt trong năm thủ uẩn này, các dư tàn ngã mạn "Tôi là", các dư tàn ngã dục "Tôi là", các dư tàn ngã tùy

miên "Tôi là", mà vị ấy chưa được đoạn trừ, nay đi đến đoạn tận.

25) Này chư hiền, ví như một tấm vải nhớp nhúa dính bụi, những người chủ giao nó cho một người thợ giặt. Người thợ giặt sau khi nhồi nó, đập nó trong nước muối, hay trong nước tô đã, trong nước phân bò rồi giặt sạch nó trong nước trong.

Dầu cho tấm vải ấy nay được sạch sẽ, trong trắng, nhưng nó vẫn còn dư tàn mùi muối hay mùi tô đã, hay mùi phân bò. Người thợ giặt giao lại tấm vải cho những người chủ. Những người chủ đem bỏ nó vào trong một cái hòm có ướp hương thơm. Như vậy cái dư tàn mùi muối hay mùi tô đã hay mùi phân bò chưa được đoạn tận, nay được đoạn trừ.

26-27) Cũng vậy, này chư hiền, dầu cho vị Thánh đệ tử đã đoạn tận năm hạ phần kiết sử, nhưng với vị ấy, cái dư tàn trong năm thủ uẩn, dư tàn ngã mạn "Tôi là", dư tàn ngã dục "Tôi là", dư tàn ngã tùy miên "Tôi là" chưa được đoạn trừ. Vị ấy sau một thời gian, sống tùy quán sự sanh diệt trong năm thủ uẩn: "Đây là sắc, đây là sắc tập khởi, đây là sắc đoạn diệt. Đây là thọ... đây là tưởng... đây là các hành... đây là thức, đây là thức tập khởi, đây là thức đoạn diệt". Vì rằng vị ấy sống tùy quán sự sanh diệt trong năm thủ uẩn này nên các dư tàn trong năm thủ uẩn này, ngã mạn "Tôi là", ngã dục "Tôi là", ngã tùy miên "Tôi là" chưa được đoạn tận nay đi đến đoạn trừ.

28) Khi được nói vậy, các Tỷ-kheo trưởng lão nói với tôn giả Khemaka:

- Không phải chúng tôi vì muốn phiền nhiễu tôn giả Khemaka mà chúng tôi hỏi. Nhưng vì chúng tôi nghĩ rằng: "Tôn giả Khemaka có thể giải đáp, thuyết giảng, trình bày, xác chứng, khai triển, phân tích, hiển lộ một cách rộng rãi giáo lý của Thế Tôn."

29) Và rồi tôn giả Khemaka đã giải đáp, thuyết giảng, trình bày, xác chứng, khai triển, phân tích, hiển lộ một cách rộng rãi giáo lý của Thế Tôn.

30) Tôn giả Khemaka thuyết giảng như vậy. Các Tỷ-kheo trưởng lão hoan hỷ, tín thọ lời tôn giả Khemaka giảng.

31) Trong khi lời dạy này được nói lên, khoảng sáu mươi Tỷ-kheo được tâm giải thoát khỏi các lậu hoặc, kể cả tôn giả Khemaka.

Giảng:

So sánh giữa Pāli và Hán tạng thì thấy ý nghĩa của hai bài kinh không khác. Cách diễn tả của Pāli có đôi chỗ khó hiểu như câu cuối cùng đoạn 14: *Và thưa hiền giả, trong năm thủ uẩn, dù cho tôi chứng được "Tôi là", tuy vậy tôi cũng không quán: "Cái này là tôi".*

Đọc kỹ các đoạn tiếp theo, chúng ta hiểu ý Tỳ-kheo Khemaka muốn nói ban đầu tuy quán biết tôi không phải là ngã hay ngã sở, nhưng vì chưa đoạn tận lậu hoặc nên chưa thấy được rõ tôi không là sắc, thọ, tưởng... vì thế nói tôi cũng không quán cái này là tôi.

Đoạn 23 nói, vị Thánh đệ tử tuy đoạn tận năm hạ phần kiết sử, nhưng với năm thủ uẩn vẫn còn dư tàn tế nhị về ngã mạn, ngã dục, ngã tùy miên. Đó là chưa dứt sạch năm thượng phần kiết sử, chưa chứng A-la-hán. Vị ấy phải tiếp tục sống quán sát sanh diệt của năm thủ uẩn, trải qua thời gian rất lâu, đến khi dứt sạch các dư tàn của năm thủ uẩn, hoàn toàn chứng được vô ngã. Câu cuối đoạn 26-27 nói rõ: *Vì rằng vị ấy sống tùy quán sự sanh diệt trong năm thủ uẩn này nên các dư tàn trong năm thủ uẩn này, ngã mạn "Tôi là", ngã dục "Tôi là", ngã tùy miên "Tôi là" chưa được đoạn tận nay đi đến đoạn trừ.*

Tỳ-kheo Khemaka đã trình bày tường tận cách tu của mình, quán năm uẩn với mức độ nào, còn bị vướng kẹt ở đâu, phải tu tập tiếp như thế nào. Đó là sự thông hiểu giáo lý và hiểu rõ chính mình. Rốt

cuộc các vị đều được tâm giải thoát khỏi lậu hoặc. Bài kinh này soi sáng cho chúng ta rất nhiều.

Giải và Đối chiếu Kinh Bọt Nước (Hán tạng, Kinh số 265) với Kinh Bọt Nước (Pali tạng)

HÁN TẠNG

Chánh văn:

Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật ở trú xứ A-tỳ-đà, bên bờ sông Hằng.

Bấy giờ đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

- Giống như nước lớn sông Hằng cuộn lên, bọt nước theo dòng chảy mà tụ lại. Nếu như người nào có mắt sáng quán sát, phân biệt thật kỹ, thì lúc quán sát, phân biệt thật kỹ đó, sẽ thấy rằng không có gì cả, không gì là bền chắc, không gì là chắc thật, không gì là kiên cố. Vì sao? Vì

trong nhóm bọt nước nổi kia không có gì là chắc thật. Cũng vậy những gì thuộc về sắc, hoặc quá khứ, hoặc vị lai, hoặc hiện tại, hoặc trong hoặc ngoài, hoặc thô hoặc tế, hoặc tốt hoặc xấu, hoặc xa hoặc gần, Tỳ-kheo hãy quán sát, tư duy, phân biệt thật kỹ, không gì là có, không gì là bền chắc, không gì là chân thật, không có gì là kiên cố; chúng như bệnh, như ung nhọt, như gai nhọn, như sát hại; là vô thường, khổ, không, phi ngã. Vì sao? Vì sắc vốn không chắc thật.

Giảng:

Bài kinh này Phật giải thích rõ năm ấm là tạm bợ. Nếu chúng ta khéo quán năm ấm tạm bợ thì sẽ thoát khỏi phiền não, đến chỗ an trụ Niết-bàn. Khi tu, áp dụng quán chiếu gọi là thiền quán, dùng

trí quán để thấy đúng như thật. Không phải cái không có mà tưởng ra có, mà là quán xét đúng như thật, quán biết rõ năm uẩn này, mỗi thứ thế nào biết đúng như thế ấy.

Đầu tiên quán sắc như bọt nước. Chúng ta ra biển lớn, thấy khối bọt nước to do nhiều hòn bọt nhỏ ráp lại thành. Khối bọt đó không bền chắc, hoặc nắng lên liền tan, hoặc đụng tới thì bể, hoặc gió thổi bay, tùy duyên hoại diệt. Phật bảo chúng ta quán sắc uẩn cũng như vậy. Theo cái nhìn của y học, thân này gồm nhiều tế bào hợp lại, mỗi một tế bào tự sanh tự diệt, thân này là một khối sanh diệt kết hợp không chắc thật. Một luồng gió độc thổi qua cũng chết. Một con rắn nhỏ xíu cắn bậy cũng chết, trèo cây sẩy tay rớt xuống cũng chết, đi bộ lỡ bước té nhào cũng chết...

Chết dễ ợt như đống bọt nước, vừa thấy vừa đụng vào liền tan.

Phật dạy Tỳ-kheo đối với sắc quá khứ, hiện tại, vị lai, trong hay ngoài, thô hay tế, tốt hay xấu... xem kỹ suy xét biết nó không bền chắc. Ví như bệnh. Tại sao thân này như bệnh? Vì bệnh thì nhức nhối đau khổ, thân này cũng nhức nhối đau khổ như ung nhọt, mới thấy lành lặn đó rồi nổi ung nhọt châm chích đau nhói, làm đau đớn muốn tắt thở. Nhớ luôn luôn thân này vô thường, khổ, không, phi ngã. Nếu thấy nó không giá trị gì, rất dễ tu, tham sân si theo đó hết. Còn thấy mình ngon lành, oai hùng, an ổn tới lui, sắc tướng đẹp đẽ nên chấp ngã không bỏ được. Vì thế phần thứ nhất, Phật dùng thí dụ bọt nước để chúng ta nhớ mà gắng tu.

Chánh văn:

Này các Tỳ-kheo, giống như trời mưa lớn, bong bóng nước chợt hiện chợt mất. Nếu người nào có mắt sáng quán sát, tư duy, phân biệt thật kỹ, thì lúc quán sát tư duy, phân biệt thật kỹ đó sẽ thấy rằng không có gì cả, không gì là bền chắc, không gì là chắc thật, không gì là kiên cố. Vì sao? Vì trong bong bóng nước kia không có gì là chắc thật. Cũng vậy những gì thuộc về thọ, hoặc quá khứ, hoặc vị lai, hoặc hiện tại, hoặc trong hoặc ngoài, hoặc thô hoặc tế, hoặc tốt hoặc xấu, hoặc xa hoặc gần, Tỳ-kheo, hãy quán sát, tư duy, phân biệt thật kỹ, không gì là có, không gì là bền chắc, không gì là chân thật, không có gì là kiên cố; chúng như bệnh, như

ung nhọt, như gai nhọn, như sát hại; là vô thường, khổ, không, phi ngã. Vì sao? Vì thọ vốn không chắc thật.

Giảng:

Đức Phật dùng thí dụ rất khéo, thân tứ đại như khối bọt, có thể thấy hơi lâu một chút, còn cảm thọ như bong bóng nước, vừa hiện liền tan, thật mau chóng. Cuộc sống của chúng ta quay cuồng điên đảo đều lệ thuộc vào thọ, mà cảm thọ vui hay khổ chỉ trong vài giây.

Cảm thọ vốn không thật, mỏng manh tạm bợ; suốt đời chúng ta chạy theo nó, cả đời mình hiến cho cảm thọ buồn vui, thích hay không thích... Tất cả phiền não đều từ chấp cảm thọ là thật. Phật dạy quán cảm thọ như bong bóng nước chợt còn chợt mất. Tu là thấy đúng như thật, luôn luôn quán sát xem xét kỹ càng tất cả cảm thọ đều không bền, qua rồi mất, không có cái gì

còn ở lại. Cái còn ở lại là sự cố chấp, vì cố chấp nên đau khổ. Chúng ta luôn luôn thương ghét giận hờn vì cảm thọ vừa ý hay không vừa ý, vì bị chi phối bởi một cái thật mong manh. Phải chi nó đáng giá thì không tiếc. Nhận chân được chỗ này, chúng ta buông bỏ dễ dàng, không bị cảm thọ chi phối.

Chánh văn:

Này các Tỳ-kheo, giống như cuối xuân đầu hạ, không mây, không mưa, giữa trưa trời nắng gắt, sóng nắng chập chờn, người nào sáng mắt quán sát, tư duy, phân biệt kỹ càng và khi quán sát, tư duy, phân biệt kỹ càng thì sẽ thấy rằng không có gì cả, không gì là bền chắc, không gì là chắc thật, không gì là kiên cố. Vì sao? Vì trong quáng nắng kia không có gì là chắc

thật. Cũng vậy, những gì thuộc về tưởng, hoặc quá khứ, hoặc vị lai, hoặc hiện tại, hoặc trong hoặc ngoài, hoặc thô hoặc tế, hoặc tốt hoặc xấu, hoặc xa hoặc gần, Tỳ-kheo, hãy quán sát, tư duy, phân biệt thật kỹ, không gì là có, không gì là bền chắc, không gì là chân thật, không có gì là kiên cố; chúng như bệnh, như ung nhọt, như gai nhọn, như sát hại; là vô thường, khổ, không, phi ngã. Vì sao? Vì tưởng vốn không chắc thật.

Giảng:

Thí dụ này, trong kinh có chỗ nói là *dã ma:* ngựa đồng hoang, hoặc *dương diệm*: sóng nắng. Trưa mùa hè không mưa, nhìn ra đồng trống chúng ta thấy ánh nắng chập chờn như ngựa chạy, khi tới gần thì không có. Cũng như khi chúng ta đi xe hơi

vào khoảng 12 giờ trưa, trên đường tráng nhựa thấy phía trước như có nước, tới gần thì không có. Tưởng ấm không có thật, như hình ngựa chạy giữa trưa nắng hay bóng nước trên đường nhựa. Tưởng là gì? Tưởng là nhớ lại chuyện cũ hoặc tưởng tượng chuyện tương lai. Người ta thường dùng chữ "lý tưởng", tưởng không thật làm sao có lý? Người tu không chấp nhận, vì tưởng là cái mình phủ nhận, buông xả. Người tu trở về thực tế chân thật, không phiêu lưu mơ hồ,

Phật dạy chúng ta quán sát tưởng ấm không bền chắc, không có thật, nếu chấp đắm cho là thật có thì sẽ bị khổ đau như bị gai đâm, bị ung nhọt.

Chánh văn:

Này các Tỳ-kheo, giống như người mắt sáng muốn tìm gỗ cứng chắc, nên cầm búa bén đi vào rừng núi. Thấy

một cây chuối lớn, thân dài lớn ngay thẳng, y liền đốn gốc, chặt đứt ngọn nó, lột bỏ hết bẹ, cuối cùng không có gì là chắc thật. Nếu người nào có mắt sáng thì sẽ quán sát, tư duy, phân biệt và khi đã quán sát, tư duy, phân biệt rồi thì sẽ thấy rằng không có gì cả, không gì là bền chắc, không gì là chắc thật, không gì là kiên cố. Vì sao? Vì trong cây chuối kia không có gì là chắc thật. Cũng vậy, những gì thuộc về hành, hoặc quá khứ, hoặc vị lai, hoặc hiện tại, hoặc trong hoặc ngoài, hoặc thô hoặc tế, hoặc tốt hoặc xấu, hoặc xa hoặc gần, Tỳ-kheo, hãy quán sát, tư duy, phân biệt thật kỹ, không gì là có, không gì là bền chắc, không gì là chân thật, không có gì là kiên cố; chúng như bệnh, như ung nhọt, như

gai nhọn, như sát hại; là vô thường, khổ, không, phi ngã. Vì sao? Vì hành vốn không chắc thật.

Giảng:

Hành uẩn, có chỗ gọi là tư, là suy nghĩ. Chúng ta mỗi người đều có suy nghĩ, nhưng thử hỏi suy nghĩ của mình có thật hay không? Không. Phật bảo suy nghĩ của chúng ta (hành ấm) giống như cây chuối. Cây chuối nhìn chung thì như một cây nguyên vẹn, nhưng tách ra thì thấy từng bẹ kết lại. Rốt cuộc tìm cây chuối không có. Cũng vậy, suy nghĩ dường như một dòng ý niệm có thật, nhưng đó là do mỗi niệm nối tiếp nhau, niệm này tới niệm kia. Như người đi đường, chân này để xuống chân kia cất lên, bước đều đều, con đường dài không phải một bước mà đến, phải từ bước này tiếp tục bước kia. Suy nghĩ cũng vậy, dùng chữ hành giải thích vì nó giống như

người đi đường, từng niệm nối tiếp nhau, không có một suy nghĩ nguyên vẹn. Bản thân nó đã không thật, do từng niệm từng niệm kết lại, nếu cứ chấp suy nghĩ là mình tức đeo bám vào cái không thật, khởi phiền não vì cái không thật. Vì thế, Phật dạy quán hành như cây chuối để chúng ta biết rõ không còn lầm chấp.

Chánh văn:

Này các Tỳ-kheo, giống như nhà ảo thuật, hay là học trò của nhà ảo thuật, ở giữa ngã tư đường, huyễn hóa ra binh voi, binh ngựa, binh xe, binh bộ. Lúc này có người trí mắt sáng, quán sát, tư duy, phân biệt kỹ và khi họ đã quán sát, tư duy, phân biệt kỹ, thì sẽ thấy rằng không gì là có, không gì là bền chặt, không gì là chân thật, không có gì là chắc thật. Vì

sao? Vì những hiện tượng huyễn hóa kia vốn không chắc thật. Như vậy, này các Tỳ-kheo những gì thuộc về thức, hoặc quá khứ, hoặc vị lai, hoặc hiện tại, hoặc trong hoặc ngoài, hoặc thô hoặc tế, hoặc tốt hoặc xấu, hoặc xa hoặc gần, thì Tỳ-kheo nên quán sát, tư duy, phân biệt kỹ và khi đã quán sát, tư duy, phân biệt kỹ thì sẽ thấy rằng không gì là có, không gì là bền chặt, không gì là chân thật, không có gì là chắc thật; chúng như bệnh hoạn, như ung nhọt, như gai nhọn, như sát hại; là vô thường, khổ, không, phi ngã. Vì sao? Vì thức vốn không chắc thật.

Giảng:

Đây nói về thức của sáu căn. Trong mỗi căn nghiệm xem cái nào thuộc về thọ, cái nào thuộc về thức. Khi mắt nhìn cây

phân biệt nó là cây gì, đó là thức, nhìn một lúc thấy thích hay không thích, đó là thọ. Thức là sự phân biệt để an danh, *vạn pháp duy thức* là muôn pháp đều do thức an danh. Thức so sánh phân biệt cái này khác với cái kia rồi đặt tên cho mỗi thứ. Nhìn cảnh đẹp xấu để rồi thích hay không thích là thọ. Trong thấy, nghe... thức, thọ gần một bên, nếu không giản trạch rất dễ lầm.

Đức Phật thí dụ thức như con cọp, con công do huyễn sư hóa ra, khi nhìn thấy biết có cho nó là thật không? Không. Cũng vậy, tất cả những phân biệt của thức đều hư dối không thật. Theo Duy thức học, khi mắt thấy sắc thì mắt không đến sắc. Chúng ta thấy là nhờ bóng của sắc phản chiếu vào mắt. Thức phân biệt chỉ là phân biệt cái bóng trong đó, không phân biệt được vật thật bên ngoài. Hiểu như vậy,

biết rõ rằng thức không thật, giống như nhà huyễn thuật hóa hiện ra thứ này thứ kia. Thức phân biệt mọi vật để an danh an vị, tạm đặt tạm dùng với nhau, không có sự thật.

Tóm lại, quán sát năm uẩn đều thấy tạm bợ giả dối không thật, nhớ luôn luôn như vậy là phá được chấp ngã về tâm về thân. Chủ yếu bài kinh này Phật dạy pháp tu phá chấp ngã. Người tu khéo ngay nơi thân năm uẩn này thấy đúng như thật, buông hết những chấp trước. Cả ngày tiếp xúc với tất cả việc gì xảy ra cũng cười, không phiền não, không phải thánh là gì? Có phiền có giận là do chấp giữ, nếu sáu căn tiếp xúc sáu trần mà không chấp, người đó không bao lâu sẽ được giải thoát. Bài kinh này Phật dạy căn bản để tu nên ngài trùng tuyên lại cho dễ nhớ.

Chánh văn:

Bấy giờ, đức Thế Tôn nói lại nghĩa này, nên nói bài kệ:

Quán sắc như bọt nước,

Thọ như bong bóng nước,

Tưởng như quáng nắng xuân,

Các hành như cây chuối,

Các thức pháp như huyễn,

Bậc tôn quý đã nói.

Giảng:

Sáu câu này Phật tóm kết năm uẩn ở trên.

Chánh văn:

Tư duy kỹ khắp cả,

Chánh niệm khéo quán sát:

Không thật, chẳng kiên cố,

Không có ngã, ngã sở.

Giảng:

Nếu khéo suy xét, chánh niệm quán sát đúng như vậy, thấy không có gì thật, không có gì bền chắc, thấy như vậy không chấp ngã, ngã sở.

Chánh văn:

Đối thân khổ ấm này,

Đại trí phân biệt dạy,

Xa lìa ba pháp này,

Thân thành vật vất bỏ.

Thọ, hơi ấm và thức,

Lìa chúng, phần thân khác,

Vĩnh viễn vùi gò hoang,

Như gỗ, không thức tưởng.

Giảng:

Đối thân năm ấm này, Phật chỉ ngay là khổ ấm chứ không có lạc ấm. Đại trí là Phật, nói: *Xa lìa ba pháp này*, tức xa lìa ba pháp thọ, noãn và thức. Người không còn hơi ấm, cảm thọ, phân biệt, lúc ấy như khúc cây không hiểu biết, thân thành ra vật bị vất bỏ, không giá trị.

Chánh văn:

Thân này thường như vậy,

Huyễn dối dụ người ngu.

Như gai độc, như sát,

Không có gì chắc thật.

Giảng:

Chúng ta phải thấy thân này rõ ràng như vậy, nó dối trá gạt kẻ ngu. Kẻ ngu đó là chúng ta. Vậy ai gạt? Thân này không thật, không có giá trị gì, chúng ta tưởng là

thật, rồi bị nó gạt nên cố chấp, sanh đủ thứ phiền não, gây tạo bao nhiêu thứ khổ đau. Người nào thấy thân này là thật, người đó là người sáng hay tối, trí hay ngu? Vì ngu nên cứ làm chúng sanh, chỉ đổi ngu thành trí thì hết làm chúng sanh.

Chánh văn:

Tỳ-kheo siêng tu tập,

Quán sát thân ấm này,

Chuyên tinh luôn ngày đêm,

Chánh trí, buộc niệm lại,

Hành hữu vi ngừng nghỉ,

Vĩnh viễn chốn thanh lương.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo sau khi nghe những điều Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

Giảng:

Tỳ-kheo phải y theo bài kinh này siêng năng tu tập, quán sát thân khổ ấm hư dối không thật, ngày đêm hằng tinh tấn, nỗ lực, dùng chánh trí buộc niệm. Khi quán sát thuần thục, các suy tư hữu vi phiền não hết, đạt đến chỗ thanh lương mát mẻ Niết-bàn.

PĀLI TẠNG

Chánh văn:

1) Như vầy tôi nghe. Một thời Thế Tôn ở Ayujjāya, trên bờ sông Hằng.

2) Ở đấy Thế Tôn gọi các Tỷ-kheo.

3) Ví như, này các Tỷ-kheo, sông Hằng này chảy mang theo đống bọt nước lớn. Có người có mắt nhìn đống bọt nước ấy, chuyên chú, như lý quán sát. Do nhìn chuyên chú, như lý quán

sát nó, đống bọt nước ấy hiện rõ ra là trống không, hiện rõ ra là rỗng không, hiện rõ ra là không có lõi cứng. Làm sao, này các Tỷ-kheo, lại có lõi cứng trong đống bọt nước được?

4) Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, phàm có sắc gì thuộc quá khứ, vị lai, hiện tại, hoặc nội hay ngoại, hoặc thô hay tế, hoặc liệt hay thắng, hoặc xa hay gần; vị Tỷ-kheo thấy sắc, chuyên chú, như lý quán sát sắc. Do vị Tỷ-kheo nhìn chuyên chú, như lý quán sát sắc, sắc ấy hiện rõ ra là trống không, hiện rõ ra là rỗng không, hiện rõ ra là không có lõi cứng. Làm sao, này các Tỷ-kheo, lại có lõi cứng trong sắc được?

5) Ví như, này các Tỷ-kheo, trong mùa thu, khi trời mưa những giọt

mưa lớn, trên mặt nước các bong bóng nước hiện ra rồi tan biến. Một người có mắt nhìn chuyên chú, như lý quán sát nó, bong bóng nước ấy hiện rõ ra là trống không, hiện rõ ra là rỗng không, hiện rõ ra là không có lõi cứng. Làm sao, này các Tỷ-kheo, lại có lõi cứng trong bong bóng nước được?

6) Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, phàm có thọ gì thuộc quá khứ, vị lai, hiện tại, hoặc nội hay ngoại, hoặc thô hay tế, hoặc liệt hay thắng, hoặc xa hay gần; Tỷ-kheo nhìn chuyên chú, như lý quán sát thọ ấy. Do Tỷ-kheo nhìn chuyên chú, như lý quán sát nó, thọ ấy hiện rõ ra là trống không, hiện rõ ra là rỗng không, hiện rõ ra là không có lõi cứng. Làm sao, này các

Tỷ-kheo, lại có lõi cứng trong thọ được?

7) Ví như, này các Tỷ-kheo, trong tháng cuối mùa hạ, vào đúng giữa trưa đứng bóng, một ráng mặt trời rung động hiện lên. Một người có mắt nhìn chuyên chú, như lý quán sát nó. Do người ấy nhìn chuyên chú, như lý quán sát, nên ráng mặt trời ấy hiện rõ ra là trống không, rỗng không, không có lõi cứng... Làm sao, này các Tỷ-kheo, lại có lõi cứng trong ráng mặt trời được?

8) Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, phàm có tưởng gì...

9) Ví như, này các Tỷ-kheo, một người cần có lõi cây, tìm cầu lõi cây, đi tìm lõi cây, cầm cái búa sắc bén đi vào ngôi rừng. Ở đây, người ấy thấy

một cụm cây chuối lớn, mọc thẳng, mới lớn, cao vút. Người ấy chặt rễ cây ấy. Sau khi chặt rễ, người ấy chặt ngọn. Sau khi chặt ngọn, người ấy lột vỏ chuối ngoài. Khi lột vỏ chuối ngoài, giác cây còn tìm không được, tìm đâu cho có được lõi cây?

10) Một người có mắt nhìn chuyên chú, như lý quán sát cụm chuối ấy. Khi người ấy nhìn chuyên chú, như lý quán sát cụm chuối ấy, cụm chuối ấy hiện rõ ra là trống không, hiện rõ ra là trống rỗng, hiện rõ ra là không có lõi cây. Làm sao, này các Tỷ-kheo, lại có lõi cây trong cụm chuối được?

11) Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, phàm các hành gì thuộc quá khứ, vị lai, hiện tại, hoặc nội hay ngoại, hoặc thô hay tế, hoặc liệt hay thắng, hoặc

xa hay gần; Tỷ-kheo nhìn chuyên chú, như lý quán sát hành ấy. Khi người ấy nhìn chuyên chú, như lý quán sát, hành ấy hiện rõ ra là trống không, hiện rõ ra là trống rỗng, hiện rõ ra là không có lõi cứng. Làm sao, này các Tỷ-kheo, lại có lõi cứng trong các hành được?

12) Ví như, này các Tỷ-kheo, một ảo thuật sư hay đệ tử một ảo thuật sư, tại ngã tư đường bày trò ảo thuật. Một người có mắt nhìn chuyên chú, như lý quán sát trò ảo thuật ấy. Do người ấy nhìn chuyên chú, như lý quán sát, ảo thuật ấy hiện rõ ra là trống không, hiện rõ ra là trống rỗng, hiện rõ ra là không có lõi cứng. Làm sao, này các Tỷ-kheo, lại có lõi cứng trong ảo thuật được?

13) Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, phàm thức gì thuộc quá khứ, vị lai, hiện tại... hoặc xa hay gần; Tỷ-kheo nhìn chuyên chú, như lý quán sát, thức ấy hiện rõ ra là trống không, hiện rõ ra là trống rỗng, hiện rõ ra là không có lõi cứng. Làm sao, này các Tỷ-kheo, lại có lõi cứng trong thức được?

14) Thấy vậy, này các Tỷ-kheo, vị đa văn Thánh đệ tử nhàm chán đối với sắc... đối với thọ... đối với tưởng... đối với các hành... nhàm chán đối với thức. Do nhàm chán, vị ấy ly tham. Do ly tham, vị ấy giải thoát. Trong sự giải thoát, trí khởi lên: "Ta đã giải thoát... không còn trở lui trạng thái này nữa". Vị ấy biết rõ như vậy.

15) Thế Tôn thuyết như vậy. Bậc Thiện Thệ sau khi nói như vậy, bậc Đạo sư lại nói thêm:

1) Sắc ví với đống bọt,

Thọ ví bong bóng nước,

Tưởng ví ráng mặt trời,

Hành ví với cây chuối,

Thức ví với ảo thuật,

Đấng bà con mặt trời,

Đã thuyết giảng như vậy.

2) Nếu như vậy chuyên chú,

Như lý chân quán sát,

Như lý nhìn (các pháp),

Hiện rõ tánh trống không.

3) Bắt đầu với thân này,

Bậc Đại tuệ thuyết giảng,

Đoạn tận cả ba pháp,

Thấy sắc bị quăng bỏ

4) Thân bị quăng, vô tri,

Không thọ, sức nóng, thức,

Bị quăng đi, nó nằm,

Làm đồ ăn kẻ khác.

5) Cái thân liên tục này,

Ảo sư, kẻ ngu nói,

Được gọi kẻ sát nhân,

Không tìm thấy lõi cây.

6) Hãy quán uẩn như vậy,

Vị Tỷ-kheo tinh cần,

Suốt cả đêm lẫn ngày,

Tỉnh giác, chánh tư niệm.

7) Hãy bỏ mọi kiết sử,

Làm chỗ mình nương tựa,

Sống như lửa cháy đầu,

Cầu chứng cảnh bất động.

Giảng:

So sánh hai bản kinh, chúng ta thấy từ ngữ có sai biệt chút ít, còn ý căn bản thì không khác. Như ở đoạn *7) Ví như, này các Tỷ-kheo, trong tháng cuối mùa hạ, vào đúng giữa trưa đứng bóng, một ráng mặt trời rung động hiện lên. Một người có mắt...* Hán tạng thì nói dã mã (ngựa đồng hoang) hay dương diệm. Pāli thì nói ráng mặt trời. Mây với ráng khác nhau thế nào? Mây là chỉ cho hơi nước kết tụ, dịch chuyển trên hư không, còn ráng là ánh nắng mặt trời khi sắp mọc hoặc sắp lặn, rọi ánh lên cụm mây hoặc vàng hoặc đỏ. Màu của ráng mặt trời cũng không thật, chỉ ảnh hiện phút chốc rồi mất, nên nói *Tưởng như ráng mặt trời.*

Phần sau trong bài kệ có một hai điểm cần giải thích.

1) Sắc ví với đống bọt,

Thọ ví bong bóng nước,

Tưởng ví ráng mặt trời,

Hành ví với cây chuối,

Thức ví với ảo thuật,

Đấng bà con mặt trời,

Đã thuyết giảng như vậy.

Đấng bà con mặt trời là chỉ cho đức Phật. Vì Ấn Độ thờ mặt trời, nên xem mặt trời là quan trọng. Hán tạng thì gọi là bậc tôn quý đã nói.

2) Nếu như vậy chuyên chú,

Như lý chân quán sát,

Như lý nhìn (các pháp),

Hiện rõ tánh trống không

3) Bắt đầu với thân này,

Bậc Đại tuệ thuyết giảng,

Đoạn tận cả ba pháp,

Thấy sắc bị quăng bỏ

4) Thân bị quăng, vô tri,

Không thọ, sức nóng, thức,

Bị quăng đi, nó nằm,

Làm đồ ăn kẻ khác.

Hán tạng nói rằng thọ, noãn và các thức lìa thân này, bỏ luôn ngoài nghĩa địa, như cây không hiểu biết. Đã như khúc gỗ thì mặc tình dựng đó cũng được hay chôn ngay cũng được, không chống cự gì hết. Để thấy thân này đến lúc đó không còn giá trị, hiểu biết gì.

Pāli còn nói là *làm đồ ăn kẻ khác,* chẳng những không biết gì mà còn làm mồi cho kên kên, loài trùng, chó sói...

5) Cái thân liên tục này,

Ảo sư, kẻ ngu nói,

Được gọi kẻ sát nhân,

Không tìm thấy lõi cây.

Cái thân liên tục này. Tại sao nói là liên tục? Sự sống chẳng qua là tiếp nối liên tục. Cái gì là gốc của sự sống? Là hơi thở, hơi thở làm tim đập, các mạch máu dẫn máu đi nuôi tế bào. Nếu còn hít vô thở ra liên tục, tim còn đập liên tục là còn vay mượn. Trong sự vay mượn liên tục đó, bộ máy hoạt động tạo thành sự sống. Nó ngừng lại thì chết, nên nói thân này liên tục không có gì thật. Như khi cầm cây nhang quay mạnh, quay nhanh thì thấy có một vòng lửa. Vòng lửa đó không có thật, do sức quay nhanh liên tục nên dường như có. Khi cây nhang dừng lại thì vòng lửa không còn. Thân này cũng vậy, nếu hơi thở dừng thì tim ngừng đập, mọi

sinh hoạt cũng ngừng luôn. Như vậy giá trị của nó ở chỗ nào? Chỉ cần dừng một cái là hết. Vậy mà tự hào tự đắc.

Ảo sư, kẻ ngu nói. Ảo sư là thầy huyễn thuật, kẻ ngu nói những thứ do ảo sự hóa hiện là thật.

Được gọi kẻ sát nhân. Thân này cũng gọi là kẻ sát nhân. Giết ai mà nói là kẻ sát nhân? Chúng ta chấp thân này là ngã, khi thân hoại diệt như nó giết cái ngã của mình, nên nói giết người.

Không tìm thấy lõi cây. Là không tìm thấy cái chắc thật.

6) Hãy quán uẩn như vậy,

Vị Tỷ-kheo tinh cần,

Suốt cả đêm lẫn ngày,

Tỉnh giác, chánh tư niệm.

Luôn luôn tỉnh giác suy nghĩ chân chánh về năm uẩn như vậy.

7) Hãy bỏ mọi kiết sử,

Làm chỗ mình nương tựa,

Sống như lửa cháy đầu,

Cầu chứng cảnh bất động.

Bỏ tất cả ràng buộc về chấp thân mà lâu nay chúng ta nương tựa vào nó. Tu tập siêng năng như cứu lửa cháy đầu để đến chỗ bất động. Hán tạng gọi là *Hành hữu vi ngừng nghỉ, vĩnh viễn chốn thanh lương.*

Đối chiếu hai bên ý nghĩa không khác, chỉ cách dùng từ có khác.

Giải và Đối chiếu Kinh Thập Nhị Duyên Khởi (Hán tạng, kinh số 298) với Kinh Phân Biệt (Pali tạng)

HÁN TẠNG

Mười hai nhân duyên là giáo lý căn bản của Phật giáo. Phật nói Tứ đế đầu tiên, chỗ ngài thấy rõ sự sanh khởi và chấm dứt khổ đau trong Tứ đế là mười hai nhân duyên. Đây là vấn đề cốt lõi của con người, ai có mặt trên nhân gian đều thắc mắc không biết tại sao mình có mặt ở đây, sau khi chết rồi sẽ đi đâu? Cũng chính vì thắc mắc này mà đức Phật đi tìm. Sau khi ngộ đạo, ngài thấy rõ lý nhân duyên, thấy rõ ngọn ngành kiếp người qua ba thời gian: quá khứ, hiện tại, vị lai. Chúng ta có thể thuộc lòng danh từ trong mười hai nhân duyên, nhưng chưa chắc hiểu rõ ý nghĩa.

Học bài kinh này để nắm thật vững chắc then chốt trọng yếu.

Chánh văn:

Tôi nghe như vầy: Một hôm Phật ở nước Câu-lưu-sấu tụ lạc Điều Ngưu.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

Ta nay sẽ nói pháp Duyên khởi; thuyết pháp, thuyết nghĩa, phải lắng nghe suy nghĩ. Nghĩa là: Đây có nên kia có, đây khởi nên kia khởi. Do duyên vô minh có hành, cho đến thuần đại khổ tụ tập, ấy gọi là pháp duyên khởi thuyết pháp.

Giảng:

Thuyết pháp là nói tổng quát đại cương về pháp. *Thuyết nghĩa* là đi sâu giải thích từng danh từ của pháp. Ban đầu

Phật thuyết pháp, ngài nói: *Đây có nên kia có, đây khởi nên kia khởi.* Đó là nói về con người, về muôn vật ở thế gian này không phải tự có, không phải do một nhân tạo nên, không phải do ai làm ra. Tất cả pháp đều do nhiều nguyên tố, nhiều nhân duyên kết hợp đối đãi mà hiện khởi. Thân chúng ta là thân thuần đại khổ tụ, do vô minh, hành, thức, danh sắc v.v... tụ tập họp lại mà thành. Nói tổng quát như vậy, gọi là pháp duyên khởi.

Chánh văn:

Thế nào là thuyết nghĩa? Nơi duyên vô minh có hành, thế nào là vô minh? Nếu không biết mé trước, không biết mé sau, không biết trong, không biết ngoài, không biết nghiệp, không biết báo, không biết nghiệp báo, không biết Phật, không biết pháp, không biết tăng, không

biết khổ, không biết tập, không biết diệt, không biết đạo, không biết nhân, không biết pháp do nhân khởi, không biết thiện, bất thiện, có tội, không tội, tập, không tập, hoặc liệt hoặc thắng, nhiễm ô, thanh tịnh, phân biệt duyên khởi, thảy đều không biết, đối với lục xúc nhập xứ không biết như thật, đối với tất cả những cái kia không thấy không biết, không vô gián đẳng, rất mờ mịt si ám vô minh, ấy gọi là vô minh.

Giảng:

Giải thích ý nghĩa của mười hai duyên khởi. Ban đầu từ duyên vô minh nên các chi sau tiếp nối. Vô minh là không biết nhiều thứ. Không biết về quá khứ, vị lai, không biết trong ngoài là ngay hiện tại cũng không biết. Không biết nghiệp báo,

không biết Tam bảo, không biết rõ Tứ đế đúng như thật, đối với các pháp đối đãi thảy đều không biết... đó là vô minh. Câu này khó hiểu: Đối với tất cả cái kia không thấy không biết, không vô gián đẳng. *Vô gián đẳng* nghĩa là Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Vô gián là không xen, đẳng là liên tục. Vô gián đẳng là giác liên tục không xen hở. Phật là Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác; Bồ-tát, Thanh văn là phần giác; chúng ta thuộc loại tiểu giác. Tất cả người tu Phật đều phải có giác để đối trị với vô minh. Chúng ta chưa biết pháp Tứ đế đúng như thật, nhưng ít ra cũng biết Tam bảo, cũng biết thiện ác, nghiệp báo, là đã có chút giác ngộ. Giác trọn vẹn thì gọi là hoàn toàn giác, không giác được phần nào là vô minh. Theo ý đoạn này, chúng ta cũng có chút xíu dự phần giác ngộ, không đến nỗi mờ mịt si ám.

Chánh văn:

Duyên vô minh có hành, thế nào là hành? Hành có ba thứ: thân hành, khẩu hành, ý hành.

Giảng:

Hành động là nghiệp, nghiệp của thân, nghiệp của miệng, nghiệp của ý.

Chánh văn:

Duyên hành có thức, thế nào là thức? Có sáu thức thân: nhãn thức, nhĩ thức, tỹ thức, thiệt thức, thân thức, ý thức.

Giảng:

Chỗ này ngay đây đi sâu vô một chút thấy có điều không ổn. Mười hai nhân duyên nếu chia ra ba thời quá khứ, hiện tại, vị lai thì vô minh, hành, thức thuộc quá khứ, hiện tại là danh sắc, lục nhập...

vị lai là hữu... Đây giải thích thức là sáu thức: nhãn thức.. nó tựa vào sáu căn thuộc về hiện tại. Đúng ra thức của quá khứ, do hành nghiệp đưa vào bào thai. Nếu thức vào bào thai mà chỉ nói sáu thức thì không hợp. Vì thế, sau này Duy thức học phát triển thêm hai thức: mạt-na, a-lại-da. Thức a-lại-da chứa tất cả nghiệp là hành và cả sáu thức tiềm ẩn trong mạt-na, khi vào thai mẹ mới phát ra. Sáu thức này không rời thân, từ thân cũ chuyển qua thân mới, khoảng giữa không có thân, thì làm sao có sáu thức?

Phải có thức đầu tiên để làm nhân cho danh sắc. Đó là lý do sau này có các bộ luận ra đời. Hiểu như vậy mới thấy manh mối.

Chánh văn:

Duyên thức có danh sắc, thế nào là danh? Là bốn món Vô sắc ấm: thọ ấm, tưởng ấm, hành ấm, thức ấm.

Thế nào là sắc? Là tứ đại và tứ đại sở tạo sắc, ấy gọi là sắc. Cái sắc này cùng cái danh nói trước hợp lại là danh sắc. Duyên danh sắc có lục nhập, thế nào là lục nhập? Là lục nhập xứ: nhãn nhập, nhĩ nhập, tỹ nhập, thiệt nhập, thân nhập, ý nhập. Duyên lục nhập có xúc, thế nào là xúc? Là lục xúc thân: nhãn xúc, nhĩ xúc, tỹ xúc, thiệt xúc, thân xúc, ý xúc. Duyên xúc có thọ, thế nào là thọ? Có ba thứ thọ: khổ thọ, lạc thọ, không khổ không lạc thọ. Duyên thọ có ái, thế nào là ái? Dục ái, Sắc ái, Vô sắc ái.

Giảng:

Trong bào thai thì danh và sắc hợp lại thành ra tâm thức và sắc chất. Khi có đủ thân tâm thì có sáu chỗ nhận biết gọi là lục nhập, từ đó có xúc, thọ, ái. Ái là yêu thích ba cõi: Dục giới, Sắc giới, Vô sắc giới.

Chánh văn:

Duyên ái có thủ, thế nào là thủ? Có bốn thứ thủ: dục thủ, kiến thủ, giới thủ, ngã thủ. Duyên thủ có hữu, thế nào là hữu? Có ba thứ hữu: Dục hữu, Sắc hữu, Vô sắc hữu. Duyên hữu có sanh, thế nào là sanh? Mỗi mỗi chúng sanh kia có mỗi mỗi thân, sanh mỗi chủng loại, siêu việt hòa hợp sanh ra, được ấm, được giới, được nhập xứ, được mạng căn, ấy gọi là sanh.

Giảng:

Dục thủ là giữ chặt cái ham muốn của mình. Kiến thủ là giữ chặt cái thấy biết của mình. Giới thủ là giữ chặt giới tà. Ngã thủ là giữ chặt cái ngã của mình. Sở dĩ đời sau tiếp nối vì bốn thứ thủ này giữ chặt không rời. Ham muốn vật chất là ham muốn về Dục giới, là nguyên nhân khiến chúng ta có mặt ở đây. Ngã thủ là chấp chặt thân nên mất thân này tìm cầu thân tiếp sau. Như thế nhân thủ có hữu, sanh trong ba cõi tùy theo ba thứ hữu. Khi sanh ra có ấm, giới, xứ, mạng căn gọi là sanh.

Chánh văn:

Duyên sanh có lão tử, thế nào là lão? Tóc bạc, da mồi, trán nhăn, má hóp, đầu cúi, lưng còng, hơi ngắn, đi phải chống gậy, mờ mịt nhọc nhằn, làm việc khó khăn yếu ớt, ấy gọi là lão.

Thế nào là tử? Mỗi mỗi chúng sanh kia, mỗi mỗi chủng loại kia, do sự xê dịch biến dời, thân tan, thọ dứt, hơi ấm hết, mạng diệt, thời kỳ xả ấm đã đến, ấy gọi là tử. Cái tử này và cái lão nói trước chung lại gọi là lão tử. Đó gọi là thuyết nghĩa duyên khởi.

Phật nói kinh này rồi, chư Tỳ-kheo nghe Phật nói hoan hỷ phụng hành.

Giảng:

Vì sao lão tử nói chung? Có sanh phải có già chết, nhưng có người sanh ra chưa già đã chết, vì thế lão tử đi chung là một.

Phật chỉ dạy chúng ta sự hiện hữu của thân này không phải bỗng dưng mà có, mà gồm cả một chuỗi nhân duyên liên hệ từ quá khứ đến vị lai. Nói đến nhân duyên là ngầm có luân hồi trong đó. Luân hồi cách

nào? Hán tạng giải thích theo chiều sanh đến tử, Pāli tạng thì nói từ lão tử đến sanh, hữu, thủ đi ngược từ dưới lên đến vô minh. Giải thích như thế có thuận lợi cụ thể là già chết, hiện tại không ai chối cãi. Mọi cái chết đều từ sanh mà có, có cái gì không sanh mà tử không? Sanh từ đâu có? Từ hữu. Hữu là cõi. Tức là phải có nơi chốn trước mới có người ở, nếu không có nơi chốn thì không có chỗ để ở. Hữu có trước, Dục hữu, Sắc hữu, Vô sắc hữu, có chỗ trước rồi mới có thân sau. Hữu từ đâu có? Từ thủ, tức là sự chấp giữ ràng buộc. Dục thủ là giữ chặt cái mong muốn để đến nơi nào đó. Như muốn đến Thường Chiếu nên mình có mặt ở Thường Chiếu. Ai muốn? Chấp cái muốn của mình là ngã thủ. Theo suy nghĩ mình thấy chỗ đó phù hợp với mình là kiến thủ. Thủ từ đâu có? Từ ái, là yêu thích. Cái gì không yêu thích thì không bao giờ cố giữ, thủ là cố giữ, cố giữ

từ yêu thích mà ra. Ái từ đâu có? Từ cảm thọ, cảm thọ vui, cảm thọ khổ. Thọ từ đâu có? Từ xúc chạm. Sáu căn tiếp xúc được với sáu trần qua sáu chỗ, nên xúc có ra là do lục nhập. Ở đây nói lục nhập mà chỉ chú trọng sáu căn, nên nói sáu căn có ra là do danh sắc (thân tâm cộng lại). Thân tâm từ đâu có?

Thức của quá khứ bị nghiệp (hành) đẩy tới. Tại sao nghiệp đẩy tới? Vì mờ mịt không biết nên tạo nghiệp, là vô minh. Giải thích cả ba đời quá khứ, hiện tại, vị lai liên hệ như một vòng dây xích có từng mắt từng mắt. Nếu không cắt đứt vô minh thì cứ luân hồi quanh quẩn.

Thấu suốt lý mười hai nhân duyên là thấu suốt được sanh tử ba đời, thấu suốt nghiệp duyên trong ba đời, không phải thường. Chúng ta sanh trong hoàn cảnh nào, theo chiều hướng nào, biết là do hành

(nghiệp) quá khứ mang lại. Hiện tại yêu thích cái gì, chấp thủ cái gì mai kia nó sẽ dẫn mình tới đó. Rõ ràng ngay trong cuộc sống này chúng ta mang ảnh hưởng của quá khứ, và chúng ta có trách nhiệm xây dựng vị lai. Nếu chọn lựa manh mối dẫn mình đi mãi trong luân hồi, đó là gốc vô minh. Muốn thoát ra vòng luân hồi phải đập tan vô minh. Vô minh là không biết như thật, tập quán sát đúng như thật thì hết vô minh. Cũng như nói nhà tối vì không đốt đèn, bây giờ chịu khó đốt đèn thì hết tối. Dù chúng ta dụng công lạy Phật lễ sám mà không giác ngộ đúng như thật, cũng không khác nào vác búa đuổi bóng tối. Gốc của đạo Phật là giác ngộ phá vô minh mới hết sanh tử, chưa hết vô minh thì không làm sao dứt sanh tử. Muốn phá vô minh phải thấy biết như thật. Chúng ta thấy thân mình thật, đối với y khoa thì nó chỉ là một mớ tế bào cấu

tạo. Chiếu qua quang tuyến thấy trống rỗng không có gì chắc thật. Từ thân đến cảm thọ... nếu còn thấy thật là còn phiền não si mê. Biết tất cả đều không thật thì không chấp, mọi thứ thông qua dễ dàng.

Muốn thành Phật thì phải thấy đúng như thật, như Phật đã thấy. Chúng ta sẽ mồi cây đuốc (giác ngộ) với chánh pháp, nghĩa là Phật đã có ngọn đuốc sẵn, chúng ta đem ngọn đuốc của mình mồi qua, dễ dàng đâu có gì khó. Tự mình đi kiếm lửa mồi thì khó, bây giờ có đuốc cháy sẵn chỉ cần đưa đuốc mình mồi qua thôi. Học đạo là mồi đuốc trí tuệ, có mồi có sáng, cây đuốc nào mà nhúng nước ướt thì không cháy nổi. Đó là tôi nói rộng cho thấy ý nghĩa bài kinh này.

PĀLI TẠNG

Chánh văn:

1) Trú ở Sāvatthi (Xá-vệ).

2) - Này các Tỷ-kheo, ta sẽ thuyết và phân tích cho các ông về lý Duyên khởi. Hãy lắng nghe và khéo suy nghiệm, ta sẽ giảng.

- Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

Các Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn.

3) Thế Tôn nói như sau:

- Này các Tỷ-kheo, thế nào là lý Duyên khởi? Này các Tỷ-kheo, vô minh duyên hành, hành duyên thức, thức duyên danh sắc, danh sắc duyên sáu xứ, sáu xứ duyên xúc, xúc duyên thọ, thọ duyên ái, ái duyên thủ, thủ duyên hữu, hữu duyên sanh, sanh

duyên già, chết, sầu, bi, khổ, ưu, não được khởi lên. Như vậy là toàn bộ khổ uẩn này tập khởi.

4) Và này các Tỷ-kheo, thế nào là già chết? Cái gì thuộc chúng sanh này hay chúng sanh khác, thuộc bộ loại chúng sanh này hay thuộc bộ loại chúng sanh khác, bị già, yếu, suy nhược, răng rụng, tóc bạc, da nhăn, tuổi thọ tàn lụi, các căn chín muồi. Đây gọi là già. Cái gì thuộc chúng sanh này hay chúng sanh khác, thuộc bộ loại chúng sanh này hay thuộc bộ loại chúng sanh khác, sự từ bỏ, hủy hoại, tiêu mất, tử vong, các uẩn hư hoại, thân thể vất bỏ. Đây gọi là chết. Như vậy đây là già, đây là chết. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là già chết.

5) Và này các Tỷ-kheo, thế nào là sanh? Cái gì thuộc chúng sanh này hay chúng sanh khác, thuộc bộ loại chúng sanh này hay thuộc bộ loại chúng sanh khác, bị sanh, xuất sanh, giáng sanh, đản sanh, sự xuất hiện các uẩn, sự thành tựu các xứ. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là sanh.

6) Và này các Tỷ-kheo, thế nào là hữu? Này các Tỷ-kheo, có ba hữu này: Dục hữu, Sắc hữu, Vô sắc hữu. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là hữu.

7) Và này các Tỷ-kheo, thế nào là thủ? Này các Tỷ-kheo, có bốn thủ này: dục thủ, kiến thủ, giới cấm thủ, ngã luận thủ. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là thủ.

8) Và này các Tỷ-kheo, thế nào là ái? Này các Tỷ-kheo, có sáu ái thân

này: sắc ái, thanh ái, hương ái, vị ái, xúc ái, pháp ái. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là ái.

9) Và này các Tỷ-kheo, thế nào là thọ? Này các Tỷ-kheo, có sáu thọ thân này: thọ do nhãn xúc sanh, thọ do nhĩ xúc sanh, thọ do tỹ xúc sanh, thọ do thiệt xúc sanh, thọ do thân xúc sanh, thọ do ý xúc sanh. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là thọ.

10) Và này các Tỷ-kheo, thế nào là xúc? Này các Tỷ-kheo, có sáu xúc thân này: nhãn xúc, nhĩ xúc, tỹ xúc, thiệt xúc, thân xúc, ý xúc. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là xúc.

11) Và này các Tỷ-kheo, thế nào là sáu xứ? Nhãn xứ, nhĩ xứ, tỹ xứ, thiệt xứ, thân xứ, ý xứ. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là sáu xứ.

12) Và này các Tỷ-kheo, thế nào là danh sắc? Thọ, tưởng, tư, xúc, tác ý; đây gọi là danh. Bốn đại chủng và sắc do bốn đại chủng tạo ra, đây gọi là sắc. Như vậy đây là danh, đây là sắc. Đây gọi là danh sắc.

13) Và này các Tỷ-kheo, thế nào là thức? Này các Tỷ-kheo, có sáu thức thân này: nhãn thức, nhĩ thức, tỹ thức, thiệt thức, thân thức, ý thức. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là thức.

14) Và này các Tỷ-kheo, thế nào là hành? Này các Tỷ-kheo, có ba hành này: thân hành, khẩu hành, ý hành. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là hành.

15) Này các Tỷ-kheo, thế nào là vô minh? Này các Tỷ-kheo, không rõ biết Khổ, không rõ biết Khổ tập, không rõ biết Khổ diệt, không rõ biết Con

đường đưa đến Khổ diệt. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là vô minh.

16) Như vậy này các Tỷ-kheo, vô minh duyên hành, hành duyên thức, thức duyên danh sắc, danh sắc duyên sáu xứ, sáu xứ duyên xúc, xúc duyên thọ, thọ duyên ái, ái duyên thủ, thủ duyên hữu, hữu duyên sanh, sanh duyên già, chết, sầu, bi, khổ, ưu, não được khởi lên. Như vậy là toàn bộ khổ uẩn này tập khởi. Nhưng do sự ly tham, đoạn diệt vô minh một cách hoàn toàn, nên hành diệt. Do hành diệt nên thức diệt. Do thức diệt nên danh sắc diệt. Do danh sắc diệt nên sáu xứ diệt. Do sáu xứ diệt nên xúc diệt. Do xúc diệt nên thọ diệt. Do thọ diệt nên ái diệt. Do ái diệt nên thủ diệt. Do thủ diệt nên hữu diệt. Do hữu

diệt nên sanh diệt. Do sanh diệt nên già chết, sầu, bi, khổ, ưu, não đều diệt. Như vậy là ly tham, đoạn diệt vô minh một cách hoàn toàn của toàn bộ khổ uẩn này.

Giảng:

So sánh hai bản kinh Pāli và Hán tạng không khác về tinh thần chung, chỉ khác vài điểm.

Đoạn số 8 Pāli nói về sáu ái: sắc ái, thanh ái, hương ái, vị ái, xúc ái, pháp ái. Hán tạng nói là Dục ái, Sắc ái, Vô sắc ái. Lý giải của Hán tạng có liên hệ đến đời sau, nếu nói ái của sáu căn thì ít có liên hệ đến đời sau.

Đoạn số 9, Pāli nói có sáu thọ; Hán tạng nói có ba thọ. Hai bên có thể bổ túc cho nhau.

Đoạn 15 nói về vô minh. Hán tạng giảng vô minh có nhiều thứ nào là không biết quá khứ, vị lai, trong ngoài, Tứ đế v.v... Pāli nói vô minh là *Này các Tỷ-kheo, thế nào là vô minh? Này các Tỷ-kheo, không rõ biết Khổ, không rõ biết Khổ tập, không rõ biết Khổ diệt, không rõ biết Con đường đưa đến Khổ diệt. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là vô minh.* Tức là chỉ ngay không thấy Tứ đế đúng như thật đó là vô minh.

Phần cuối, Pāli chia làm hai, một là lưu chuyển, từ vô minh duyên hành... toàn bộ khổ uẩn tập khởi; hai là hoàn diệt, do ly tham, đoạn diệt vô minh một cách hoàn toàn, nên hành diệt...

Bên Hán tạng không nói hai phần này. Đó là những điểm sai biệt chút ít.

Giải và Đối chiếu Kinh Phú Lâu Na (Hán tạng, kinh số 311) với Kinh Punna (Pali tạng)

HÁN TẠNG

Chánh văn:

Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật ở tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, có tôn giả Phú-lâu-na đi đến chỗ Phật, cúi đầu đảnh lễ sát chân Phật, rồi đứng qua một bên, bạch Phật:

- Lành thay, Thế Tôn! Cúi xin vì con mà thuyết pháp. Con ở nơi vắng vẻ một mình, chuyên cần tinh tấn tư duy, sống không buông lung... cho đến tự biết không tái sanh đời sau nữa.

Phật bảo Phú-lâu-na:

- Lành thay! Lành thay! Ông có thể hỏi Như Lai nghĩa như vậy. Hãy lắng nghe, và suy nghĩ kỹ, ta sẽ vì ông mà nói.

Giảng:

Bài kinh này khiến chúng ta cố gắng học theo ngài Phú-lâu-na, dù không trọn vẹn cũng phải ráng học một, hai phần. Đó là điều đáng quý. Đầu tiên ngài Phú-lâu-na thỉnh Phật vì ngài nói pháp. Ngài hứa rằng nghe pháp xong sẽ về nơi vắng vẻ riêng ở một mình chuyên tu hành trụ chỗ không buông lung, cho đến tự biết không còn thọ thân đời sau, tức là chứng quả A-la-hán. Đây là ý chí mạnh mẽ quyết liệt của hàng đệ tử Phật. Thỉnh cầu được nghe pháp rồi nỗ lực tu để chứng đạo. Vì thế

Phật vui lòng hứa khả chỉ dạy cho Phú-lâu-na.

Chánh văn:

Nếu có Tỳ-kheo nào, mắt thấy sắc vừa ý, đáng yêu, đáng vui, đáng nhớ, trưởng dưỡng dục; Tỳ-kheo kia thấy rồi, sanh ra hỷ lạc, tán thán, hệ lụy; do hỷ lạc, tán thán, hệ lụy, tâm càng hoan hỷ; do hoan hỷ, càng đắm sâu hoan lạc; đắm sâu hoan lạc mà tham ái sanh; do tham ái sanh, mà bị ách ngại. Do đó cách xa Niết-bàn. Đối với tai, mũi, lưỡi, thân, ý cũng nói như vậy.

Giảng:

Phật chỉ dạy cách tu. Trong sáu căn, đầu tiên là mắt. Nếu mắt thấy sắc đáng yêu, đáng thích, vừa lòng, hợp ý nuôi lớn tham dục. Từ chỗ vừa lòng thích ý đến

đắm trước không cách xa. Một dọc tâm lý tiếp nối dẫn chúng ta chìm sâu trong vô minh. Tỳ-kheo kia thấy rồi sanh ra hỷ lạc... mà tham ái sanh. Như vậy vừa có niệm thích thú thì khen ngợi, khen ngợi rồi thì tham trước muốn được, khi được rồi thì hoan hỷ đắm trước, kết quả ách ngại ngăn trở không được Niết-bàn. Đó là mắt thấy sắc.

Khi tai nghe tiếng, như nghe tiếng nhạc thật hay thì hoan hỷ đắm trước, hát một lần bảo hát lần hai, yêu cầu thêm. Hễ có hoan hỷ liền có đắm trước, đắm trước rồi đến tham ái, tham ái liền có ách ngại. Mũi ngửi mùi thì sao? Ở xa xa nghe phảng phất mùi hoa thơm, trầm trồ khen rồi đến gần. Nghe phảng phất thơm chưa hài lòng, muốn đến gần để ngửi hơi nồng mới chịu. Đó là tham ái dẫn tới, nếu thấy nó thật là thơm liền muốn trồng. Từ thích thú hoan

hỷ mà đắm trước càng ngày càng tăng. Với các căn lưỡi, thân, ý đều như thế, tiếp xúc sanh vừa lòng thích ý liền có đắm trước khởi lên. Đó là đầu mối cách xa đạo.

Chánh văn

Này Phú-lâu-na, nếu Tỳ-kheo nào, mắt thấy sắc vừa ý, đáng yêu, đáng vui, đáng nhớ, trưởng dưỡng dục; Tỳ-kheo kia thấy rồi, không hỷ lạc, không tán thán, không hệ lụy; do không hỷ lạc, không tán thán, không hệ lụy nên không hoan hỷ; do không hoan hỷ nên không hoan lạc; không hoan lạc nên không tham; do không tham, mà không bị ách ngại; cho nên dần dần tiếp cận Niết-bàn. Đối với tai, mũi, lưỡi, thân, ý, cũng nói như vậy.

Giảng:

Ngược lại khi sáu căn tiếp xúc với sáu trần vừa ý, chúng ta không có tâm hoan hỷ, không tâm hoan hỷ nên không đắm trước, không đắm trước nên không tham ái, không ách ngại, nên gần được Niết-bàn. Gần Niết-bàn hay xa Niết-bàn, chỉ ngay ở chỗ sáu căn đắm nhiễm hay không đắm nhiễm. Theo thói thường, người thế gian chạy theo sáu trần, đó là xoay lưng với Niết-bàn. Chúng ta tu phải đi ngược dòng đời, đừng thả trôi theo thị hiếu, theo xã giao. Từ vật dụng hay thức ăn, nếu người cúng dường hỏi thăm chúng ta có vừa ý, có thích không, lúc đó trả lời thế nào? Chỉ nên cười rồi thôi, không nói thêm. Nếu khen để vừa lòng người, đó là tô điểm cho sự vui thích, tán thán, hoan hỷ. Phải gan dạ, coi như mình quê mùa không biết, để bớt đi sự đắm trước.

Pháp yếu Phật dạy là ngay nơi sáu căn, sáu căn nhiễm trước trôi theo dòng đời, đó là xa Niết-bàn; sáu căn tiếp xúc sáu trần mà không nhiễm trước, đó là gần Niết-bàn. Nhận ra chỗ đó, việc tu hành rõ như ban ngày. Chúng ta cứ nghĩ phải ngồi thiền cho được định, cho được hào quang, việc này rất xa xôi. Nếu sáu căn không nhiễm sáu trần, dù không ngồi thiền cũng đã gần Niết-bàn, Chủ yếu là dừng được tâm đắm trước, tâm đắm trước dừng rồi thì mọi nghiệp theo đó dừng. Không dừng được tâm đắm trước thì càng ngày càng bị nghiệp kéo lôi, Kinh Kim Cang nói *Bất ưng trụ sắc sanh tâm, bất ưng trụ thanh, hương, vị, xúc, pháp sanh tâm. Ưng vô sở trụ nhi sanh kỳ tâm.* Không trụ là không dính, sáu căn không dính với sáu trần, đó là an trụ tâm.

Sáu căn dính với sáu trần, đó là không an trụ tâm. Tâm an trụ thì đạt Niết-bàn, tâm không an trụ thì trôi lăn trong sanh tử. Cốt lõi kinh Kim Cang không khác tinh thần Nguyên thủy, Lục Tổ nghe đến chỗ này liền ngộ. Nắm được then chốt tu hành đâu có gì lạ, đâu có gì khó, chúng ta cứ tìm kiếm cái gì cao siêu mầu nhiệm mà không biết cội gốc ở chỗ này. Trọng tâm tu hành là sáu căn đừng nhiễm với sáu trần, đó là Vô thượng Bồ-đề.

Chánh văn:

Phật bảo Phú-lâu-na:

- Ta đã tóm lược giáo pháp, vậy Phú-lâu-na muốn an trú chỗ nào?

Tôn giả Phú-lâu-na bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn, con đã được Thế Tôn tóm lược giáo giới, nay con muốn

du hành trong nhân gian, đi về xứ Thâu-lô-na ở phương tây.

Phật bảo Phú-lâu-na:

- Người ở Thâu-lô-na phương tây hung dữ, nóng nảy, thô bạo, ưa chửi bới. Phú-lâu-na, nếu ông nghe những lời hung ác, nóng nảy, thô bạo, ưa mắng rủa, hủy nhục thì ông sẽ như thế nào?

Giảng:

Phật dạy xong, ngài Phú-lâu-na nói sẽ qua phương tây du hành xứ Thâu-lô-na. Tại sao ngài qua đó, bởi dân tình xứ Thâu-lô-na chưa biết đạo đức. Ngài đến đó, nay ở gốc cây này mai ở gốc cây kia, đi giáo hóa khắp nơi nên gọi là du hành nhân gian. Phật cảnh cáo dân xứ này hung bạo, tệ ác, ưa chửi mắng thì ông sẽ làm sao?

Chánh văn:

Phú-lâu-na bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn, nếu người nước Thâu-lô-na phương tây kia mà trước mặt con có những lời hung ác, mắng chửi, hủy nhục, thì con nghĩ rằng: "Những người Thâu-lô-na ở phương tây này vẫn tốt lành, có trí tuệ; tuy họ ở trước mặt ta tỏ ra hung ác, thô bạo, mắng chửi hay hủy nhục, ta vẫn chưa bị họ dùng tay để đánh hoặc ném đá."

Giảng:

Giai đoạn một, người Thâu-lô-na chỉ chửi mắng, chưa dùng tay đánh, lượm đá ném. Chửi mắng chưa phải là xấu, còn tốt còn sáng suốt. Chúng ta làm được điều này không? Nếu bị người mạ nhục, chửi mắng; chúng ta nói họ tốt lành sáng suốt, hay nói họ hung bạo, ngăn trở sự tu hành?

Bởi thấy họ là kẻ thù nên tâm sân hận nổi lên. Ở đây ngài thấy là hiền lành sáng suốt nên không giận, còn mang ơn mấy ông làm như thế tốt quá, chưa đánh bằng tay chưa chọi bằng đá. Trong cảnh này không giận không sân mới thật là khó, nhưng đó là biểu hiện của tinh thần tu tập như Phật dạy.

Chánh văn:

Phật bảo Phú-lâu-na:

- Người Thâu-lô-na ở phương tây này tuy hung ác, nóng nảy, thô bạo, mắng chửi, hủy nhục đối với ông, ông có thể tránh được; nhưng nếu họ lại còn dùng tay đánh, đá ném nữa, thì ông như thế nào?

Phú-lâu-na bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn, nếu người Thâu-lô-na ở phương tây dùng tay đánh,

hay dùng đá ném con đi nữa, thì con nghĩ rằng: "Những người Thâu-lô-na vẫn còn tốt lành, có trí tuệ, tuy họ dùng tay đánh, đá ném nhưng họ chẳng dùng dao gậy."

Giảng:

Đến giai đoạn này, họ dùng tay đánh dùng đá ném, ngài Phú-lâu-na vẫn nói họ còn hiền lành sáng suốt, chưa dùng tới dao gậy. Người thường như chúng ta kham nổi không?

Chánh văn:

Phật bảo Phú-lâu-na:

- Nếu những người này dùng dao gậy để hại ông, thì sẽ như thế nào?

Phú-lâu-na bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn, nếu những người này lại dùng dao gậy để hại con, thì

con nghĩ rằng: "Những người Thâu-lô-na này vẫn còn tốt lành, có trí tuệ, tuy họ dùng dao gậy hại ta, nhưng chưa giết ta."

Giảng:

Phật nêu trường hợp mức độ hung dữ của người Thâu-lô-na tăng hơn, ngài Phú-lâu-na vẫn cho rằng tuy họ dùng dao đâm, gậy đánh mà chưa giết chết, như vậy vẫn còn sáng suốt. Chúng ta thấy xử sự từ nhẹ đến nặng, mà thái độ của ngài vẫn an nhẫn.

Chánh văn:

Phật bảo Phú-lâu-na:

- Giả sử những người này giết ông, thì sẽ như thế nào?

Phú-lâu-na bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn, nếu những người Thâu-lô-na phương tây giết con, thì con nghĩ rằng: "Các đệ tử của Thế Tôn có người nhàm chán thân này, hoặc dùng dao tự sát, hoặc uống thuốc độc, hoặc dùng dây tự thắt cổ, hoặc gieo mình xuống hố sâu; người Thâu-lô-na phương tây này vẫn còn tốt lành, có trí tuệ. Đối với cái thân hủ bại của ta, chỉ tạo chút phương tiện khiến ta được giải thoát."

Giảng:

Đến mức này là cùng, bị người Thâu-lô-na giết chết, ngài vẫn nghĩ rằng: Các huynh đệ của mình quán thân bất tịnh, thấy thân mỏng manh, ô uế gớm ghê nên chán ngán, muốn bỏ nó. Đối với thân hủ bại mình không tự sát, bây giờ lại có người dùng phương tiện làm cho nó chết, giải

thoát giùm thân hủ bại này thì mang ơn biết mấy, đâu có gì là buồn là giận. Với tâm niệm như thế, trên đường tu còn có gì làm ngài trở ngại không? Cái chết cũng chấp nhận, càng vui nữa, có gì là ngại.

Chánh văn:

Phật bảo:

- Lành thay! Phú-lâu-na! Ông khéo học hạnh nhẫn nhục. Nay ông có thể đến ở lại Thâu-lô-na, ông nên đến độ cho người chưa được độ, an cho người chưa được an, người chưa được Niết-bàn khiến cho được Niết-bàn.

Giảng:

Người như vậy thì sớm muộn cũng được Niết-bàn, không nghi ngờ. Phật khen ngợi ngài Phú-lâu-na khéo nhẫn nhục, có thể qua xứ Thâu-lô-na dừng ở

nhân gian, nên đi độ những người chưa độ, an những người chưa an, người chưa Niết-bàn khiến được Niết-bàn. Người có tâm niệm như vậy, có sức chịu đựng như vậy, chắc chắn đến Niết-bàn không bao giờ thối chuyển.

Chúng ta nên biết hoàn cảnh khó khổ không phải làm chướng ngại sự tu; chướng ngại là không kham chịu nổi sự khinh chê, mạt sát, đánh đập hành hạ, sự đe dọa đến sanh mạng mình. Nếu mình thấy đó như trò chơi thì không còn gì trở ngại nữa. Vậy hoàn cảnh khó hay ta khó? Người còn ôm cái ngã to thì chỗ nào cũng khó hết, vì chấp ngã lớn quá nên đi đâu cũng đụng, đi đâu cũng không hài lòng không an ổn, Ngài Phú-lâu-na không chấp ngã nên ở đâu cũng được, chỗ người ta hung dữ mấy cũng ở được, không có gì chướng ngại. Ngài Phú-lâu-na có ba đặc điểm là gan dạ,

nhẫn nhục, hỷ xả. Gan dạ là Phật cảnh cáo xứ đó hung dữ, ngài vẫn sẵn sàng tới. Nhẫn nhục là kham nhận những gì xảy ra với mình. Hỷ xả là dù người hại mình tới đâu cũng vẫn thấy người còn tốt, lương thiện, sáng suốt. Thấy như vậy thì không giận hờn, đã không giận hờn thì cái gì sanh oán thù phiền não? Dù bị chết cũng không oán thù phiền não, không nhập Niết-bàn sao được! Đó là chỗ đặc biệt, chúng ta nên nhớ.

Trên đường tu, dù gặp hoàn cảnh mất thân mạng lòng chúng ta vẫn thanh thản, thấy đó là cơ hội tốt để thắng được chấp ngã, thắng lòng tham sống. Nếu thấy tất cả cảnh đều tốt thì bảo đảm Niết-bàn không xa, sự giáo hóa không khó. Chủ đích của chúng ta là giải thoát sanh tử, nếu gặp chửi mắng hành hạ mà tâm không lui sụt, không phẫn nộ, đó là đạo

hiện tiền. Nếu gặp cảnh khó khổ một chút mà thối Bồ-đề tâm, phiền não nổi dậy thì xa đạo, lòng không an.

Câu chuyện Phật đến nước của vua Ưu điền (Udayāna) bị người chửi mắng, A-nan chịu không được nên thưa Phật đi xứ khác. Phật hỏi đi chỗ nào? A-nan thưa là đến những nơi mà Thế Tôn đã giáo hóa, dân chúng thuần thục. Phật hỏi, có ông thầy thuốc nào treo bảng nói tôi chỉ trị những người bệnh nhẹ còn bệnh nặng thì đi chỗ khác? Dân chúng ở đây hung hăng chửi bới, vì họ bệnh nặng nên Như Lai phải giáo hóa, nơi khác bệnh nhẹ không cần.

Người học đạo phải có quan niệm chính xác như vậy, phải làm đúng bổn phận của mình. Nếu biết hy sinh cho đạo, cho sự hoằng hóa, cho việc tu tập của mình tiến bộ thì sẽ thấy không có chỗ nào

khó. Chỉ vì chấp ngã nặng nề nên thấy trở ngại khó khăn. Ném bản ngã qua một bên thì tất cả đều dễ dàng. Ngài Phú-lâu-na là tấm gương đẹp nhất trong sự giáo hóa chúng sanh. Chúng ta nên nhớ bốn câu trả lời của ngài để tăng thêm sức mạnh.

Chánh văn:

Bấy giờ, tôn giả Phú-lâu-na, sau khi nghe Phật dạy, vui mừng phấn khởi, làm lễ rồi mà đi.

Sáng hôm sau tôn giả Phú-lâu-na đắp y mang bát vào thành Xá-vệ khất thực, thọ thực xong trở ra, giao lại ngọa cụ, đem y bát du hành đến nước Thâu-lô-na phương tây và an cư tại đó. Tôn giả thuyết pháp cho năm trăm vị Ưu-bà-tắc, và kiến lập năm trăm tăng-già-lam (Sangharama), cúng dường các thứ giường nằm, chăn,

mền đều đầy đủ; trải qua ba tháng hạ, đầy đủ tam minh, liền ở nơi ấy nhập vô dư Niết-bàn.

Giảng:

Đến nơi những người hung dữ ngang ngược, chỉ có ba tháng mà ngài độ được cho họ thọ năm giới rồi cất chùa. Vừa giáo hóa cũng vừa đạt đạo, tu trong giáo hóa, chứ không phải tu trong ngồi lặng lẽ. Giáo hóa mà không còn thấy có ngã nên chỉ trong ba tháng chứng A-la-hán và nhập vô dư Niết-bàn. Đối với đạo, nếu khó khăn, chỉ khó với những người yếu hèn chứ không khó với những người can đảm, nhẫn nại, dám quên mình. Người tu mà can đảm nhẫn nại, đối với đạo không cách bao xa.

Chánh văn:

1) ...

2) Rồi tôn giả Punna đi đến Thế Tôn...

3) Ngồi xuống một bên, tôn giả Punna bạch Thế Tôn:

- Lành thay, bạch Thế Tôn, nếu Thế Tôn vắn tắt thuyết pháp cho con. Sau khi nghe pháp của Thế Tôn, con sẽ sống một mình, an tịnh, không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần.

4) - Này Punna, có những sắc do mắt nhận thức khả lạc, khả hỷ, khả ý, khả ái, liên hệ đến dục, hấp dẫn. Nếu Tỷ-kheo hoan hỷ sắc ấy, tán dương, an trú luyến trước; do vị ấy hoan hỷ sắc ấy, tán dương, an trú luyến trước, hỷ (nandi) sanh. Này Punna, ta nói

rằng: "Do hỷ tập khởi nên khổ tập khởi." Này Punna, có những tiếng do tai nhận thức... Có những hương do mũi nhận thức... Có những vị do lưỡi nhận thức. Có những xúc do thân nhận thức... Này Punna, có những pháp do ý nhận thức khả lạc, khả hỷ, khả ý, khả ái, liên hệ đến dục, hấp dẫn. Nếu Tỷ-kheo hoan hỷ pháp ấy, tán dương, an trú luyến trước; do vị ấy hoan hỷ pháp ấy, tán dương, an trú luyến trước nên hỷ sanh. Này Punna, ta nói rằng: "Do hỷ tập khởi nên khổ tập khởi".

5) Này Punna, có những sắc do mắt nhận thức khả lạc, khả hỷ, khả ý, khả ái, liên hệ đến dục, hấp dẫn. Nếu Tỷ-kheo không hoan hỷ sắc ấy, không tán dương, không an trú luyến trước;

do vị ấy không hoan hỷ sắc ấy, không tán dương, không an trú luyến trước nên hỷ đoạn diệt. Này Punna, ta nói rằng: "Do hỷ đoạn diệt nên khổ đoạn diệt"... Này Punna, có những pháp do ý nhận thức khả lạc, khả hỷ, khả ý, khả ái, liên hệ đến dục, hấp dẫn. Nếu Tỷ-kheo không hoan hỷ pháp ấy, không tán dương, không an trú luyến trước; do vị ấy không hoan hỷ pháp ấy, không tán dương, không an trú luyến trước nên hỷ đoạn diệt. Này Punna, ta nói rằng: "Do hỷ đoạn diệt nên khổ đoạn diệt".

6) Này Punna, sau khi được nghe giáo giới với lời giáo giới vắn tắt này của ta, ông sẽ trú tại quốc độ nào?

- Bạch Thế Tôn, có một quốc độ tên là Sunāpa- ranta, tại đấy con sẽ ở.

7) - Thô bạo, này Punna, là người xứ Sunāpa- ranta. Độc ác, này Punna, là người xứ Sunāparanta. Nếu người xứ Sunāparanta, này Punna, chửi bới, nhiếc mắng ông, thời này Punna, ở đây, ông nghĩ thế nào?

- Nếu người xứ Sunāparanta, bạch Thế Tôn, chửi bới, nhiếc mắng con, ở đây, con sẽ nghĩ: "Thật là hiền thiện, người xứ Sunāparanta này! Thật là khéo hiền thiện, người xứ Sunāparanta này! Vì những người này không lấy tay đánh đập ta." Như vậy, ở đây, bạch Thế Tôn, con sẽ nghĩ như vậy. Như vậy, ở đây, bạch Thiện Thệ, con sẽ nghĩ như vậy.

8) - Nếu người xứ Sunāparanta, này Punna, sẽ đánh đập ông bằng tay,

thời ở đây, này Punna, ông sẽ nghĩ thế nào?

- Nếu người xứ Sunāparanta, bạch Thế Tôn, đánh đập con bằng tay, thời ở đây, con sẽ suy nghĩ: "Thật là hiền thiện, những người xứ Sunāparanta này! Thật là khéo hiền thiện, những người xứ Sunāparanta này! Vì những người này không đánh đập ta bằng cục đất." Ở đây, bạch Thế Tôn, con sẽ nghĩ như vậy. Ở đây, bạch Thiện Thệ, con sẽ nghĩ như vậy.

9) - Nhưng nếu người xứ Sunāparanta, này Punna, đánh đập ông bằng cục đất, thời ở đây, này Punna, ông nghĩ thế nào?

- Nếu những người xứ Sunāparanta, bạch Thế Tôn, đánh đập con bằng cục đất, thời ở đây, con

sẽ suy nghĩ: "Thật là hiền thiện, những người xứ Sunāparanta này! Thật là khéo hiền thiện, những người xứ Sunāparanta này! Vì những người này không đánh đập ta bằng gậy." Ở đây, bạch Thế Tôn, con sẽ nghĩ như vậy. Ở đây, bạch Thiện Thệ, con sẽ nghĩ như vậy.

10) - Nhưng nếu những người xứ Sunāparanta, này Punna, sẽ đánh đập ông với gậy, thời ở đây, này Punna, ông nghĩ thế nào?

- Nếu những người xứ Sunāparanta này, bạch Thế Tôn, sẽ đánh đập con với gậy, thời ở đây, con sẽ suy nghĩ: "Thật là hiền thiện, những người xứ Sunāparanta này! Thật là khéo hiền thiện, những người xứ Sunāparanta này! Vì những người

này không đánh đập ta bằng kiếm." Ở đây, bạch Thế Tôn, con sẽ nghĩ như vậy. Ở đây, bạch Thiện Thệ, con sẽ nghĩ như vậy.

11) - Nhưng nếu những người xứ Sunāparanta, này Punna, lại đánh đập ông bằng kiếm, thời ở đây, này Punna, ông sẽ nghĩ thế nào?

- Nếu những người xứ Sunāparanta, bạch Thế Tôn, đánh đập con với cây kiếm, thời ở đây, con sẽ suy nghĩ: "Thật là hiền thiện, những người xứ Sunāparanta này! Thật là khéo hiền thiện, những người xứ Sunāparanta này! Vì những người này không đoạn mạng ta với cây kiếm sắc bén." Ở đây, bạch Thế Tôn, con sẽ nghĩ như vậy. Ở đây, bạch Thiện Thệ, con sẽ nghĩ như vậy.

12) - Nhưng nếu những người xứ Sunāparanta, này Punna, sẽ đoạn mạng ông với lưỡi kiếm sắc bén, thời ở đây, này Punna, ông sẽ nghĩ như thế nào?

- Nếu những người xứ Sunāparanta, bạch Thế Tôn, sẽ đoạn mạng con với lưỡi kiếm sắc bén, thời ở đây, con sẽ suy nghĩ: "Có những đệ tử của Thế Tôn, khi phiền não, tủi hổ và ghê tởm bởi thân và sinh mạng, đã sử dụng đến con dao. Nay dầu không tìm đến ta vẫn được sử dụng con dao." Ở đây, bạch Thế Tôn, con sẽ nghĩ như vậy. Ở đây, bạch Thiện Thệ, con sẽ nghĩ như vậy.

13) - Lành thay, lành thay, này Punna! Đầy đủ với sự an tịnh tự điều này, ông có thể sống tại quốc độ

Sunāparanta. Này Punna, nay ông hãy làm những gì ông nghĩ là hợp thời.

14) Rồi tôn giả Punna hoan hỷ, tín thọ lời Thế Tôn dạy, từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ Thế Tôn, thân phía hữu hướng về ngài, dọn dẹp sàng tọa, cầm y bát, rồi bộ hành đi đến xứ Sunāparanta. Ngài tuần tự bộ hành và đến xứ Sunāparanta. Tại đây, tôn giả Punna trú tại xứ Sunāparanta.

15) Và trong mùa mưa ấy, tôn giả Punna độ cho khoảng năm trăm cư sĩ. Cũng trong mùa mưa ấy, tôn giả chứng được ba minh. Và cũng trong mùa mưa ấy tôn giả Punna viên tịch.

16) Rồi nhiều Tỷ-kheo đi đến Thế Tôn...

17) Ngồi xuống một bên, các Tỷ-kheo ấy bạch Thế Tôn:

- Bạch Thế Tôn, thiện gia nam tử Punna, sau khi được Thế Tôn giáo giới một cách vắn tắt, đã mệnh chung. Sanh thú của vị ấy là gì? Đời sau của vị ấy thế nào?

- Bậc hiền trí, này các Tỷ-kheo, là thiện nam tử Punna, sở hành là đúng pháp và thuận pháp. Vị ấy không làm phiền não ta với những kiện tụng về pháp. Hoàn toàn tịch diệt, này các Tỷ-kheo, là thiện nam tử Punna.

Giảng:

Bên Pāli chúng ta thấy có những điểm sai biệt chút ít trên từ ngữ, ý căn bản không khác.

Đoạn 4 nói do hỷ tập khởi nên khổ tập khởi, đây chỉ cho khổ uẩn là gốc của luân hồi. Hán tạng nói người như vậy thì cách xa Niết-bàn.

Đoạn 5 nói do hỷ đoạn diệt nên khổ đoạn diệt, nghĩa là khi không hoan hỷ tán thán thì hỷ đoạn diệt, hỷ đoạn diệt thì khổ đoạn diệt, tức là Niết-bàn.

Nói về sự thô bạo hung dữ của dân xứ Thâu-lô-na (Sunāparanta), Pāli chia ra nhiều phần, Hán tạng tóm lại có bốn phần, ý chính không khác. Chỗ Pāli nói đánh bằng cục đất, nghe nhẹ quá; Hán tạng nói đánh bằng tay, chọi bằng đá nghe mạnh hơn. Nói về đệ tử Phật nhàm chán thân, Pāli có dùng thêm chữ phiền não, tải hổ, ý nhấn mạnh kết quả quán bất tịnh.

Đoạn 13 Pāli chỉ nói: *Ông có thể sống tại quốc độ Sunāparanta... ông hãy làm những gì ông nghĩ là hợp thời. Hán tạng*

nói rõ hơn là độ cho người chưa được độ, an cho người chưa được an, người chưa được Niết-bàn khiến cho được Niết-bàn.

Đối chiếu sự kiện khi ngài Phú-lâu-na đến giáo hóa xứ Thâu-lô-na, Pāli và Hán tạng đều nói trong mùa mưa ấy ngài độ năm trăm cư sĩ, chứng A-la-hán và viên tịch. Nhưng Hán tạng kể thêm trong mùa an cư đó ngài lập năm trăm tinh xá, e rằng không có lý. Làm sao cho kịp trong thời gian như vậy? Hai bên bổ túc ưu khuyết cho nhau.

Cuối cùng, Pāli có thêm phần các Tỳ-kheo hỏi Phật về đời sau của Punna, Phật xác nhận Punna hoàn toàn tịch diệt tức nhập Niết-bàn.

Đây là bài kinh về ngài Phú-lâu-na rất quen thuộc và thú vị. Trước tiên là pháp yếu tu tập vắn tắt mà Phật khẳng định là không tái sanh đời sau. Đó là sự

xả ly, không đắm nhiễm khi sáu căn tiếp xúc sáu trần. Chỉ cần thực hành như thế. Ngài Phú-lâu-na vâng theo lời chỉ dạy, đến xứ sở thô bạo hung dữ mà giáo hóa thành công, đạt được Niết-bàn an tịnh trong thời gian ngắn. Sự học hỏi và thực hành của ngài Phú-lâu-na là điều cần yếu tối quan trọng đối với chúng ta.

Giải và Đối chiếu Kinh Ca Ma (Hán tạng, kinh số 568) với Kinh Kamabhu (Pali tạng)

HÁN TẠNG

Chánh văn:

Tôi nghe như vầy: Một hôm, Phật ở tụ lạc Am-la trong rừng Am-la cùng chư thượng tọa Tỳ-kheo.

Khi ấy, có trưởng giả Chất-đa-la đến chỗ chư thượng tọa Tỳ-kheo, lễ chư thượng tọa rồi đi đến chỗ tôn giả Ca-ma (Kāmabhū) cúi đầu lễ dưới chân Tôn giả, lui ngồi một bên, bạch Tôn giả:

- Nói rằng hành, thế nào là hành?

Tôn giả Ca-ma đáp:

- Hành có ba thứ: thân hành, khẩu hành, ý hành.

- Thế nào là thân hành, khẩu hành, ý hành?

- Trưởng giả, hơi thở ra vào gọi là thân hành. Có giác có quán gọi là khẩu hành. Tưởng tư gọi là ý hành.

- Vì cớ sao hơi thở ra vào gọi là thân hành, có giác có quán gọi là khẩu hành, tưởng tư gọi là ý hành?

- Hơi thở ra vào là pháp của thân, y nơi thân, xúc chạm thân, y thân chuyển. Vì có giác có quán nên có nói năng. Tưởng tư là ý hành, vì y nơi tâm, thuộc về tâm, y tâm chuyển. Lại này Trưởng giả, giác quán đã phát ra lời nói, ấy gọi là khẩu hành, tưởng và tư là pháp số của tâm, y nơi tâm, thuộc

về tâm, ràng buộc nơi tâm, thế nên tưởng tư là ý hành.

Giảng:

Bài kinh này nói rõ ý nghĩa của Diệt tận định. Từ khi ứng dụng tu, được định, ở trong định, xuất định.

Đầu tiên cư sĩ Chất-đa-la hỏi tôn giả Ca-ma: *Thế nào là hành? Tôn giả Ca-ma đáp; Hành có ba thứ: thân hành, khẩu hành, ý hành.* Chữ hành này là hành của năm uẩn hoặc mười hai nhân duyên. Hành của mười hai nhân duyên là thân nghiệp, khẩu nghiệp, ý nghiệp, hành của năm uẩn là tư, suy nghĩ.

Chất-đa-la hỏi: *Thế nào là thân hành, khẩu hành, ý hành?*

Ca-ma đáp: *Hơi thở ra vào là thân hành, có giác có quán là khẩu hành, tưởng tư gọi là ý hành.*

Phân tích về thân hành, nếu hành này là nghiệp lành dữ, đó là nói về quả. Đây nói về nhân của thân hành, lâu nay chúng ta chưa biết. Tại sao hơi thở là nhân của thân hành? Thân hoạt động do có hơi thở, có hơi thở vô ra nên tim đập, phổi nở, máu lưu thông. Cũng như khi xe máy nổ, mọi bộ phận khác hoạt động theo. Hơi thở là chủ của mọi hoạt động, nên nói hơi thở là thân hành. Sao gọi là khẩu hành? Có giác có quán gọi là khẩu hành. Nghĩ xét (giác quán) là nhân của khẩu hành. Thế nào tưởng tư gọi là ý hành? Tưởng tư đều khởi lên từ tâm, thuộc về tâm, nên tưởng tư là nhân của ý hành.

Chất-đa-la hỏi thêm: *Vì sao hơi thở ra vào gọi là thân hành? Có giác có quán gọi là khẩu hành? Tưởng tư gọi là ý hành? Ca-ma đáp: Hơi thở ra vào là pháp của thân, y nơi thân, xúc chạm thân, y thân*

chuyển. Vì hơi thở chuyển động làm cho thân có động tác. Tất cả lời nói đều do suy nghĩ; trừ khi hoảng hốt la đại, nếu mở miệng nói cho mọi người nghe đều có nghĩ có xét. Vì vậy, giác quán là nhân của ngôn ngữ. Tưởng tư là ý hành vì y nơi tâm, thuộc về tâm, y tâm chuyển. Liên hệ giữa thân, miệng, ý rất chặt chẽ, tưởng tư nằm ngầm bên trong, điều khiển tất cả suy nghĩ, từ suy nghĩ phát ra lời nói và hành động. Hỏi về thân hành, khẩu hành, ý hành, thấy dường như không quan trọng, nhưng đó là đầu mối từ thô đến tế để mở màn cho vấn đề nhập định.

Chánh văn:

Lại hỏi Tôn giả:

- Có mấy pháp?

Nếu khi người xả thân

Khiêng bỏ ngoài nghĩa địa

Thân kia nằm dưới đất

Như cây, đá không tâm?

Đáp:

Thọ, noãn và thần thức

Thân kia nằm nghĩa địa

Xả thân thì cùng xả

Như cây, đá không tâm.

Lại hỏi tôn giả:

- Người chết và người nhập Diệt tận định có khác nhau chăng?

Giảng:

Chúng ta nghe nói người nhập Diệt tận định giống như người chết. Chết là xả bỏ cảm thọ, hơi ấm và thần thức, còn người nhập Diệt tận định thì thế nào?

Chánh văn:

Đáp: - Xả thọ, noãn, các căn đều hư hoại, thân mạng chia lìa, ấy gọi là chết. Diệt tận định là thân, khẩu, ý hành diệt, không xả thọ mạng, không lìa noãn, các căn không hoại, thân mạng chung hợp. Đó là tướng sai biệt giữa người chết và người nhập Diệt tận định.

Giảng:

Diệt tận định là ngừng nghỉ tất cả hoạt động của thân khẩu ý, không xả bỏ thọ mạng, các căn không hoại, thức lưu chú hoạt động vi tế. Khi cần thiết xả định thì hoạt động như thường, còn người chết không sống lại được. Đó là sự khác nhau giữa người chết và người nhập Diệt tận định.

Chánh văn:

Lại hỏi: - Thế nào là nhập Diệt tận định?

Đáp: - Nhập Diệt tận định, không nói ta nhập Diệt tận định, ta phải nhập Diệt tận định, nhưng trước làm phương tiện lần dứt như thế, như phương tiện trước hướng nhập chánh định.

Giảng:

Chỗ này nếu không tu rất khó giải thích. Nhập Diệt tận định, không nói ta nhập Diệt tận định mà cứ dùng phương tiện như trước rồi dần dần nhập chánh định. Khi ngồi thiền, chúng ta ngồi đàng hoàng, điều thân xong rồi nói nhập định, như vậy có nhập định không? Còn nói tức là không nhập định. Cứ từ từ kiểm điểm,

làm chủ thân tâm dần dần được yên tĩnh, đó là định.

Chánh văn:

Lại hỏi: - Khi nhập Diệt tận định, trước diệt pháp nào? Là thân hành, là khẩu hành, là ý hành?

Đáp: - Người nhập Diệt tận định trước diệt khẩu hành, thứ diệt thân hành, kế diệt ý hành.

Giảng:

Người nhập Diệt tận định trước tiên dứt khẩu hành. Lẽ ra dứt thân hành trước, nhưng sự thật đúng như vậy. Đầu tiên là ngưng giác quán (gốc của khẩu hành) kế đến hơi thở thô nhẹ dần dần rồi lặng dứt hơi thở (dứt thân hành), sau cùng dứt các tưởng thầm thầm (dứt ý hành). Người ngồi thiền nghe hơi thở nhẹ nhàng, mới biết rõ chỗ này. Giác quán là nghĩ xét thô

khiến phát ra ngôn ngữ. Dừng giác quán thì hơi thở nhẹ, tâm định hơi thở mới yên, hơi thở nhẹ dần đến khi ngưng bặt, lúc đó tưởng và tư dứt sau cùng. Tưởng tư dứt hoàn toàn thì nhập Diệt tận định.

Chúng ta ngồi yên một chút thì hơi thở rất nhẹ. Khoa học nói rằng, người ta còn thở là còn sống, ngừng thở thì chết. Nhưng đây không thở mà không chết mới là đặc biệt. Khoa học chỉ khám phá đến một giới hạn nào thôi, không thể hiểu trạng thái người nhập định. Người tu đến đó không còn hơi thở, nhưng còn hơi ấm là còn mạng sống. Chỗ này chúng ta có thể hiểu được, khi ngồi tâm an thân khỏe thì hơi thở rất nhẹ... Đó là dấu hiệu đi tới Diệt tận định. Chúng ta chỉ tới chỗ yên yên thì xả, không đi tới dứt hơi thở nên chưa dứt tưởng tư trong ý hành. Người ngồi thiền lâu, tâm suy nghĩ lăn tăn mới lặng, lúc đó

còn hơi thở ra vô. Lâu dần hơi thở lặng mới thật tịnh, tịnh hoàn toàn mới dứt được tưởng và tư, chưa dứt hơi thở thì tưởng tư chưa dứt. Như vậy người nhập Diệt tận định là khéo dứt khẩu hành, thân hành, cuối cùng là ý hành. Khéo dứt rất tế nhị mới được kết quả.

Chánh văn:

Lại hỏi: - Thế nào là xuất Diệt tận định?

Đáp: - Người xuất Diệt tận định cũng không nghĩ nói ta nay xuất chánh định, ta phải xuất chánh định, nhưng trước tâm đã làm phương tiện, như tâm trước kia mà khởi.

Giảng:

Khi ngồi thiền, lúc gần xả chúng ta cũng không nói "ta xả thiền", chỉ khởi niệm rồi từ từ theo những phương tiện

trước mà xả. Xuất Diệt tận định cũng vậy, từ tâm khởi nghĩ phương tiện xuất định.

Chánh văn:

Lại hỏi: - Khi khởi Diệt tận định, pháp nào khởi trước, là thân hành, là khẩu hành, là ý hành?

Đáp: - Người từ Diệt tận định khởi, ý hành khởi trước, kế thân hành, sau cùng khẩu hành.

Giảng:

Khi nhập định thì từ khẩu hành, kế thân hành rồi tới ý hành, xả định thì từ ý hành xả trước, kế đến thân hành, sau cùng đến khẩu hành. Tại sao? Vì khi nhập Diệt tận định thì thân tâm yên lặng hoàn toàn, khi trong tâm có những niệm tưởng vi tế dấy lên mới từ từ có hơi thở, thở từ từ mới khởi nghĩ suy. Ở trong định thì bặt dứt**,** muốn xuất định phải từ tế ra thô.

Chánh văn:

Lại hỏi: - Người nhập Diệt tận định thế nào là theo chiều, chuyên chú, đạt đến?

Đáp: - Người nhập chánh định theo chiều ly, chuyên chú ly, đạt đến ly; theo chiều xuất, chuyên chú xuất, đạt đến xuất; theo chiều Niết-bàn, đạt đến Niết-bàn.

Giảng:

Chúng ta nhập định tuy không phải Diệt tận định cũng theo chiều này. Một là ly, hai là xuất, ba là Niết-bàn. Vọng tưởng đến không theo, đó là ly. Ra khỏi những tập khí thông thường thói quen cũ, đó là theo chiều xuất. Được thanh tịnh lặng lẽ là theo chiều Niết-bàn.

Chánh văn:

Lại hỏi: - Khi trụ Diệt tận định là xúc mấy thứ xúc?

Đáp: - Xúc bất động, xúc vô tướng, xúc vô sở hữu.

Giảng:

Khi an trụ trong Diệt tận định có những cái xúc: Xúc bất động là hoàn toàn tâm yên. Xúc vô tướng là tâm không có tướng mạo. Xúc vô sở hữu là tâm rỗng không thênh thang.

Chánh văn:

Lại hỏi: - Khi nhập Diệt tận định phải làm mấy pháp?

Đáp: - Việc này nên hỏi trước, sao nay mới hỏi, song tôi sẽ vì ông nói. Tỳ-kheo khi nhập Diệt tận định phải làm hai pháp: chỉ và quán.

Bấy giờ, trưởng giả Chất-đa-la nghe tôn giả Ca-ma nói, hoan hỷ tùy hỷ, làm lễ rồi đi.

Giảng:

Do hai pháp chỉ quán rồi dần dần tới Diệt tận định. Chỉ là định, quán là tuệ, đó là phương tiện để nhập Diệt tận định.

Bài kinh này giúp chúng ta thấy rõ ràng từng bước trong việc tọa thiền. Muốn được tâm yên định, trước tiên phải dứt những tiếng nói thầm trong đầu. Ở đây gọi là dứt khẩu hành. Vọng tưởng cũng chính là cái lăng xăng suy xét, tuy không phát ra tiếng nhưng luôn luôn có sự vận động thôi thúc ở trong. Vì thế tu thiền *biết vọng không theo* chính là để tâm dễ an định. Khi ngừng dứt khẩu hành thì thân hành mới nhẹ nhàng, hơi thở từ thô đến tế, đến chỗ không còn cảm thấy có hơi thở, như vậy ngồi như không ngồi. Khi dứt hơi

thở, các niệm lăn tăn nhỏ nhiệm cũng lặng, lúc đó vào Diệt tận định. Biết phương pháp, biết thứ tự, chúng ta tăng trưởng niềm tin, không sợ tu lạc. Học hiểu để tu rất quan trọng, nếu không thì tu mù mờ, không biết trạng thái của mình đến đâu, cũng không biết cách chỉ dạy cho người, đó là tai họa.

PĀLI TẠNG

Chánh văn:

1) Một thời tôn giả Kamabhū trú tại Macchi kasanda, tại rừng Ambataka.

2) Rồi gia chủ Citta đi đến tôn giả Kāmabhū, sau khi đến đảnh lễ tôn giả Kāmabhū rồi ngồi xuống một bên.

3) Ngồi xuống một bên, gia chủ Citta thưa tôn giả Kamabhù:

- Bạch Thượng tọa, có bao nhiêu hành tất cả?

- Này gia chủ, có ba hành: thân hành, khẩu hành, và ý hành.

- Lành thay, bạch Thượng tọa.

Gia chủ Citta hoan hỷ tín thọ lời tôn giả Kāmabhū nói, rồi hỏi thêm tôn giả Kāmabhū một câu nữa.

4) - Bạch Thượng tọa, thế nào là thân hành? Thế nào là khẩu hành? Thế nào là ý hành?

Hơi thở vô, hơi thở ra, này gia chủ, là thân hành. Tầm và tứ là khẩu hành. Tưởng và thọ là ý hành.

- Lành thay, bạch Thượng tọa.

Gia chủ Citta hoan hỷ tín thọ lời tôn giả Kamabhū nói... Hỏi thêm câu hỏi nữa.

5) - Vì sao, bạch Thượng tọa, thở vô thở ra là thân hành? Vì sao tầm và tứ là khẩu hành? Vì sao tưởng và thọ là ý hành? Bạch Thượng tọa, pháp nào khởi lên trước, thân hành hay khẩu hành hay ý hành?

Thở vô thở ra, này gia chủ, thuộc về thân. Các pháp này liên hệ đến thân, do vậy thở vô thở ra là thân hành. Trước phải tầm cầu, tư sát, này cư sĩ, sau mới phát lời nói; do vậy, tầm và tứ là khẩu hành. Tưởng và thọ thuộc về ý, những pháp này liên hệ với ý, do vậy, tưởng và thọ là ý hành.

Lành thay, bạch Thượng tọa.

... Hỏi thêm câu hỏi nữa.

6) - Như thế nào, bạch Thượng tọa, là chứng đạt Diệt thọ tưởng định?

- Này cư sĩ, Tỷ-kheo chứng đạt Diệt thọ tưởng định không có nghĩ rằng "Tôi sẽ chứng đạt Diệt thọ tưởng định" hay "Tôi đang chứng đạt Diệt thọ tưởng định" hay "Tôi đã chứng đạt Diệt thọ tưởng định." Do tâm vị ấy trước được tu tập như vậy, nên đưa đến thành tựu như thật như vậy.

- Lành thay... Hỏi thêm câu hỏi nữa.

7) - Tỷ-kheo chứng đạt Diệt thọ tưởng định, bạch Thượng tọa, những pháp nào được đoạn diệt trước, thân hành, hay khẩu hành, hay ý hành?

- Tỷ-kheo chứng đạt Diệt thọ tưởng định, này gia chủ, khẩu hành được diệt trước, thứ đến thân hành, rồi đến ý hành.

- Lành thay... Hỏi thêm câu hỏi nữa.

8) - Bạch Thượng tọa, người đã chết, đã mệnh chung, và Tỷ-kheo chứng đạt Diệt thọ tưởng định, giữa những người này có những sai khác gì?

- Đối với người đã chết, đã mệnh chung, này gia chủ, thân hành người ấy được đoạn diệt, được khinh an, khẩu hành được đoạn diệt, được khinh an, ý hành được đoạn diệt, được khinh an, thọ mạng được đoạn tận, sức nóng được tịnh chỉ, các căn bị hủy hoại. Còn Tỷ-kheo đã chứng đạt Diệt thọ tưởng định, này gia chủ, thân hành được đoạn diệt, khinh an; khẩu hành được đoạn diệt, khinh an; ý hành được đoạn diệt, được khinh an;

thọ mạng không bị đoạn tận; sức nóng không bị tịnh chỉ; các căn được trong sáng. Này gia chủ, người đã chết, đã mệnh chung và Tỷ-kheo chứng đạt Diệt thọ tưởng định, giữa những người này có những sai khác như vậy.

- Lành thay... Hỏi thêm câu hỏi nữa.

9) - Như thế nào, bạch Thượng tọa, là ra khỏi Diệt thọ tưởng định?

- Này gia chủ, Tỷ-kheo ra khỏi Diệt thọ tưởng định không có suy nghĩ "Tôi sẽ ra khỏi Diệt thọ tưởng định" hay "Tôi đang ra khỏi Diệt thọ tưởng định" hay "Tôi đã ra khỏi Diệt thọ tưởng định". Do tâm vị ấy trước được tu tập như vậy nên đưa đến thành tựu như thật như vậy.

- Lành thay... Hỏi thêm câu hỏi nữa.

10) - Tỷ-kheo ra khỏi Diệt thọ tưởng định, bạch Thượng tọa, pháp nào khởi lên trước, thân hành hay khẩu hành hay ý hành?

- Tỷ-kheo ra khỏi Diệt thọ tưởng định, này gia chủ, ý hành khởi lên trước, rồi đến thân hành, rồi đến khẩu hành.

- Lành thay, bạch Thượng tọa.

... Hỏi thêm câu hỏi nữa.

11) - Tỷ-kheo ra khỏi Diệt thọ tưởng định, bạch Thượng tọa, cảm giác được bao nhiêu xúc?

- Tỷ-kheo ra khỏi Diệt thọ tưởng định, cảm thọ được ba xúc: không xúc, vô tướng xúc, vô nguyện xúc.

- Lành thay, bạch Thượng tọa.

Gia chủ Citta hoan hỷ tín thọ... và hỏi thêm câu hỏi nữa.

12) - Tỷ-kheo ra khỏi Diệt thọ tưởng định, bạch Thượng tọa, tâm thiên về đâu, hướng về đâu, tâm nghiêng về đâu?

- Tỷ-kheo ra khỏi Diệt thọ tưởng định, này gia chủ, tâm vị ấy thiên về viễn ly, hướng về viễn ly, nghiêng về viễn ly.

- Lành thay, bạch Thượng tọa.

Gia chủ Citta hoan hỷ tín thọ lời tôn giả Kāmabhū nói rồi hỏi thêm câu hỏi nữa.

13) - Bạch Thượng tọa, có bao nhiêu pháp giúp đỡ nhiều cho sự chứng đắc Diệt thọ tưởng định?

- Thực sự, này gia chủ, điều gia chủ cần phải hỏi trước, gia chủ lại hỏi sau. Tuy vậy, ta sẽ trả lời cho gia chủ. Này gia chủ, có hai pháp giúp đỡ rất nhiều cho Diệt thọ tưởng định, được chứng đắc, đó là chỉ và quán.

Giảng:

Đối chiếu hai bản kinh, chúng ta thấy có một vài điểm sai biệt.

Đoạn 4, Hán tạng nói giác quán thuộc khẩu hành, Pali nói tầm tứ là khẩu hành; danh từ khác nhưng ý nghĩa không khác. Giác quán hay tầm tứ đều là tìm tòi xét nét, tìm xét là tâm thô, từ đó mới có nói năng. Phần ý hành, Hán tạng nói tưởng và tư, Pāli nói tưởng và thọ thì hơi nghịch lý. Thường thì thọ trước rồi tưởng sau, sáu căn tiếp xúc sáu trần sanh thọ, ở đây người nhập định sáu căn dừng đóng thì

không có thọ. Nên Hán tạng nói tưởng tư hợp lý hơn.

Đoạn 8, Pāli dùng từ hơi đặc biệt, chúng ta lưu ý. *Đối với người đã chết.. thân hành người ấy được đoạn diệt, được khinh an, khẩu hành được đoạn diệt, được khinh an, ý hành...* So sánh với người nhập Diệt tận định thì thân ngữ ý cũng được khinh an, nhưng *thọ mạng không đoạn tận, sức nóng không bị tịnh chỉ, các căn được trong sáng.* Chỉ khác chỗ đó thôi.

Đoạn 11, Pāli, hỏi *Tỷ-kheo ra khỏi định, cảm giác được bao nhiêu xúc?* Ra khỏi rồi thì xúc được tự do; Hán tạng hỏi trụ trong định, cảm giác bao nhiêu xúc hợp lý hơn. Đoạn 12: *Tỷ-kheo ra khỏi Diệt thọ tưởng định, tâm hướng về đâu?* Chữ ra khỏi này cũng không hợp lý. Để thấy bên Pāli có những chữ vì lầm lộn nên khó giải thích.

Như vậy đọc cả hai bản kinh, mỗi bên đều có ưu khuyết, đọc một bên nhiều khi lúng túng khó hiểu.

Bản kinh này rất hệ trọng trong việc tu, qua lời vấn đáp của tôn giả Ca-ma với trưởng giả Chất-đa-la. Các câu trả lời của Tôn giả đúng với lời Phật dạy, là trọng tâm cốt yếu của người muốn nhập định. Chúng ta nương theo đây biết cách hướng dẫn khẩu hành, thân hành, ý hành của mình. Nếu tu không rành rẽ, khi nhập định bị các thứ tưởng mê hoặc dễ bị lầm lạc kinh hoảng. Khi biết rõ rồi tu mới an ổn thanh tịnh, hướng dẫn người không sợ sai. Nếu mình tu lầm thì dẫn người tu lầm, cả nhóm lạc trong đường tà. Đó là chỗ tôi thấy cần giản trạch thấu đáo, chúng ta phải thuộc kỹ bài kinh này.

Giải và Đối chiếu Kinh Giác Chi (Hán tạng, kinh số 711) với Kinh Vô Úy (Pali tạng)

HÁN TẠNG

Chánh văn:

Tôi nghe như vầy: Một hôm Phật ở thành Vương Xá trong núi Kỳ-xà-quật (Grdhrakuta).

Khi ấy, có vương tử Vô Úy mỗi ngày thong thả dạo chơi đi đến chỗ Phật, cùng Thế Tôn thăm hỏi, ủy lạo rồi lui ngồi một bên bạch Phật:

Thế Tôn, có Sa-môn, Bà-la-môn khởi kiến chấp thế này, nói thế này: Chúng sanh phiền não không có nhân, không có duyên, chúng sanh thanh tịnh không có nhân,

không có duyên. Thế Tôn nói thế nào?

Phật bảo Vô Úy:

Sa-môn, Bà-la-môn kia nói thế là không có suy nghĩ, ngu si không khéo biện biệt, không biết xét, không biết lượng, nên nói chúng sanh phiền não không nhân, không duyên, chúng sanh thanh tịnh không nhân, không duyên.

Giảng:

Giác là tỉnh giác, chi là chi phần. Thất giác chi hay thất bồ-đề phần là bảy chi phần giác ngộ. Chúng ta chỉ thuộc tên, chưa nắm vững việc giản trạch để tu.

Bài kinh này giải thích rõ từng phần giác chi.

Đầu tiên, vương tử Vô Úy bạch Phật rằng, có một số Sa-môn, Bà-la-môn khởi kiến chấp chúng sanh phiền não không có nhân không có duyên, thanh tịnh cũng không có nhân không có duyên, xin Phật chỉ dạy.

Nói phiền não hay thanh tịnh không nhân không duyên là không khéo biện biệt, không biết xét nghĩ đến nơi đến chốn. Như nói sao bỗng dưng tôi buồn quá. Hoặc nói hôm nay sao tự nhiên tôi bực bội quá. Đó là lối nói không nhân không duyên. Lối nói vô cớ vô lý như vậy thế gian thường hay nói, khi gặp được việc tốt lành thì nói may quá, tôi gặp việc tốt. Khi gặp điều xấu thì nói rủi quá, tôi gặp chuyện đau khổ. Cái may rủi không có nhân duyên, giống như những lối chấp này. Đối với Phật là ngu si, là không đúng lẽ thật. Lẽ thật là cái gì cũng có nhân duyên, hoặc rõ

ràng cụ thể, hoặc hơi yếu ớt khó hiểu, nên tưởng là không có. Ngoại đạo nói chúng sanh phiền não không nhân không duyên, chúng sanh thanh tịnh không nhân không duyên, như vậy dấy phiền não tạo tội cũng không có nhân duyên, hoặc tu hành thanh tịnh cũng không có nhân duyên gì.

Chánh văn:

Vì cớ sao? Vì có nhân, có duyên làm chúng sanh phiền não, có nhân, có duyên làm chúng sanh thanh tịnh. Nhân duyên gì làm chúng sanh phiền não? Nhân duyên gì làm chúng sanh thanh tịnh? Chúng sanh do tham dục tràn trề nên tài vật của người, đồ đạc của người mà khởi tham nói: "Vật này là của ta", yêu thích không xa lìa.

Đối với chúng sanh khác khởi tâm hung hăng, giận dữ, tính toán muốn

đánh, muốn trói, muốn đè bẹp, thêm những việc vô đạo tạo các tai nạn không xả, giận tức.

Thân ngủ mê tâm lười biếng, tâm xao động, tâm không yên lặng, tâm thường nghi hoặc, nghi quá khứ, nghi vị lai, nghi hiện tại.

Giảng:

Nhân duyên làm chúng sanh phiền não là tham, sân, thùy miên, trạo hối, nghi hoặc. Năm thứ này che đậy khiến chúng sanh không tỉnh thức. Khi ham ngủ nhiều quá có phải là cái nhân của phiền não không? Thí dụ trong chúng, ba giờ khuya thức dậy, nếu người bị ma ngủ che mờ thì sáng dậy thấy người này người kia liền sanh hổ thẹn, đó là nhân phiền não. Hoặc bị người khác châm biếm, đó

cũng là nhân phiền não vì mình đã tham mê ngủ nghỉ.

Chánh văn

Vô Úy, nhân duyên như thế làm chúng sanh phiền não.

Vô Úy bạch Phật:

- Cù-đàm, chỉ một phần che đậy cũng đủ làm tâm phiền não, huống là đủ tất cả.

Vô Úy bạch Phật:

Cù-đàm, nhân duyên gì làm chúng sanh thanh tịnh?

Phật bảo:

- Vô Úy, nếu Bà-la-môn có một thắng niệm quyết định thành tựu, thực hành thời gian lâu, nói thời gian lâu, hay nhớ nghĩ mãi, chính khi đó

nên tập Niệm giác chi, tu Niệm giác rồi, Niệm giác đầy đủ rồi...

Giảng:

Nhân duyên làm chúng sanh thanh tịnh là thất giác chi. Đây là phương pháp quan trọng, khi chúng ta tu tập thiền định phải biết rõ. Bắt đầu là Niệm giác chi. Niệm là nhớ nghĩ, nhớ luôn trong thời gian lâu không quên lãng. Như người niệm Phật nhớ một danh hiệu Phật ôn tới ôn lui không rời, hoặc người tu quán sổ tức nhớ đếm hơi thở không quên, người tu quán bất tịnh nhớ thân này ô uế bất tịnh... Tất cả pháp tu muốn thành tựu đều phải ghi nhớ, thực hành mãi mãi cho thuần thục.

Chúng ta tu thiền biết vọng, phải luôn tỉnh nhớ mình có vọng niệm hay không. Lúc nào cũng phải nhớ, nếu quên chạy theo vọng đó là thất niệm. Ngồi rình ăn

trộm nếu không chăm chú nhớ mà ngó trời ngó mây thì ăn trộm vô nhà lúc nào không biết. Thấy biết vọng tưởng để buông, luôn luôn ghi nhớ như vậy, đó là Niệm giác chi. Có nhớ mới thấy vọng, đôi khi nghe nói không vọng, tưởng rằng không niệm, thật sự nếu không niệm thì không biết gì. Trong kinh cũng có nói "niệm chân như", chân như có gì mà niệm? Nhưng chân như hiện tiền thì không có niệm khác chen vào. Đó là một lối nói theo phương tiện. Giản trạch như vậy thì lối tu nào cũng có niệm. Nếu thất niệm thì tâm rong chơi, tâm lỏng lẻo, không còn chánh niệm. Niệm chính là tỉnh là giác. Nhớ hơi thở là giác, niệm thân bất tịnh là giác, thấy vọng tưởng cũng là giác không mê.

Chánh văn:

Thì tuyển trạch, phân biệt, tư duy; khi ấy tu tập Trạch pháp giác chi, tu

Trạch pháp giác chi rồi, Trạch pháp giác chi đầy đủ, kia tuyển trạch, tư lương, phân biệt pháp rồi...

Giảng:

Tuyển trạch phân biệt là trạch pháp. Người tu thiền nếu không có trạch pháp, dễ lạc trong đường tà. Như đang ứng dụng đếm hơi thở, sực nhớ một câu kinh hay quá, nếu ôn câu kinh thì quên đếm hơi thở. Nhớ câu kinh là pháp đúng hay nhớ hơi thở là pháp đúng? Khi đó phải chọn lựa, nếu không chọn lựa thì bị pháp khác dẫn đi lầm lẫn. Người đang ngồi thiền tri vọng, sực nhớ pháp quán bất tịnh không chừng hay hơn. Đang ứng dụng pháp này mà nhớ pháp kia, cứ thay đổi mãi không có pháp nào là chủ. Phải biết trạch pháp, chọn lựa cái nào dùng và cái nào không dùng, không để pháp khác chen vô khi đang ứng dụng pháp mình tu, vì pháp Phật đều như

nhau. Nếu không khéo dễ bị lầm, rốt cuộc không đi tới đâu.

Chánh văn:

... tinh tấn phương tiện, tu tập Tinh tấn giác chi, tu tập Tinh tấn giác chi rồi, Tinh tấn giác chi đầy đủ...

Giảng:

Sau Trạch pháp giác chi là Tinh tấn giác chi. Chỉ có duy nhất một pháp đã chọn thì phải cố gắng nỗ lực để tu.

Chánh văn:

kia tinh tấn phương tiện rồi thì sanh hoan hỷ, lìa các thực tưởng, tu Hỷ giác chi, tu Hỷ giác chi rồi, Hỷ giác chi đầy đủ...

Giảng:

Khi cố gắng tu được thuần thục, lúc ấy có cảm giác nhẹ nhàng an vui, đó là hoan

hỷ. Khi hoan hỷ rồi, lìa các thực tưởng (tưởng ăn), mắt ăn sắc trần, tại ăn thanh trần... tức là lìa cả sáu trần hay lìa cả ngũ dục. Chỉ còn sự hoan hỷ trong thiền định, các thứ tưởng về ngũ dục không còn.

Chánh văn:

... Hỷ giác chi đầy đủ rồi, thân tâm khinh an.

Giảng:

Chúng ta ngồi thiền chuyên chú được cảm giác vui vẻ thân tâm nhẹ nhàng lâng lâng. Hỷ, khinh an đều nằm trong trạng thái của thiền.

Chánh văn:

... Tu Khinh an giác chi. Tu Khinh an giác chi rồi, Khinh an giác chi đầy đủ, thân khinh an rồi thì ái lạc, ái lạc rồi tâm định. Tu Định giác chi rồi...

Giảng:

Được định là nhờ ái lạc, nếu ứng dụng pháp tu mà bực bội khó chịu thì định được không? Khi tu cảm thấy nhẹ nhàng khinh an, có cảm giác ưa thích lâu dần sẽ vào định. Khinh an là trạng thái sắp vào định.

Chánh văn:

Định giác chi đầy đủ, Định giác chi đầy đủ rồi thì tham ái diệt, xả tâm sanh. Tu Xả giác chi. Tu Xả giác chi rồi, Xả giác chi đầy đủ.

Giảng:

Tâm định rồi thì không còn tham ái, ngay đó dừng lặng, cho nên được Định giác chi rồi thì tham ái diệt. Tham ái diệt thì phát sanh tâm buông xả. Giác chi cuối cùng là Xả giác chi. Do tâm an định nên mọi cái bên ngoài không còn vướng bận. Đó là xả từ định mà sanh.

Thất giác chi này là pháp tu từ khi bắt đầu vào thiền cho đến cuối cùng. Phải có bảy pháp này mới tiến đến chỗ viên mãn. Tu thiền mà trước tiên không có Niệm giác chi, không ghi nhớ pháp gì, để tâm trống không, không thể tiến thêm các bước sau. Để tâm trống không thì suy nghĩ lan man nhớ cái này cái kia, đó là không có Trạch pháp giác chi. Vì vậy phải tu tập từng phần cho đến khi được khinh an, định và xả. Bắt đầu ngồi thiền phải tỉnh nhớ theo dõi vọng tưởng như ông chủ nhìn chừng ăn trộm. Muốn thực hành thất giác chi phải tu tập tọa thiền, nếu không thì khó hiểu rõ ý nghĩa.

Chánh văn:

Như thế, Vô Úy, nhân duyên như thế làm chúng sanh thanh tịnh.

Vô Úy bạch:

- Cù-đàm! Nếu một phần đầy đủ cũng khiến chúng sanh thanh tịnh, huống là đầy đủ tất cả.

Giảng:

Trong bảy phần mà có được một Niệm giác chi cũng là tốt rồi, huống là đầy đủ tất cả. Bảy giác chi này là nhân duyên làm chúng sanh thanh tịnh.

Chánh văn:

Vô Úy bạch:

- Cù-đàm, kinh này tên gì? Làm sao phụng trì?

Phật bảo Vô Úy: - Kinh này tên Giác Chi.

Vô Úy bạch Phật:

- Cù-đàm, đây là giác phần tối thắng. Cù-đàm, tôi là vương tử đã an lạc lại cầu an lạc nên mong ra vào.

Nay leo lên núi này tứ chi mệt mỏi, nghe Cù-đàm nói kinh Giác Chi liền được quên mệt.

Phật nói kinh này rồi, vương tử Vô Úy nghe Phật nói hoan hỷ, tùy hỷ cúi đầu lễ dưới chân Phật rồi đi.

Giảng:

Làm vương tử sung sướng rồi lại học đạo, học đạo rồi lại sung sướng hơn. Chúng ta không phải là vương tử, học đạo rồi cũng được một phần an lạc.

PĀLI TẠNG

Chánh văn:

1) Như vầy tôi nghe. Một thời Thế Tôn trú ở Rājagaha (Vương Xá), tại núi Linh Thứu.

2) Rồi hoàng tử Abhaya đi đến Thế Tôn, sau khi đến, đảnh lễ Thế

Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi một bên, hoàng tử Abhaya bạch Thế Tôn:

3) - Bạch Thế Tôn, Pūrana Kassapa nói như sau: "Không có nhân, không có duyên để không biết, không thấy. Không biết, không thấy không có nhân, không có duyên. Không có nhân, không có duyên để biết, để thấy, Biết và thấy không có nhân, không có duyên," Ở đây, Thế Tôn đã nói như thế nào?

Giảng:

Mở đầu kinh này, bên Pāli hơi khác với Hán tạng. Hoàng tử Vô Úy dẫn chứng câu nói của một ngoại đạo, cho rằng *không có nhân, không có duyên để không biết, không thấy... không có nhân, không có duyên để biết, để thấy...* Đó là lối phủ định

nhân duyên, nhân quả. Ông xin Phật chỉ dạy.

Chánh văn:

4) - Này Hoàng tử, có nhân, có duyên để không biết, để không thấy. Không biết, không thấy có nhân, có duyên. Này Hoàng tử, có nhân, có duyên để biết, để thấy. Biết và thấy có nhân, có duyên.

5) - Do nhân nào, do duyên nào, bạch Thế Tôn, để không biết, để không thấy? Như thế nào không biết, không thấy có nhân, có duyên?

6) - Này Hoàng tử, khi nào trú với tâm bị dục tham xâm chiếm, bị dục tham chi phối và như thật không biết, không thấy sự xuất ly khỏi dục và tham đã sanh; đây là nhân, đây là duyên, này Hoàng tử, để không biết,

để không thấy. Như vậy, không biết, không thấy có nhân, có duyên.

7) - Lại nữa, này Hoàng tử, khi nào trú với tâm bị sân xâm chiếm, bị sân chi phối...

8) - Lại nữa, này Hoàng tử, khi nào trú với tâm bị hôn trầm thụy miên xâm chiếm, bị hôn trầm thụy miên chi phối...

9) - Lại nữa, này Hoàng tử, khi nào trú với tâm bị trạo hối xâm chiếm, bị trạo hối chi phối...

10) - Lại nữa, này Hoàng tử, khi nào trú với tâm bị nghi hoặc xâm chiếm, bị nghi hoặc chi phối, và thật sự không biết, không thấy sự xuất ly khỏi nghi hoặc đã sanh; đây là nhân, đây là duyên, này Hoàng tử, để không

biết, không thấy. Như vậy, không biết, không thấy có nhân, có duyên.

11) - Bạch Thế Tôn, pháp môn này được gọi là gì?

- Này Hoàng tử, được gọi là các triền cái.

- Thật vậy, chúng là triền cái, bạch Thế Tôn. Thật vậy, chúng là triền cái, bạch Thiện Thệ. Chỉ bị chinh phục bởi một triền cái mà thôi, bạch Thế Tôn, cũng không có thể biết như thật, thấy như thật, còn nói gì bị cả năm triền cái chinh phục.

Giảng:

Pāli nói nhân duyên để không biết không thấy, Hán tạng nói nhân duyên để chúng sanh khởi phiền não. Bổ túc hai ý này, không biết không thấy là bị ngăn che,

vì bị ngăn che nên bị phiền não mà không biết trừ dẹp. Vì thế Pāli nói rõ về năm triền cái, Hán tạng chỉ nói lược.

Chánh văn:

12) Nhưng, bạch Thế Tôn, do nhân nào, do duyên nào để biết, để thấy? Như thế nào biết và thấy có nhân, có duyên?

13) - Ở đây, này Hoàng tử, Tỷ-kheo tu tập Niệm giác chi liên hệ đến viễn ly, liên hệ đến ly tham, liên hệ đến đoạn diệt, hướng đến từ bỏ. Vị ấy nhờ tâm được tu tập Niệm giác chi nên như thật biết và thấy. Đây là nhân, đây là duyên, này Hoàng tử, để biết, để thấy. Như vậy, biết và thấy có nhân, có duyên.

14-18) - Lại nữa, này Hoàng tử, Tỷ-kheo...

19) - Lại nữa, này Hoàng tử, Tỷ-kheo tu tập Xả giác chi liên hệ đến viễn ly, liên hệ đến ly tham, liên hệ đến đoạn diệt, hướng đến từ bỏ. Vị ấy nhờ tâm được tu tập Xả giác chi nên như thật biết và thấy. Đây là nhân, đây là duyên để biết, để thấy. Như vậy, thấy và biết có nhân, có duyên.

20) - Bạch Thế Tôn, pháp môn này được gọi là gì?

- Này Hoàng tử, được gọi là các giác chi.

- Thật vậy, chúng là giác chi, bạch Thế Tôn. Thật vậy, chúng là giác chi, bạch Thiện Thệ. Bạch Thế Tôn, chỉ được đầy đủ với một giác chi mà thôi đã có thể như thật thấy và biết, còn nói gì đầy đủ cả bảy giác chi.

Bạch Thế Tôn, sự mệt nhọc về thân và mệt nhọc về tâm khi con leo lên núi Linh Thứu đã được khinh an, nhẹ nhàng và pháp đã được con hoàn toàn chứng đắc.

Giảng:

Phần giải thích về thất giác chi, Pāli nói lược hơn Hán tạng, không nói chi tiết từng giác chi. Niệm giác chi, Pāli nói rõ nguyên nhân và kết quả. Tỷ-kheo tu tập Niệm giác chi liên hệ đến viễn ly, liên hệ đến ly tham, liên hệ đến đoạn diệt, hướng đến từ bỏ. Vị ấy nhờ tâm được tu tập Niệm giác chi nên như thật thấy và biết. Đến Xả giác chi cũng nói như vậy. Chúng ta thấy rõ từng phần tu tập giác chi đều có công dụng đoạn diệt, từ bỏ năm triền cái. Đó là nhân duyên để biết và thấy như thật.

Bài kinh này mỗi bên đều có ưu khuyết, đối chiếu hai bên bổ túc ý nghĩa đầy đủ rõ ràng. Chúng ta học hiểu được công dụng của thất giác chi.

Giải và Đối chiếu Kinh Thiền Và Thắng Trí (Hán tạng, kinh số 1142) với Kinh Thiền Và Thắng Trí (Pali tạng)

HÁN TẠNG

Bài kinh này tôi lấy tên Pāli đặt cho Hán tạng. Kinh này có gì quan trọng? Từ lâu chúng ta nghi ngại không biết tại sao Phật truyền tâm ấn cho ngài Ca-diếp, các kinh điển không thấy nói việc này, chỉ có nhà thiền đề cập. Bài kinh này có những điểm gợi ý chứng tỏ ngài Ca-diếp xứng đáng được Phật truyền riêng.

Chánh văn:

Tôi nghe như vầy: Một hôm Phật ở nước Xá-vệ, rừng cây Kỳ-đà, vườn ông Cấp Cô Độc.

Lúc đó tôn giả Ma-ha Ca-diếp đã ở lâu tại nước Xá-vệ chỗ sàng tòa vắng vẻ, râu tóc dài thượt, mặc chiếc y kép bằng vải rách đi đến chỗ Phật.

Lúc đó vây quanh Thế Tôn đại chúng đông vô số, Phật đang nói pháp. Chư Tỳ-kheo thấy Ma-ha Ca-diếp từ xa đi đến liền khởi tâm khinh mạn nói:

- Đây là Tỳ-kheo gì mà y phục xấu xa không có nghi dung, đi chậm rãi đến?

Giảng:

Ngài Ca-diếp tu hạnh đầu-đà nên nghi dung khắc khổ, y phục chắp vá. Khi ngài đến chỗ đức Phật liền bị các Tỳ-kheo khởi tâm khinh mạn chê bai.

Chánh văn:

Thế Tôn biết tâm niệm các Tỳ-kheo liền gọi Ma-ha Ca-diếp:

- Ca-diếp đến đây. Đây còn nửa tòa nhường ông. Ta đã biết ai xuất gia trước. Ông chăng? Ta chăng?

Giảng:

Đức Phật nhường Ca-diếp nửa tòa, như biểu hiện ngài và Ca-diếp tương đương. Chúng ta đọc tất cả các bài kinh nói về Xá-lợi-phất, Mục-kiền-liên, có vị nào được Phật mời ngồi nửa tòa không? Chỉ riêng có ngài Ca-diếp! Điều này chứng minh rằng Phật thấy Ca-diếp xứng đáng kế thừa cho ngài; hay nói cách khác là chia tòa thuyết pháp.

Chánh văn:

Các Tỳ-kheo kia tâm sanh kinh hãi, lông dựng ngược, cùng nói với nhau:

- Kỳ thay! Tôn giả. Tôn giả Ma-ha Ca-diếp kia đại đức, đại lực, Thế Tôn mời ngồi nửa tòa.

Tôn giả Ma-ha Ca-diếp chắp tay bạch Phật:

- Thế Tôn, Phật là thầy con, con là đệ tử.

Phật bảo Ca-diếp:

- Như thế, như thế, ta là thầy, ông là đệ tử, ông hãy tùy chỗ ngồi.

Giảng:

Phật đối với Ca-diếp như thế là để điều phục các Tỳ-kheo kiêu mạn. Tôn giả Ca-diếp biết thế nên khẳng định Phật là

thầy, mình là đệ tử, không dám nhận nửa tòa.

Chánh văn:

Tôn giả Ma-ha Ca-diếp cúi đầu lễ dưới chân Phật, lui ngồi một bên. Khi ấy Thế Tôn muốn tỉnh ngộ các Tỳ-kheo, lại do tôn giả Ma-ha Ca-diếp đồng được công đức thù thắng quảng đại với mình, vì chúng hiện tại nên bảo các Tỳ-kheo:

- Ta lìa dục pháp ác bất thiện, có giác, có quán, có trụ Sơ thiền cụ túc hoặc ngày hoặc đêm hoặc trọn ngày đêm. Ma-ha Ca-diếp cũng như ta, lìa dục pháp ác bất thiện, cho đến trụ Sơ thiền cụ túc hoặc ngày hoặc đêm, hoặc trọn ngày đêm. Ta muốn trụ đệ nhị, đệ tam, đệ tứ thiền cụ túc hoặc

ngày hoặc đêm hoặc trọn ngày đêm. Ma-ha Ca-diếp cũng lại như thế.

Giảng:

Phật nhân đây muốn dạy các Tỳ-kheo hãy tu tập như Ca-diếp, ý muốn các Tỳ-kheo đạt được công đức thù thắng. Ngài khen ngợi Ca-diếp trụ trong bốn tầng thiền, tùy muốn liền trụ, y như Phật không khác.

Chánh văn:

Ta tùy muốn trụ Từ, Bi, Hỷ, Xả, Không nhập xứ, Thức nhập xứ, Vô sở hữu nhập xứ, Phi tưởng phi phi tưởng nhập xứ, cảnh giới thần thông thiên nhĩ, tha tâm trí, túc mạng trí, sanh tử trí, lậu tận trí cụ túc hoặc ngày hoặc đêm hoặc trọn ngày đêm. Ma-ha Ca-diếp cũng lại như thế.

Khi ấy Thế Tôn ở trong đại chúng số đông vô lượng khen ngợi Ma-ha Ca-diếp công đức thắng diệu quảng đại đồng với mình rồi, chư Tỳ-kheo nghe Phật nói hoan hỷ phụng hành.

Giảng:

Từ Tứ thiền đến Tứ không, được lục thông và đầy đủ các trí, Phật được đến đâu, tôn giả Ca-diếp cũng được đến đó. Nói như vậy là Phật công nhận tôn giả Ca-diếp có khả năng gần bằng ngài. Qua hai việc, mời ngồi nửa tòa và diễn tả cảnh giới Phật đạt được Ca-diếp cũng được, đầy đủ lý do để chúng ta tin rằng tôn giả Ca-diếp là người kế thừa Phật. Về hình thức, nhà thiền nói rằng ngài Ca-diếp được truyền tâm ấn, điều đó dù không có bài kinh nào nói chánh thức, nhưng bài kinh này là bằng chứng để chúng ta tin được.

PALI TẠNG

Chánh Văn:

1) Trú ở Sàvatthi.

2) Tùy theo mong muốn, này các Tỷ-kheo, ta ly dục, ly bất thiện pháp, chứng đạt và an trú Thiền thứ nhất, một trạng thái hỷ lạc do ly dục sanh, có tầm, có tứ.

Tùy theo mong muốn, này các Tỷ-kheo, Kassapa cũng ly dục, ly bất thiện pháp, chứng đạt và an trú Thiền thứ nhất, một trạng thái hỷ lạc do ly dục sanh, có tầm, có tứ.

3) Tùy theo mong muốn, này các Tỷ-kheo, ta diệt tầm và tứ, chứng đạt và an trú Thiền thứ hai, một trạng thái hỷ lạc do định sanh, không tầm, không tứ, nội tĩnh nhất tâm.

Tùy theo mong muốn, này các Tỷ-kheo, Kassapa cũng diệt tầm và tứ, chứng đạt và an trú Thiền thứ hai, một trạng thái hỷ lạc do định sanh, không tầm, không tứ, nội tĩnh nhất tâm.

4) Tùy theo mong muốn, này các Tỷ-kheo, ta ly hỷ, trú xả, chánh niệm tỉnh giác, thân cảm sự lạc thọ mà các bậc thánh gọi là xả niệm lạc trú, chứng đạt và an trú Thiền thứ ba.

Tùy theo mong muốn, này các Tỷ-kheo, Kassapa cũng ly hỷ, trú xả, chánh niệm tỉnh giác, thân cảm sự lạc thọ mà các bậc thánh gọi là xả niệm lạc trú, chứng đạt và an trú Thiền thứ ba.

5) Tùy theo mong muốn, này các Tỷ-kheo, ta xả lạc, xả khổ, diệt hỷ ưu

đã cảm thọ trước, chứng đạt và an trú Thiền thứ tư, không khổ, không lạc, xả niệm thanh tịnh.

Tùy theo mong muốn, này các Tỷ-kheo, Kassapa cũng xả lạc, xả khổ, diệt hỷ ưu đã cảm thọ trước, chứng đạt và an trú Thiền thứ tư, không khổ, không lạc, xả niệm thanh tịnh.

6) Tùy theo mong muốn, này các Tỷ-kheo, ta vượt lên mọi sắc tưởng, diệt trừ mọi chướng ngại tưởng, không tác ý đối với dị tưởng. Ta nghĩ rằng "hư không là vô biên", chứng đạt và an trú Không vô biên xứ.

Tùy theo mong muốn, này các Tỷ-kheo, Kassapa cũng vượt lên mọi sắc tưởng, diệt trừ mọi chướng ngại tưởng... chứng đạt và an trú Không vô biên xứ.

7) Tùy theo mong muốn, này các Tỷ-kheo, ta vượt lên mọi Không vô biên xứ, nghĩ rằng "thức là vô biên", chứng đạt và an trú Thức vô biên xứ.

Tùy theo mong muốn, này các Tỷ-kheo, Kassapa cũng vượt lên mọi Không vô biên xứ... chứng đạt và an trú Thức vô biên xứ.

8) Tùy theo mong muốn, này các Tỷ-kheo, ta vượt lên mọi Thức vô biên xứ, nghĩ rằng "không có vật gì", chứng đạt và an trú Vô sở hữu xứ.

Tùy theo mong muốn, này các Tỷ-kheo, Kassapa cũng vượt lên mọi Thức vô biên xứ... chứng đạt và an trú Vô sở hữu xứ.

9) Tùy theo mong muốn, này các Tỷ-kheo, ta vượt lên mọi Vô sở hữu xứ,

chứng đạt và an trú Phi tưởng phi phi tưởng xứ.

Tùy theo mong muốn, này các Tỷ-kheo, Kassapa cũng... chứng đạt và an trú Phi tưởng phi phi tưởng xứ.

10) Tùy theo mong muốn, này các Tỷ-kheo, ta vượt lên mọi Phi tưởng phi phi tưởng xứ, chứng đạt và án trú Diệt thọ tưởng định.

Tùy theo mong muốn, này các Tỷ-kheo, Kassapa cũng... chứng đạt và an trú Diệt thọ tưởng định.

11) Tùy theo mong muốn, này các Tỷ-kheo, Ta chứng đạt các loại thần thông. Một thân hiện ra nhiều thân, nhiều thân hiện ra một thân; hiện hình, biến hình, đi ngang qua vách, qua tường, qua núi như đi ngang hư

không; độn thổ, trồi lên, đi ngang qua đất liền như ở trong nước, đi trên nước không chìm như trên đất liền; ngồi kiết-già đi trên hư không như con chim; với bàn tay, chạm và rờ mặt trăng và mặt trời, những vật có đại oai lực, oai thần như vậy; có thể tự thân bay đến cõi Phạm thiên.

Tùy theo mong muốn, này các Tỷ-kheo, Kassapa cũng chứng đạt được các loại thần thông... bay đến cõi Phạm thiên.

12) Tùy theo mong muốn, này các Tỷ-kheo, ta với thiên nhĩ thanh tịnh siêu nhân, có thể nghe hai loại tiếng: chư thiên và loài người, xa và gần.

Tùy theo mong muốn, này các Tỷ-kheo, Kassapa cũng với thiên nhĩ thanh tịnh... xa và gần.

13) Tùy theo mong muốn, này các Tỷ-kheo, sau khi đi sâu vào tâm của chúng sanh, của loài người với tâm của mình, ta có thể biết như sau: "Tâm có tham biết là tâm có tham, tâm không tham biết là tâm không tham, tâm có sân biết là tâm có sân, tâm không sân biết là tâm không sân, tâm có si biết là tâm có si, tâm không si biết là tâm không si, tâm chuyên chú biết là tâm chuyên chú, tâm không chuyên chú biết là tâm không chuyên chú, đại hành tâm biết là đại hành tâm, không phải đại hành tâm biết là không phải đại hành tâm, tâm chưa vô thượng biết là tâm chưa vô thượng, tâm vô thượng biết là tâm vô thượng, tâm thiền định biết là tâm thiền định, tâm không thiền định biết

là tâm không thiền định, tâm giải thoát biết là tâm giải thoát, tâm không giải thoát biết là tâm không giải thoát."

Tùy theo mong muốn, này các Tỷ-kheo, sau khi đi sâu vào tâm của chúng sanh, của loài người; với tâm của mình, Kassapa cũng được biết như sau: "Tâm có tham biết là tâm có tham... tâm không giải thoát biết là tâm không giải thoát."

14) Tùy theo mong muốn, này các Tỷ-kheo, ta nhớ đến các đời sống quá khứ, như một đời, hai đời, ba đời, bốn đời, năm đời, mười đời, hai mươi đời, ba mươi đời, bốn mươi đời, năm mươi đời, một trăm đời, hai trăm đời, một ngàn đời, một trăm ngàn đời; nhiều hoại kiếp, nhiều thành kiếp, nhiều

hoại thành kiếp. Ta nhớ rằng: "Tại chỗ kia, ta có tên như thế này, dòng họ như thế này, giai cấp như thế này, thọ khổ lạc như thế này, tuổi thọ đến mức như thế này. Sau khi chết tại chỗ kia, ta được sanh ra tại chỗ nọ. Tại chỗ ấy, ta có tên như thế này, dòng họ như thế này, tuổi thọ đến mức như thế này. Sau khi chết tại chỗ nọ, ta được sanh ra ở đây." Như vậy, ta nhớ đến nhiều đời sống quá khứ cùng với các nét đại cương và các chi tiết.

Tùy theo mong muốn, này các Tỷ-kheo, Kassapa cũng nhớ đến nhiều đời sống quá khứ, như một đời, hai đời... và các chi tiết.

15) Tùy theo mong muốn, này các Tỷ-kheo, ta với thiên nhãn thanh tịnh siêu nhân, thấy các chúng sanh. Ta

biết rõ ràng chúng sanh, người hạ liệt, kẻ cao sang, người đẹp đẽ, kẻ thô xấu, người may mắn, kẻ bất hạnh, đều do hạnh nghiệp của họ.

Những chúng sanh nào làm những ác hạnh về thân, lời, ý, phỉ báng các bậc thánh, theo tà kiến, tạo các nghiệp theo tà kiến. Những người này sau khi thân hoại mạng chung, phải sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục. Còn những chúng sanh nào làm những thiện hạnh về thân, lời và ý, không phỉ báng các bậc thánh, theo chánh kiến, tạo các nghiệp theo chánh kiến; những người này sau khi thân hoại mạng chung, được sanh lên các thiện thú, cõi trời, trên đời này. Như vậy, với thiên nhãn thuần tịnh, siêu nhân, ta thấy sự sống chết của

chúng sanh. Ta biết rõ chúng sanh, người hạ liệt, kẻ cao sang, người đẹp đẽ, kẻ thô xấu, người may mắn, kẻ bất hạnh đều do hạnh nghiệp của họ.

Tùy theo mong muốn, này các Tỷ-kheo, Kassapa cũng với thiên nhãn thuần tịnh siêu nhân, thấy sự sống chết các chúng sanh... đều do hạnh nghiệp của họ.

16) Và ta, này các Tỷ-kheo, với sự đoạn tận các lậu hoặc, ngay trong hiện tại, tự mình với thắng trí, ta chứng ngộ vô lậu tâm giải thoát, tuệ giải thoát, chứng đạt và an trú.

Này các Tỷ-kheo, Kassapa cũng với sự đoạn tận các lậu hoặc, ngay trong hiện tại, tự mình với thắng trí, chứng ngộ vô lậu tâm giải thoát, tuệ giải thoát, chứng đạt và an trú.

Giảng:

Đối chiếu hai bên chỉ khác nhau vài điểm. Điểm thứ nhất, bên Pāli không có đoạn kể ngài Ca-diếp mới vào trong chúng, Hán tạng thì có. Điểm thứ hai, Hán tạng về phần tu Tứ thiền, Tứ không, cuối cùng là chứng lục thông chỉ nói đơn giản không giải thích, bên Pāli giải thích kỹ từng phần.

Đoạn 16 nói: *Và ta, này các Tỷ-kheo, với sự đoạn tận các lậu hoặc, ngay trong hiện tại, tự mình với thắng trí, ta chứng ngộ vô lậu tâm giải thoát, tuệ giải thoát chứng đạt và an trú. Này các Tỷ-kheo, Kassapa cũng với sự đoạn tận các lậu hoặc, ngay trong hiện tại, tự mình với thắng trí, chứng ngộ vô lậu tâm giải thoát, tuệ giải thoát, chứng đạt và an trú.*

Như thế Phật thừa nhận ngài Ca-diếp không kém không thua. Đây là bài kinh

để cho chúng ta có thêm chứng cứ rõ ràng lời các thiền sư nói Phật truyền tâm ấn cho tôn giả Ca-diếp. Phật tuyên bố giữa chúng những gì ngài đạt được thì Ca-diếp cũng được, đó là truyền tâm ấn cụ thể.

Giải và Đối chiếu Kinh Khổ Pháp (Hán tạng, kinh số 1173) với Kinh Khổ Pháp (Pali tạng)

HÁN TẠNG

Chánh văn:

Tôi nghe như vầy: Một hôm Phật ở nước Câu-diệm-di, vườn Cù-sư-la.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

- Đệ tử Thánh học rộng đối tất cả khổ pháp, tập, diệt, vị, hoạn, ly thấy biết như thật, thấy ngũ dục giống như hầm lửa. Như thế, quán sát ngũ dục rồi, đối ngũ dục, tham dục, ái dục, niệm dục, đắm trước hằng không che đậy tâm. Biết dục tâm kia rồi, khi đi đứng tự đề phòng kềm hãm. Khi đi,

khi đứng đề phòng kềm hãm rồi, tùy đi, đứng, tham, ưu, pháp ác bất thiện ở thế gian không chen được trong tâm.

Giảng:

Đầu tiên, Phật dạy chúng ta tu quán ngũ uẩn từ sắc uẩn tới thức uẩn, mỗi uẩn đều thấy là tướng vô thường, khổ, biến dịch nên thuộc về khổ pháp. Biết sự tập khởi, biết diệt, biết vị, biết tai hoạn và biết xuất ly, thấy biết đúng như thật về năm uẩn. Kế đến là quán ngũ dục như hầm lửa để các tham dục, niệm dục, ái dục, đắm trước hằng không che đậy tâm. Nguồn gốc của tất cả dục đều từ chỗ thấy nó là quý, là đẹp. Bởi thấy quý đẹp nên lòng tham nổi dậy, lòng tham nổi dậy nên yêu thích đuổi theo, do yêu thích thúc đẩy sanh đắm trước, tâm bị che đậy. Nếu quán biết dục như hầm lửa thì tất cả cái đó không còn,

lúc đi lúc đứng đề phòng kềm hãm, tâm không chạy theo ngũ dục, các pháp ác không chen vào trong tâm. Điều này cụ thể vô cùng. Khi nào lòng mình còn tham sắc thì các niệm tham dục ái dục... sẽ dấy lên trong tâm. Nếu lúc nào cũng thấy sắc như hầm lửa thì tham dục không dấy nơi tâm. Lẽ thật như vậy.

Chánh văn:

Thế nào là đệ tử Thánh học rộng đối tất cả khổ pháp, tập, diệt, vị, ly, thấy biết như thật? Đệ tử Thánh học rộng đối khổ thánh đế này biết như thật, khổ tập này, khổ diệt này, khổ diệt đạo tích này biết như thật. Thế nào đệ tử Thánh học rộng thấy ngũ dục như hầm lửa, cho đến tham, ưu, pháp ác bất thiện ở thế gian không chen được trong tâm?

Ví như gần bên xóm làng có một hầm sâu, trong hầm đầy lửa than cháy hực mà không có khói, lúc đó có người không ngu si, thông minh, trí tuệ, ưa vui, chán khổ, muốn sống, sợ chết, kia nghĩ thế này: "Hầm lửa này ở trong đầy lửa than cháy hực, ta nếu rơi trong đó ắt chết không nghi." Người ấy liền sanh tâm tránh xa, lo tránh xa, muốn tránh xa. Như thế, đệ tử Thánh học rộng thấy ngũ dục như hầm lửa, cho đến tham, ưu là pháp ác bất thiện ở thế gian hằng không che đậy được tâm. Nếu khi đi, khi đứng biết đề phòng, cho đến tham, ưu là pháp ác bất thiện ở thế gian không chen được trong tâm.

Giảng:

Thế nào là đệ tử Thánh thấy tất cả khổ pháp tập, diệt, vị, hoạn, ly? Phật dạy rằng do biết pháp Tứ đế như thật. Pháp Tứ đế là căn bản để biết khổ, biết tập, biết diệt, biết đạo. Tiếp theo, thế nào đệ tử Thánh thấy ngũ dục như hầm lửa, pháp bất thiện không chen vào? Phật thí dụ như người sợ hầm lửa than, muốn sống không muốn chết nên tránh xa. Tại sao là lửa than mà không phải lửa ngọn? Tất cả ngũ dục thế gian có cái nào mới thấy mà dễ sợ không? Cái nào mới thấy cũng dễ thương, sắc đẹp, âm thanh êm ái, tất cả đều dễ thương. Nên thí dụ như hầm lửa than. Lửa than mới nhìn không có triệu chứng đáng sợ, nhưng rơi vô đó thì biết hiểm nguy.

Chánh văn

Ví như bên xóm làng có rừng cây Nại, cỏ dại gai góc mọc nhiều, có người giữ rừng vào rừng săn sóc, nhìn chung quanh thấy cỏ gai đều nhổ sạch. Xong rồi, người ấy chánh niệm mà đi, chánh niệm qua lại, chánh niệm mà xem, chánh niệm nhìn thẳng, chánh niệm cúi mình. Vì cớ sao? Vì không sợ gai góc đâm quào thân thể vậy. Đệ tử Thánh học rộng cũng như thế, nếu nương nơi thành ấp, xóm làng mà ở, sớm mai đắp y mang bát vào làng khất thực khéo hộ thân kia, khéo gìn giữ tâm kia, chánh niệm an trụ, chánh niệm mà đi, chánh niệm mà xem, chánh niệm quán sát. Vì cớ sao? Vì không để cho gai góc đâm quào pháp luật của Thánh. Thế nào là

gai góc đâm quào pháp luật của Thánh? Sắc vừa ý, yêu thích là gai góc đâm quào pháp luật của Thánh.

Giảng:

Thí dụ này rất xác đáng, Phật nói vườn mít cỏ gai mọc đầy, người giữ vườn đi lại không tự do, muốn đi lại tự do phải nhổ hết cỏ gai. Cỏ gai thí dụ cho gì? Thầy Tỳ-kheo ở trong xóm làng đi khất thực thí dụ cho gì? Cỏ gai dụ cho ngũ dục, thầy Tỳ-kheo dụ cho người giữ vườn. Người giữ vườn nhổ sạch cỏ gai, đi lại tự do. Vị Tỳ-kheo đi trong xóm làng giữ tâm trong sạch, không chạy theo ngũ dục thì đi lại tự do. Gai góc là niệm xấu, niệm ác, niệm dục, dấy lên chạy theo ngũ dục là tâm bị tổn giảm.

Chánh văn:

Thế nào là sắc vừa ý, yêu thích là gai góc đâm quào pháp luật của Thánh? Cái vui của ngũ dục do nhãn thức, do sắc sanh ái niệm, trưởng dưỡng dục lạc. Đó gọi là sắc vừa ý, yêu thích làm thương tổn pháp luật của Thánh.

Nhĩ thức thanh, tỹ thức hương, thiệt thức vị, thân thức xúc sanh ái niệm trưởng dưỡng dục lạc.

Giảng:

Sáu căn đối sáu trần vừa ý, sanh yêu thích là bị gai đâm quào, tổn thương giới luật. Thời Phật, chư Tỳ-kheo đi đường nhìn xuống đất, nhìn xa không quá hai thước, không nhìn qua nhìn lại, sợ có sắc vừa ý đâm quào pháp luật của Thánh nên chăm chăm nhìn xuống mà đi. Đó là cố giữ

đừng cho gai góc đâm. Chúng ta hiện nay đi thì nhìn trời nhìn mây, có bị gai góc đâm không? Nếu khi đi chánh niệm, thấy rõ từng niệm có chạy hay không chạy, làm chủ thân tâm thì gai không đâm. Nếu buông lung thấy cái này đẹp trầm trồ, thấy cái kia xấu thì chê, đó là bị gai góc đâm quào. Nhà thiền không hạn cuộc ở chỗ đi nhìn chăm chăm dưới đất, nhưng luôn luôn phải có chánh niệm, thấy mình có chạy theo cảnh hay không. Nếu có thì phải dừng. Tuy có ngó nhìn mà không bị đâm quào.

Chánh văn:

Hoặc khi đệ tử Thánh học rộng mất chánh niệm sanh giác ác bất thiện trưởng dưỡng tham dục, trưởng dưỡng sân nhuế, trưởng dưỡng si mê, ấy là độn căn. Đệ tử Thánh học rộng

tuy có khởi quán tập, diệt... mà vẫn bị dục che tâm.

Ví như có hoàn sắt cháy đỏ, lấy một ít nước rưới lên liền rút khô mất. Như thế, đệ tử Thánh học rộng độn căn sanh niệm liền tiêu diệt cũng như vậy. Đệ tử Thánh học rộng hành như thế, trụ như thế, nếu vua hay đại thần hoặc thân tộc, đích thân đến chỗ kia xin dâng bổng lộc nói thế này: Nam tử! Cần gì cạo bỏ râu tóc, mang bát sành, thân mặc áo hoại sắc, đi xin ăn từng nhà? Chi bằng an hưởng ngũ dục lạc, làm việc bố thí tu phước!

Giảng:

Đây là trường hợp đệ tử Phật mất chánh niệm sanh niệm ác, trưởng dưỡng tham dục, sân nhuế, si mê, ấy là độn căn. Như khi chúng ta ngồi chơi, bỗng dưng

nhớ lại người nào đó có hành động ác với mình, vừa nhớ mà để nó ôn lại đầy đủ, thì tâm sanh phiền muộn, làm tăng trưởng lòng sân. Tham lam, sân hận, ái nhiễm. đều do sự huân tập và nuôi dưỡng đầy đủ mà tăng trưởng. Chúng ta tu thiền luôn quan sát tâm, vừa khởi vọng tưởng, ác niệm vừa sống dậy liền thức tỉnh đoạn dứt thì tham sân... không tăng trưởng. Đoạn này cũng chỉ dạy chỗ khéo tu, đừng rơi vào hạng độn căn.

Pāli gọi là niệm bị thất thoát, khởi lên ước vọng liên hệ đến kiết sử. Chủ yếu là do ôn lại những cảnh cũ có liên hệ tới ái dục, sân nhuế và si mê. Con người từ thuở bé tới lớn ai cũng có trải qua những chuyện vui buồn thương ghét, biết tu rồi thì ngay đây phải dừng. Tuy thỉnh thoảng có dấy lên, đừng cho tiếp tục đầy đủ, nếu không tiếp tục thì không tăng trưởng. Nếu

nuôi dưỡng tham dục thì có ngày bỏ cuộc, vì mỗi lần nhớ lại mà để nó hiện đầy đủ thì tăng lòng sân, tăng thêm ái dục. Vừa dấy khởi liền bỏ thì ác niệm chấm dứt, còn nuôi dưỡng nó thì Phật gọi là độn căn.

Trường hợp niệm ác khởi lên, nhưng vừa khởi liền tiêu diệt như hoàn sắt cháy đỏ lấy nước rưới liền tắt. Chúng ta tu tập lâu lâu vẫn còn vọng niệm chen vào, tuy có chen nhưng dùng sức quán chiếu tham dục như hầm lửa gai độc, hoặc sức tỉnh giác mạnh, vừa khởi liền mất. Hạng người này tuy còn niệm nhưng người ta cám dỗ không được. Không dụ dỗ được là vì có quán, niệm dục vừa khởi không bao lâu liền tiêu mất. Chúng ta tu tại thiền viện, hằng nhìn tâm niệm mình, thấy rõ các pháp hư dối, tuy có làm chủ nhưng niệm dục vẫn còn chen. Trường hợp có người rủ mình hoàn tục thì sao? Nếu rủ với điều

kiện vừa phải thì không dễ buông tay, nếu điều kiện quá tốt thì khó đứng vững. Khả năng của chúng ta là khả năng giới hạn. Hiểu như vậy đừng có tự hào, phải luôn luôn cẩn trọng cảnh tỉnh. Đánh võ với người dở hơn mình thấy dễ dàng, thắng người dở tưởng mình vô địch rồi khinh lờn. Chừng nào tất cả người trong thế gian không thắng nổi mình, mới là vô địch. Đây nói tuy còn niệm mà hằng quán sát thì niệm đó sẽ mất. Nếu người thế gian rủ mình, mình nhớ ngũ dục là hầm lửa, nếu rủ tức là rủ xuống hầm lửa, thường quán như vậy không quên.

Chánh văn:

Thế nào Tỳ-kheo! Nếu vua hay đại thần, hoặc thân tộc, đàn-việt xin dâng bổng lộc, kia sẽ xả giới lui sụt chăng?

Đáp: - Không vậy. Vì cớ sao? Vì đệ tử Thánh học rộng đối tất cả khổ pháp, tập, diệt, vị, hoạn, ly thấy biết như thật, thấy ngũ dục như hầm lửa, cho đến tham ưu là pháp ác bất thiện ở thế gian hằng không bị che đậy tâm. Khi đi, khi đứng biết đề phòng kềm hãm, cho đến tham ưu là pháp ác bất thiện ở thế gian không chen được trong tâm. Nếu vua, quan, thân tộc xin dâng bổng lộc mà xả giới lui sụt, không có lý được vậy.

Phật bảo các Tỳ-kheo:

- Lành thay! Lành thay! Đệ tử Thánh học rộng kia tâm luôn luôn hướng đến, chuyên chú, chuyển tiến nơi xa lìa, hướng đến chỗ lìa dục, được Niết-bàn vắng lặng lìa bỏ, vui nơi Niết-bàn, chỗ hữu lậu vắng bặt

mát mẻ. Nếu vì vua, quan, trưởng giả, thân tộc mời cho bổng lộc mà xả giới lui sụt thì không có lý vậy. Người kia luống chịu khổ sở. Ví như dòng sông Hằng luôn luôn chảy mãi về phương đông, nhiều người chặn ngang muốn nó chảy ngược về phương tây có thể được chăng?

Đáp: - Không thể được, Thế Tôn. Vì cớ sao? Vì sông Hằng luôn luôn chảy về phương đông, muốn khiến nó chảy về phương tây chưa được, mà những người kia luống nhọc nhằn khổ sở. Như thế, đệ tử Thánh học rộng luôn luôn hướng đến, chuyên chú, chuyển tiến nơi xa lìa, cho đến muốn thối giảm thì không có lý, chỉ luống nhọc nhằn khổ sở.

Phật nói kinh này rồi, chư Tỳ-kheo nghe Phật nói hoan hỷ phụng hành.

Giảng:

Người luôn giữ chánh niệm, trong các oai nghi đều có sự phòng hộ thì tâm không lui sụt. Dù hoàn cảnh tốt mấy cũng không lay chuyển, không xả giới hoàn tục. Người rủ rê chỉ luống chịu nhọc nhằn khổ sở mà thôi. Phật thí dụ như nước sông Hằng chảy về hướng đông, nhiều người muốn đắp đê ngăn chặn, đổi dòng nước chảy ngược về tây, không bao giờ kết quả. Người chặn nước sông cũng luống chịu nhọc nhằn.

Người tu tâm ý mạnh mẽ, luôn hướng đến giải thoát, ra khỏi tham dục cũng như dòng nước chảy mạnh một chiều. Tâm luôn luôn hướng đến, chuyên chú, chuyển tiến nơi xa lìa, hướng đến chỗ lìa dục, được

Niết-bàn vắng lặng lìa bỏ... Tha thiết giữ tâm như vậy, chắc chắn không vì chút bổng lộc tiền tài mà thối chuyển. Phật răn nhắc người xuất gia tinh tấn, tỉnh giác trước hầm lửa ngũ dục.

PALI TẠNG

Chánh văn:

1-2)...

3) Này các Tỷ-kheo, khi nào một Tỷ-kheo như thật rõ biết sự tập khởi, sự chấm dứt của tất cả khổ pháp, khi ấy, các dục được thấy. Khi vị ấy thấy dục (Kāma), thời dục (Kāmachanda), dục ái, dục mê, dục nhiệt não đối với các dục không có tùy miên nơi vị ấy. Như vậy, sở hành và sở trú của vị ấy được giác tri. Vì rằng, do sở hành như vậy, các tham ái, ưu, bi, các ác bất thiện pháp không có tồn chỉ.

4) Và này các Tỷ-kheo, thế nào là Tỷ-kheo như thật rõ biết sự tập khởi, và sự chấm dứt tất cả khổ pháp? Đây là sắc, đây là sắc tập khởi, đây là sắc đoạn diệt. Đây là thọ, đây là thọ tập khởi, đây là thọ đoạn diệt. Đây là tưởng... Đây là các hành... Đây là thức, đây là thức tập khởi, đây là thức đoạn diệt. Như vậy, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo như thật rõ biết sự tập khởi và sự đoạn diệt của tất cả khổ pháp.

5) Và này các Tỷ-kheo, như thế nào là Tỷ-kheo thấy được các dục? Khi các dục được thấy, thời dục, dục ái, dục mê, dục nhiệt não đối với các dục không có tùy miên. Ví như, này các Tỷ-kheo, có một hố than sâu hơn thân người, đầy vun than hừng, không có ngọn, không có khói. Rồi có

người đi đến, muốn sống, không muốn chết, muốn lạc, ghét bỏ khổ. Rồi hai người lực sĩ đến, kẹp người ấy vào trong các cánh tay, và kéo người ấy đến hố than hừng. Người ấy vật vã thân bên này, bên kia. Vì sao? Này các Tỷ-kheo, người ấy được biết rằng: "Ta sẽ rơi vào trong hố than hừng này. Do nhân này, ta sẽ đi đến chết hay đau khổ gần như chết." Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo thấy các dục như hố than hừng và ai thấy được các dục, thời dục, dục ái, dục mê, dục nhiệt não đối với các dục không có tùy miên.

6) Thế nào, này các Tỷ-kheo, là sở hành và sở trú của Tỷ-kheo được giác tri? Vì rằng, do sở hành như vậy, các tham ái, ưu, bi, các ác bất thiện pháp

không có tồn chỉ. Ví như, này các Tỷ-kheo, một người đi vào một khu rừng đầy những gai góc, trước mặt người ấy là gai, phía tây... phía bắc... phía nam... người ấy là gai, phía dưới người ấy là gai, phía trên người ấy là gai. Chỗ nào người ấy đi tới hay chỗ nào người ấy đi lui, người ấy nghĩ: "Mong sao tôi chớ có bị vướng gai." Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, đối với sự vật gì khả ái, khả lạc, sự vật ấy được gọi là gai trong giới luật của bậc thánh.

7) Sau khi biết vậy, này các Tỷ-kheo, hộ trì và không hộ trì cần phải được hiểu.

8) Và này các Tỷ-kheo, thế nào là không hộ trì? Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo khi mắt thấy sắc, thiên chấp

các sắc khả ái, ghét bỏ các sắc không khả ái, sống với thân niệm không an trú, với tâm nhỏ hẹp. Vị ấy không như thật rõ biết tâm giải thoát, tuệ giải thoát. Chính ở nơi đây, các ác bất thiện pháp ấy khởi lên không được đoạn diệt, không có dư tàn. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là không hộ trì.

9) Và này các Tỷ-kheo, thế nào là được hộ trì? Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo khi mắt thấy sắc, không thiên chấp các sắc khả ái, không ghét bỏ các sắc không khả ái, sống với thân niệm an trú, với tâm vô lượng. Vị ấy như thật rõ biết tâm giải thoát, tuệ giải thoát. Chính ở nơi đây, các ác bất thiện pháp ấy khởi lên được đoạn diệt không có dư tàn... khi lưỡi nếm vị... khi ý biết pháp, không thiên chấp các

pháp khả ái, không ghét bỏ các pháp không khả ái, sống với thân niệm an trú, với tâm vô lượng. Vị ấy như thật rõ biết tâm giải thoát, tuệ giải thoát. Chính ở đây, các ác bất thiện pháp ấy khởi lên được đoạn diệt không có dư tàn. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là có hộ trì.

10) Này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo sở hành như vậy, sở trú như vậy, đôi lúc và đôi khi niệm bị thất thoát, khởi lên các ác bất thiện pháp, các ức niệm, ước vọng liên hệ đến kiết sử. Chậm chạp, này các Tỷ-kheo, là niệm được khởi lên. Mau lẹ, vị ấy từ bỏ (trạng thái ấy), gột sạch, chấm dứt, không cho hiện hữu. Ví như, này các Tỷ-kheo, một người làm rơi hai hay ba giọt nước trên một nồi sắt được hơ

nóng cả ngày. Chậm chạp, này các Tỷ-kheo, là sự rơi xuống của các giọt nước. Mau chóng, chúng đi đến đoạn diệt, hoại diệt. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, nếu Tỷ-kheo ấy sở hành như vậy, sở trú như vậy, đôi lúc và đôi khi niệm bị thất thoát, khởi lên các ác bất thiện pháp, các ức niệm, ước vọng liên hệ đến kiết sử. Chậm chạp, này các Tỷ-kheo, là niệm được khởi lên. Mau lẹ, vị ấy từ bỏ (trạng thái ấy), gột sạch, chấm dứt, không cho hiện hữu.

11) Như vậy, này các Tỷ-kheo, sở hành như vậy, sở trú như vậy của Tỷ-kheo được giác tri. Do sở hành, sở trú như vậy, các tham ái, ưu, bi, các ác bất thiện pháp không có tồn chỉ. Này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ấy với sở hành như vậy, sở trú như vậy, nếu có quốc

vương hay đại thần của vua, bạn bè, thân hữu hay bà con huyết thống đến dâng cúng tài sản và nói: "Hãy đến đây, này bạn! Sao lại để những y vàng ấy hành hạ bạn? Sao lại sống với đầu trọc và bình bát? Hãy hoàn tục, thọ hưởng tài sản và làm các công đức." Này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ấy có sở hành như vậy, có sở trú như vậy, sẽ từ bỏ học pháp và hoàn tục; sự việc như vậy không xảy ra.

12) Ví như, này các Tỷ-kheo, sông Hằng hướng về phía đông, xuôi về phía đông, nghiêng nhập vào phía đông. Rồi một đám dân chúng đông người đến với thuổng, cuốc, giỏ và nói: "Chúng ta hãy làm cho sông Hằng này hướng về phía tây, xuôi về phía tây, nghiêng nhập vào phía tây." Các

ông nghĩ thế nào, này các Tỷ-kheo, đám dân chúng đông người ấy có thể làm cho sông Hằng hướng về phía tây, xuôi về phía tây và nghiêng nhập vào phía tây không?

- Thưa không, bạch Thế Tôn.

- Vì sao?

- Vì sông Hằng này, bạch Thế Tôn, hướng về phía đông, xuôi về phía đông, nghiêng nhập vào phía đông; không có dễ gì làm cho hướng về phía tây, xuôi về phía tây, nghiêng nhập vào phía tây được. Chỉ có đám dân chúng đông người ấy chuốc lấy mệt mỏi và thất vọng thôi.

13) Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ấy với sở hành như vậy, sở trú như vậy, nếu có quốc vương hay

đại thần của vua, bạn bè, thân hữu, hay bà con huyết thống đến dâng cúng tài sản và nói: "Hãy đến đây, này bạn! Sao lại để những y vàng ấy hành hạ bạn? Sao lại sống với đầu trọc và bình bát? Hãy hoàn tục, thọ hưởng tài sản và làm các công đức." Này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ấy có sở hành như vậy, có sở trú như vậy, sẽ từ bỏ học pháp và hoàn tục; sự việc như vậy không xảy ra. Vì sao? Này các Tỷ-kheo, vì tâm của vị ấy đã lâu ngày hướng về viễn ly, xuôi về viễn ly, nghiêng nhập vào viễn ly; do vậy sự hoàn tục không xảy ra.

Giảng:

Bài kinh này, bên Pāli lược bỏ đoạn đầu và đoạn cuối. Phần chánh của kinh

như bên Hán tạng, ý nghĩa hai bên không khác, có đôi chỗ Pāli giải thích rõ hơn.

Đoạn 6, thí dụ như rừng đầy gai, Tỳ-kheo đi vào rừng mong mình không bị vướng gai. Hán tạng thì nói người giữ rừng nhổ sạch cỏ gai rồi mới đi. Pāli nói tiếp về sự hộ trì hay không hộ trì. Không hộ trì là Tỳ-kheo khi mắt thấy sắc, thiên chấp các sắc khả ái, ghét bỏ các sắc không khả ái, sống với thân niệm không an trú, với tâm nhỏ hẹp. Như vậy khi có thiên chấp và ghét bỏ là tâm nhỏ hẹp và các pháp bất thiện khởi lên. Ngược lại, Tỳ-kheo biết hộ trì là khi sáu căn tiếp xúc sáu trần không thiên chấp, không ghét bỏ, sống với tâm vô lượng. Chúng ta tu thiền theo đúng lời dạy này, các pháp bất thiện sẽ được đoạn diệt, được giải thoát.

Đoạn 10, Pāli nói vị Tỳ-kheo khi thực hành như trên, nếu đôi lúc niệm bị thất

thoát khởi lên các pháp bất thiện, niệm ác khởi lên chậm chạp và bị tiêu diệt mau lẹ như hai ba giọt nước rơi trên một cái nồi sắt nóng.

Thí dụ này, Pāli giải thích rõ và dễ hiểu, chúng ta tin tưởng vào sức hộ trì tỉnh giác của mình.

Đoạn 13, Pali và Hán tạng cùng thí dụ giống nhau, cách diễn tả của Pāli dài dòng kỹ lưỡng, nhấn mạnh sự quyết tâm của vị Tỳ-kheo khi bị người thân hay vua quan, đại thần rủ hoàn tục, vị ấy không bị lay chuyển.

Này các Tỳ-kheo, vì tâm của vị ấy đã lâu ngày hướng về viễn ly, xuôi nhập về viễn ly, nghiêng nhập vào viễn ly; do vậy sự hoàn tục không xảy ra. Đoạn này kết thúc rất hay.

Giải và Đối chiếu Kinh Thâu Lũ Na (Hán tạng, kinh số 30) với Kinh Sona (Pali tạng)

HÁN TẠNG

Chánh văn:

Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật ở tại vườn Trúc, khu Ca-lan-đà trong thành Vương Xá. Bấy giờ tôn giả Xá-lợi-phất ở trong núi Kỳ-xà-quật.

Lúc ấy có con của một trưởng giả tên là Thâu-lũ-na, hằng ngày du hành đến núi Kỳ-xà-quật và ghé chỗ tôn giả Xá-lợi-phất, sau khi chào đón thăm hỏi rồi, ngồi qua một bên, nói với tôn giả Xá-lợi-phất rằng:

- Có một số Sa-môn, Bà-la-môn đối với sắc vốn vô thường, biến dịch,

không an ổn mà nói rằng: "Ta hơn, ta bằng, ta kém." Tại sao số Sa-môn, Bà-la-môn này lại có ý tưởng như vậy, mà không thấy cái chân thật?

Giảng:

Bài kinh này do ngài Xá-lợi-phất trả lời các câu hỏi của Thâu-lũ-na (Du-lũ-na), giải đáp của ngài đúng như lời dạy của Phật, vì thế được ghi thành kinh. Câu hỏi thứ nhất của Thâu-lũ-na: Có một số Sa-môn, Bà-la-môn đối với sắc uẩn lại có ý tưởng "Ta hơn, ta bằng, ta kém." Tại sao họ không thấy chân thật?

Chánh văn:

Cũng vậy, một số Sa-môn, Bà-la-môn đối với thọ, tưởng, hành, thức vốn vô thường, biến dịch, không an ổn, mà nói là: "Ta hơn, ta bằng, ta kém." Tại sao số Sa-môn, Bà-la-môn

này lại có ý tưởng như vậy, mà không thấy cái chân thật?

Giảng:

Câu hỏi thứ hai: Họ đối với thọ, tưởng, hành, thức cũng có ý tưởng "Ta hơn, ta bằng, ta kém", không thấy chân thật? Hai câu hỏi này có thể gom lại thành một câu. Nghĩa là các Sa-môn và Bà-la-môn ngay trong thân năm uẩn này nói ta hơn, ta bằng hoặc ta thua. Tại sao có ý tưởng như vậy? Tức là không thấy được chân thật.

Chánh văn:

Có một số Sa-môn, Bà-la-môn đối với sắc vốn vô thường, không an ổn, biến dịch mà nói rằng: "Ta hơn, ta bằng, ta kém." Vậy, do quan điểm gì mà họ không thấy cái chân thật? Cũng vậy đối với thọ, tưởng, hành, thức vốn vô thường, biến dịch, không

an ổn, mà nói rằng: "Ta hơn, ta bằng, ta kém." Vậy, do quan điểm gì mà họ không thấy cái chân thật?

Giảng:

Hai câu hỏi này, cũng một ý đó, chỉ đổi lại *Do quan điểm gì mà họ không thấy chân thật?* Thâu-lũ-na muốn tìm biết nguyên nhân của các lối chấp của một số Sa-môn, Bà-la-môn. Biết được đầu mối sai lầm mới được giải thoát.

Chánh văn:

- Này Thâu-lũ-na, ý ông thế nào? Sắc là thường hay vô thường?

- Là vô thường.

- Này Thâu-lũ-na, nếu là vô thường, thì có phải là khổ không?

- Là khổ.

- Này Thâu-lũ-na, nếu vô thường là khổ, thì nó là pháp biến dịch. Ý ông thế nào? Là Thánh đệ tử có nên ở trong đó thấy rằng sắc là ngã, khác ngã, hay ở trong nhau không?

- Không.

- Này Thâu-lũ-na, ý ông thế nào, thọ, tưởng, hành, thức là thường hay vô thường?

- Là vô thường.

- Nếu là vô thường, thì có phải là khổ không? - Là khổ.

- Này Thâu-lũ-na, thức nếu là vô thường là khổ, thì chúng là pháp biến dịch. Ý ông thế nào, Thánh đệ tử có nên ở trong đó thấy rằng thức là ngã, khác ngã, hay ở trong nhau không?

- Không.

Giảng:

Trước khi trả lời, ngài Xá-lợi-phất hỏi *sắc là thường hay vô thường?* Thâu-lũ-na đáp vô thường. Câu hỏi cũng là cách trả lời để biết rõ vấn đề. Nếu sắc vô thường thì khổ, khổ ở đây không phải là bị đói khát lạnh lẽo... Khổ này là khổ biến hoại, sắc vô thường là hoại diệt, không phải ngã. Hán tạng dùng ba chữ: ngã, dị ngã, ngã tương tại. Ngã là ta, dị ngã là khác với ta, ngã tương tại là sắc và ngã cùng ở trong nhau. Pāli nói là ta, là của ta, là tự ngã của ta. Giải thích dễ hiểu hơn, ngã tức là ta, khác với ta là thân thể này không phải tôi nhưng là của tôi, còn ngã tương tại là nương nơi thân này mà tôi tồn tại, cái tôi cho là tự ngã phải nương vào thân mới có. Nếu ta là pháp vô thường, biến dịch, khổ, mà chấp là ngã thì không đúng.

Xét kỹ năm uẩn sắc, thọ, tưởng, hành, thức, đều là tướng vô thường hoại diệt, chấp năm uẩn là ngã thì sai lầm vô lý.

Ngược lại, cái gì không vô thường hoại diệt, đó là ngã. Như người ta thường nói cái gì có hình tướng là sắc, cái gì không hình tướng là không. Cũng vậy, cái gì vô thường khổ không phải là ngã, cái gì không phải vô thường khổ là ngã. Ở đây không nói trắng ra. Đại thừa nói pháp thân không tướng mạo, không bị vô thường, không bị hoại diệt, đó tức là ta. Vì phá chấp của phàm phu cho thân năm uẩn vô thường hoại diệt này là ngã, nên đưa ra lý vô ngã, không phải hoàn toàn phủ nhận ngã chân thật. Phật chưa nói, nhưng ngầm ý có cái không bị vô thường, không bị hoại diệt, đến các nhà Đại thừa mới đưa ra.

Tóm lại, đoạn kinh này có hai phần. Trước tiên là câu hỏi của Thâu-lũ-na về nguyên nhân chỗ thấy không chân thật của một số Sa-môn, Bà-la-môn, trong thân năm uẩn thấy có ngã, hoặc chấp ngã hơn, chấp ngã bằng, chấp ngã kém. Ngài Xá-lợi-phất giải thích rằng nếu biết thân năm uẩn là vô thường, khổ, biến dịch thì không thể chấp nó là ngã, khác ngã, hay nó và ngã ở trong nhau (ngã tương tại).

Chánh văn:

Này Thâu-lũ-na, nên biết rằng, sắc quá khứ, hoặc vị lai, hoặc hiện tại, hoặc trong hoặc ngoài, hoặc thô hoặc tế, hoặc tốt hoặc xấu, hoặc xa hoặc gần, tất cả những sắc ấy đều không phải là ngã, không phải khác ngã, không ở trong nhau. Đó gọi là biết như thật.

Này Thâu-lũ-na, cũng vậy, đối với thọ, tưởng, hành, thức hoặc quá khứ, hoặc vị lai, hoặc hiện tại, hoặc trong hoặc ngoài, hoặc thô hoặc tế, hoặc tốt hoặc xấu, hoặc xa hoặc gần, tất cả những thứ ấy không phải là ngã, không phải khác ngã, không ở trong nhau. Đó gọi là biết như thật.

Này Thâu-lũ-na, đối với sắc, thọ, tưởng, hành, thức sanh tâm yếm ly, ly dục, giải thoát, giải thoát tri kiến, biết rằng: "Ta, sự sanh đã dứt, Phạm hạnh đã lập, những gì cần làm đã làm xong, tự biết không còn tái sanh đời sau nữa."

Giảng:

Đối với thân năm uẩn biết như thật là không phải ngã, không phải khác ngã,

không phải ở trong nhau, đó là cái biết cái thấy của đệ tử Phật.

Ngay nơi thân năm uẩn vô thường, hoại diệt này mà chấp nó là ngã, đó là không thấy lẽ thật, không thấy lẽ thật là phàm phu. Đối thân năm uẩn vô thường hoại diệt này, biết không phải là ngã, là thấy đúng lẽ thật. Nhờ thấy đúng như thật nên sanh nhàm chán, lìa dục, được giải thoát, giải thoát tri kiến rồi chứng quả A-la-hán. A-la-hán với phàm phu cách bao xa? Một chút thôi, chấp ngã là phàm phu, không chấp ngã là A-la-hán. Tất cả lòng tham muốn ăn ngon, mặc đẹp, nhà ở tốt, xe đi tốt. do nơi ngã mà muốn, ta hãnh diện với thiên hạ và được sung sướng. Thấy rõ ràng cái đó không phải là ta, đâu còn tham muốn gì. Từ đó đến chỗ ly dục, ly dục là giải thoát, hết sức đơn giản.

Người tu Phật phải bắt đầu bằng trí tuệ, thấy đúng như thật là giải thoát.

Nếu thấy có ngã là thấy bằng si mê, sanh tham ngũ dục, tham ngũ dục không được thì sân hận. Đầu tiên phá si mê, tham theo đó hết, tham hết thì sân cũng hết. Phá si là giải thoát, nên nói vô minh diệt hành diệt. Nếu cho rằng do thân này tạo tội lỗi, mỗi đêm sám hối thật nhiều để hết tội lỗi, thay vì vậy cứ thấy vô ngã cho khỏe. Người đi đứng nằm ngồi thấy thân vô ngã với người lạy sám hối mà thấy có ngã thì ai hơn? Sám hối cực khổ, khi xả ra còn thấy ta hơn, ta thua là chưa tới đâu, ngồi chơi mà không chấp ngã, tuy không thấy có tu mà thật tu.

Chúng ta tu cứ dùng công mà không dùng trí nên kết quả rất ít. Đạo Phật là đạo trí tuệ, bước vào đạo Phật là bước vào trí tuệ, thấy đúng như thật thì mọi thứ sai

lầm hết, sai lầm hết thì tội lỗi theo đó hết. Còn chấp mình là thật tức là còn ngu si, từ ngu si sanh đủ thứ tham đắm. Chủ yếu của sự tu là sáng suốt thấy đúng như thật. Thấy biết đúng như thật thì tất cả vọng chấp dứt sạch và được giải thoát.

Chánh văn:

Khi tôn giả Xá-lợi-phất nói kinh này xong, Thâu-lũ-na, con trưởng giả, xa lìa được trần cấu, được mắt pháp thanh tịnh. Bấy giờ, Thâu-lũ-na, con trưởng giả, thấy pháp, chứng đắc pháp, không do từ ai khác, ở trong chánh pháp được vô sở úy, từ nơi chỗ ngồi đứng dậy, trịch áo vai bên phải, quỳ gối chắp tay, bạch tôn giả Xá-lợi-phất rằng:

- Nay, con đã được độ. Từ hôm nay con xin quy y Phật, quy y Pháp, quy y

Tăng, làm Ưu-bà-tắc. Từ hôm nay cho đến suốt đời con luôn thanh tịnh quy y Tam bảo.

Khi Thâu-lũ-na, con trưởng giả, đã được nghe những gì tôn giả Xá-lợi-phất dạy rồi, phấn khởi vui mừng, làm lễ mà lui.

Giảng:

Xá-lợi-phất nói đến đây ông Thâu-lũ-na liền được xa lìa trần cấu, được pháp nhãn tịnh, quy y Tam bảo.

Bài kinh này đơn giản, chỉ cần nhớ hai điều:

1. Người đối với thân năm uẩn thấy có ngã, đó là không thấy đúng như thật.

2.?Người đối với thân năm uẩn biết là tướng vô thường hoại diệt không thấy có ngã, là thấy đúng như thật. Nguyên nhân lìa dục được giải thoát chỉ ở trong chỗ này.

PĀLI TẠNG

Chánh văn:

1) Như vầy tôi nghe. Một thời Thế Tôn ở Rājagaha (Vương Xá), Veluvana (Trúc Lâm), tại chỗ nuôi dưỡng các con sóc.

2) Rồi Sona, con một gia chủ, đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn, rồi ngồi xuống một bên.

3) Thế Tôn nói với Sona, con một gia chủ, đang ngồi một bên:

4) Này Sona, những Sa-môn hay Bà-la-môn nào quán sắc vô thường, khổ, biến hoại là "Ta tốt đẹp hơn", hay quán "Ta bằng nhau" hay quán "Ta hạ liệt hơn"; những vị ấy đâu phải là những ai khác, nếu không phải là những người không thấy như thật!

5) ... quán thọ vô thường, khổ, biến hoại... 6) quán tưởng vô thường, khổ, biến hoại... 7) ... quán các hành vô thường, khổ, biến hoại...

...

8) quán thức vô thường, khổ, biến hoại là "Ta tốt đẹp hơn", hay quán "Ta bằng nhau", hay quán "Ta hạ liệt hơn"; những vị ấy đâu phải là những ai khác, nếu không phải là những người không thấy như thật!

9) Này Sona, những Sa-môn hay Bà-la-môn nào không quán sắc vô thường, khổ, biến hoại là "Ta tốt đẹp hơn", hay không quán "Ta bằng nhau", hay không quán "Ta hạ liệt hơn"; những vị ấy đâu phải là những ai khác, nếu không phải là những vị thấy như thật!

10-12) Này Sona, những Sa-môn hay Bà-la-môn nào không quán thọ... không quán tưởng. không quán các hành...

13) Này Sona, những Sa-môn hay Bà-la-môn nào không quán thức vô thường, khổ, biến hoại là "Ta tốt đẹp hơn", hay không quán "Ta bằng nhau", hay không quán "Ta hạ liệt hơn"; những vị ấy đâu phải là những ai khác, nếu không phải là những vị thấy như thật!

14) Ông nghĩ thế nào, này Sona, sắc là thường hay vô thường?

- Vô thường, bạch Thế Tôn.

- Cái gì vô thường là khổ hay lạc?

- Là khổ, bạch Thế Tôn.

- Cái gì vô thường, khổ, chịu sự biến hoại, có hợp lý chăng nếu quán cái ấy là: "Cái này là của tôi, cái này là tôi, cái này là tự ngã của tôi"

- Thưa không, bạch Thế Tôn.

15) Thọ là thường hay vô thường...

16) Tưởng là thường hay vô thường?..

17) Các hành là thường hay vô thường?..

18) Thức là thường hay vô thường?

- Vô thường, bạch Thế Tôn.

- Cái gì vô thường là khổ hay lạc?

- Là khổ, bạch Thế Tôn.

- Cái gì vô thường, khổ, chịu sự biến hoại, có hợp lý hay chăng nếu

quán cái ấy là: "Cái này là của tôi, cái này là tôi, cái này là tự ngã của tôi"?

- Thưa không, bạch Thế Tôn.

19) - Do vậy, này Sona, phàm sắc gì quá khứ, vị lai, hiện tại, thuộc nội hay ngoại, thô hay tế, liệt hay thắng, xa hay gần; tất cả sắc cần phải như thật quán với chánh trí tuệ: "Cái này không phải của tôi, cái này không phải là tôi, cái này không phải tự ngã của tôi".

20-22) Phàm thọ gì phàm tưởng gì... phàm các hành gì...

23) Phàm thức gì quá khứ, vị lai, hiện tại, thuộc nội hay ngoại, thô hay tế, liệt hay thắng, xa hay gần; tất cả thức cần phải như thật quán với chánh trí tuệ: "Cái này không phải

của tôi, cái này không phải là tôi, cái này không phải tự ngã của tôi".

24) Nếu thấy vậy, này Sona, vị đa văn Thánh đệ tử yếm ly đối với sắc, yếm ly đối với thọ, yếm ly đối với tưởng, yếm ly đối với các hành, yếm ly đối với thức. Do yếm ly, vị ấy ly tham. Do ly tham, vị ấy giải thoát. Trong sự giải thoát, khởi lên chánh trí: "Ta đã giải thoát". Vị ấy biết rõ: "Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, những việc nên làm đã làm, không còn trở lui trạng thái này nữa".

Giảng:

Hai bản kinh này về nội dung có đôi chỗ khác nhau. Bên Hán tạng nói Thâu-lũ-na đến với ngài Xá-lợi-phất, Pāli nói Thâu-lũ-na đến với Phật, đó là sai biệt thứ nhất. Sai biệt thứ hai là bên Hán tạng

thì Thâu-lũ-na đưa ra câu hỏi, ngài Xá-lợi-phất giải thích.

Bên Pāli thì tự Phật nói với Thâu-lũ-na. Ý của hai bên giống nhau. Đoạn cuối Hán tạng nói Thâu-lũ-na phát tâm quy y Tam bảo, Pāli không có phần này.

Giải và Đối chiếu Kinh Chuyển Pháp Luân (Hán tạng, kinh số 379) với Kinh Như Lai Thuyết (Pali tạng)

HÁN TẠNG

Đây là bài kinh đầu tiên Phật dạy về pháp Tứ đế, nếu chúng ta không học là thiếu sót lớn. Chuyển pháp luân là chuyển bánh xe pháp, xoay bánh xe pháp để hóa độ chúng sanh. Chúng ta thường nghe nói "tam chuyển thập nhị hành". Tam chuyển tức là ba lần chuyển: Một là Thị chuyển, hai là Khuyến chuyển, ba là Chứng chuyển. Mỗi lần đều lặp lại pháp Tứ đế, ba lần lặp lại thành mười hai nên gọi là thập nhị hành.

Chánh văn:

Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật trú trong vườn Lộc dã, tiên nhân trú xứ, thành Ba-la-nại. Bấy giờ Thế Tôn bảo năm vị Tỳ-kheo:

- Đây là Khổ thánh đế, là pháp vốn chưa từng nghe, khi được tư duy chân chánh, phát sanh nhãn, trí, minh, giác. Đây là Khổ tập, Khổ diệt, Khổ diệt đạo tích thánh đế, là pháp vốn chưa từng nghe, khi được tư duy chân chánh, thì phát sanh nhãn, trí, minh, giác.

Giảng:

Đoạn này là Thị chuyển, chỉ bày về Tứ đế, tính cách nói như khách quan. Khổ thánh đế, kinh này nói sơ lược, không nêu rõ sanh khổ, già khổ, bệnh khổ, chết khổ... Khổ đế này chưa từng được nghe, bây giờ

nghe phải suy nghĩ kỹ, khi hiểu được sẽ có mắt pháp, có trí tuệ, có quang minh, có giác ngộ.

Tiếp theo, Phật nói đến Khổ tập, Khổ diệt, Khổ diệt đạo tích thánh đế. Phần đầu chỉ bày bốn đế, mới nêu danh từ, chưa khuyến khích tu.

Chánh văn:

Lại nữa, đây là Khổ thánh đế đã biết, cần phải biết, là pháp vốn chưa từng nghe, khi được tư duy chân chánh, phát sanh nhãn, trí, minh, giác.

Đây là Khổ tập thánh đế đã biết, cần phải đoạn, là pháp vốn chưa từng nghe, khi được tư duy chân chánh, phát sanh nhãn, trí, minh, giác.

Lại nữa, đây là Khổ diệt thánh đế đã biết, cần phải tác chứng, là pháp

vốn chưa từng nghe, khi được tư duy chân chánh, phát sanh nhãn, trí, minh, giác.

Lại nữa, đây là Khổ diệt đạo tích thánh đế đã biết, cần phải tu, là pháp vốn chưa từng nghe, khi được tư duy chân chánh, phát sanh nhãn, trí, minh, giác.

Giảng:

Đây là Khuyến chuyển. Phật chỉ qua Tứ đế cho biết tổng quát rồi mới khuyên bảo: Khổ đế cần phải biết, đó là điều căn bản đầu tiên. Nếu không biết khổ, không tư duy chân chánh thì không biết dứt trừ khổ. Đối với Tập đế là nguyên nhân của khổ, ái tập khổ tập nên cần phải đoạn trừ ái. Diệt đế là dứt trừ khổ, là Niết-bàn an vui, cần phải đạt được. Đạo đế là con đường đưa đến Niết-bàn, cần phải tu tập.

Đối với Tứ đế, trong phần Khuyến chuyển, Phật luôn luôn khuyến khích cần phải biết khổ, đoạn tập, chứng diệt, tu đạo.

Chánh văn:

Lại nữa, Tỳ-kheo, đây là Khổ thánh đế đã biết, đã xuất, là pháp vốn chưa từng nghe, khi được tư duy chân chánh, phát sanh nhãn, trí, minh, giác.

Lại nữa, đây là Khổ tập thánh đế đã biết, đã đoạn, đã xuất, là pháp vốn chưa từng nghe, khi được tư duy chân chánh, phát sanh nhãn, trí, minh, giác.

Lại nữa, đây là Khổ diệt thánh đế đã biết, đã tác chứng, đã xuất, là pháp vốn chưa từng nghe, khi được tư duy chân chánh, phát sanh nhãn, trí, minh, giác.

Lại nữa, đây là Khổ diệt đạo tích thánh đế đã biết, đã tu, đã xuất, là pháp vốn chưa từng nghe, khi được tư duy chân chánh, phát sanh nhãn, trí, minh, giác.

Giảng:

Đây là phần Chứng chuyển. Sau khi chỉ bày về Tứ đế, khuyên tu tập Tứ đế, đây nói về kết quả chứng đắc an lạc. Đối với Khổ đế, đã được biết thì ra khỏi, vượt qua khỏi khổ. Với Tập đế đã biết rồi thì đoạn dứt nguyên nhân. Với Diệt đế đã biết rồi thì chứng đắc. Với Đạo đế đã biết rồi thì tu tập.

Như vậy ba phen chuyển pháp luân, mỗi lần đều nêu từng phần Tứ đế, ý nghĩa rất rõ ràng. Tuy chỉ nói vắn tắt nhưng pháp Tứ đế là đạo lý xuyên suốt trong tất cả thời thuyết pháp của Phật.

Chánh văn:

Này các Tỳ-kheo, đối với bốn thánh đế này, với ba chuyển, mười hai hành, ta nếu không sanh nhãn, sanh trí, sanh minh, sanh giác, thì ở giữa chư thiên, ma, Phạm, Sa-môn, Bà-la-môn và các chúng nghe pháp, ta không bao giờ được coi là đã giải thoát, đã xuất ly và cũng không tự chứng đắc Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Đối với bốn thánh đế này, với ba chuyển, mười hai hành, ta sanh nhãn, sanh trí, sanh minh, sanh giác; do đó, ở giữa chư thiên, ma, Phạm, Sa-môn, Bà-la-môn và các chúng nghe pháp, ta đã giải thoát, đã xuất ly và tự chứng đắc Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Giảng:

Phật quả quyết đối với tứ thánh đế này, ba lần chuyển mười hai hành như vậy, nếu không sanh nhãn trí minh giác, thì ở giữa chúng nghe pháp, chư thiên, ma, Phạm, Sa-môn, Bà-la-môn, Phật không phải là người giải thoát, không phải là người xuất ly, không phải là người chứng Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Nếu tất cả chúng nghe pháp y theo ba chuyển, mười hai hành tu tập sẽ phát sanh nhãn trí minh giác. Ngài xác định chắc chắn như vậy để năm vị Tỳ-kheo đầy đủ lòng tin, phát tâm tu tập. Tu tập rồi chứng Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác là kết quả rõ ràng không nghi ngờ.

Chánh văn:

Khi đức Thế Tôn nói pháp này, tôn giả Kiều-trần-như cùng tám vạn

chư thiên xa lìa trần cấu, được mắt pháp thanh tịnh.

Bấy giờ đức Thế Tôn bảo tôn giả Kiều-trần như:

- Biết pháp chưa?

Kiều-trần-như bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn, đã biết.

Lại hỏi tôn giả Kiều-trần như:

- Biết pháp chưa?

Câu-lân bạch Phật:

- Bạch Thiện Thệ, đã biết.

Vì tôn giả Câu-lân đã biết pháp cho nên gọi là A-nhã Câu-lân.

Sau khi tôn giả A-nhã Câu-lân đã biết pháp, Địa thần xướng lên rằng:

- Các nhân giả, đức Thế Tôn ở trong vườn Lộc dã, tiên nhân trú xứ,

nước Ba-la-nại, đã ba lần chuyển pháp luân mười hai hành mà các Sa-môn, Bà-la-môn, chư thiên, ma, Phạm chưa từng chuyển, đem lại nhiều lợi ích, đem lại nhiều an lạc; vì lòng thương xót thế gian, bằng nghĩa lợi và sự hữu ích, làm lợi ích an vui cho trời, người, làm tăng thêm số chúng cõi trời, giảm bớt chúng a-tu-la.

Địa thần xướng lên xong, vọng đến các thần hư không, vua trời Tứ thiên, trời Tam thập tam, trời Diệm-ma, trời Đâu-suất-đà, trời Hóa Lạc, trời Tha Hóa Tự Tại, lần lượt truyền xướng, trong khoảnh khắc, lại vọng đến cõi Phạm thiên, nghe truyền vang âm thanh rằng:

- Các nhân giả, đức Thế Tôn ở trong vườn Lộc dã, tiên nhân trú xứ

nước Ba-la-nại đã ba lần chuyển pháp luân mười hai hành mà các Sa-môn, Bà-la-môn, chư thiên, ma, Phạm chưa từng chuyển, đem lại nhiều lợi ích, đem lại nhiều an lạc; vì lòng thương xót thế gian, bằng nghĩa lợi và sự hữu ích, làm lợi ích an vui cho trời, người, làm tăng thêm số chúng cõi trời, giảm bớt chúng a-tu-la.

Vì Thế Tôn ở trong vườn Lộc dã, tiên nhân trú xứ, nước Ba-la-nại chuyển pháp luân, cho nên kinh này được gọi là kinh Chuyển Pháp Luân.

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

Giảng:

Phật ở trong vườn Lộc dã, đầu tiên thuyết pháp cho năm vị tu khổ hạnh chưa

phải Tỳ-kheo, nhưng đoạn kinh này vẫn gọi là Tỳ-kheo. Có tranh vẽ năm người nghe Phật nói pháp, có người tay chống cằm, có người cúi đầu, có người trán nhiều nếp nhăn, chỉ có Kiều-trần-như cười. Bởi thấy cười nên Phật hỏi: Biết pháp chưa? Ông trả lời đã biết pháp. Hỏi lần thứ hai cũng trả lời: Bạch Thiện Thệ, đã biết rồi. Như vậy là được truyền tâm ấn. Trong hội Linh Sơn, khi Phật thuyết pháp chỉ có ngài Ca-diếp cười nên Phật truyền tâm ấn. Đây trong năm người, chỉ có ngài Kiều-trần-như cười nên Phật gọi ngài là A-nhã bậc nhất. A-nhã nghĩa là "đã biết", Câu-lân là phiên âm tên Kondañña. A-nhã Câu-lân hay A-nhã Kiều-trần-như là tên của ngài sau khi nghe Phật thuyết Tứ đế mà được tỏ ngộ.

Qua bài kinh này chúng ta thấy bài pháp đầu tiên Phật nói là pháp Tứ đế, nói qua ba lần để mọi người biết ứng dụng tu.

PĀLI TẠNG

Chánh văn:

1) Như vầy tôi nghe. Một thời Thế Tôn trú ở Bārānāsi, tại Isipatana, chỗ vườn Nai.

2) Tại đấy, Thế Tôn bảo chúng năm Tỷ-kheo:

Có hai cực đoan này, này các Tỷ-kheo, một người xuất gia không nên thực hành theo. Thế nào là hai?

3) Một là đắm say trong các dục (Kāma), hạ liệt, đê tiện, phàm phu, không xứng bậc thánh, không liên hệ đến mục đích. Hai là tự hành khổ mình, khổ đau, không xứng bậc

thánh, không liên hệ đến mục đích. Tránh xa hai cực đoan này, này các Tỷ-kheo, là con đường trung đạo, do Như Lai chánh giác, tác thành mắt, tác thành trí, đưa đến an tịnh, thắng trí, giác ngộ, Niết-bàn.

4) Và thế nào là con đường trung đạo, này các Tỷ-kheo, do Như Lai chánh giác, tác thành mắt, tác thành trí, đưa đến an tịnh, thắng trí, giác ngộ, Niết-bàn? Chính là con đường thánh đạo tám ngành, tức là: chánh tri kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định. Đây là con đường trung đạo, này các Tỷ-kheo, do Như Lai chánh giác, tác thành mắt, tác thành trí, đưa đến an tịnh, thắng trí, giác ngộ, Niết-bàn.

5) Đây là thánh đế về Khổ, này các Tỷ-kheo. Sanh là khổ, già là khổ, bệnh là khổ, chết là khổ, sầu, bi, khổ, ưu, não là khổ, oán gặp nhau là khổ, ái biệt ly là khổ, cầu không được là khổ. Tóm lại, năm thủ uẩn là khổ.

6) Đây là thánh đế về Khổ tập, này các Tỷ-kheo, chính là ái này đưa đến tái sanh, câu hữu với hỷ và tham, tìm cầu hỷ lạc chỗ này chỗ kia. Tức là Dục ái, Hữu ái, Phi hữu ái.

7) Đây là thánh đế về Khổ diệt, này các Tỷ-kheo, chính là ly tham, đoạn diệt, không có dư tàn khát ái ấy, sự quăng bỏ, từ bỏ, giải thoát, không có chấp trước.

8) Đây là thánh đế về con đường đưa đến Khổ diệt, này các Tỷ-kheo, chính là con đường thánh đạo tám

ngành, tức là chánh tri kiến... chánh định.

9) Đây là thánh đế về Khổ, này các Tỷ-kheo, đối với các pháp từ trước ta chưa từng được nghe, nhãn sanh, trí sanh, tuệ sanh, minh sanh, quang sanh. Đây là thánh đế về Khổ cần khuyến phải liễu tri, này các Tỷ-kheo, đối với các pháp, từ trước ta chưa từng nghe, nhãn sanh, trí sanh, tuệ sanh, minh sanh, quang sanh. Đây là thánh đế về Khổ đã được liễu tri, này các Tỷ-kheo, đối với các pháp từ trước ta chưa từng được nghe, nhãn sanh, trí sanh, tuệ sanh, minh sanh, quang sanh.

10) Đây là thánh đế về Khổ tập, này các Tỷ-kheo, đối với các pháp... quang sanh. Đây là thánh đế về Khổ

tập cần phải đoạn tận, này các Tỷ-kheo, đối với các pháp... quang sanh. Đây là thánh đế về Khổ tập đã được đoạn tận, này các Tỷ-kheo, đối với các pháp... quang sanh.

11) Đây là thánh đế về Khổ diệt, này các Tỷ-kheo, đối với các pháp... quang sanh. Đây là thánh đế về Khổ diệt cần phải chứng ngộ, này các Tỷ-kheo, đối với các pháp..... quang sanh. Đây là thánh đế về Khổ diệt đã được chứng ngộ, này các Tỷ-kheo, đối với các pháp... quang sanh.

12) Đây là thánh đế về con đường đưa đến Khổ diệt, này các Tỷ-kheo, đối với các pháp... quang sanh. Đây là thánh đế về con đường đưa đến Khổ diệt cần phải tu tập, này các Tỷ-kheo, đối với các pháp... quang sanh. Đây là

thánh đế về con đường đưa đến Khổ diệt đã được tu tập, này các Tỷ-kheo, đối với các pháp từ trước ta chưa từng được nghe, nhãn sanh, trí sanh, tuệ sanh, minh sanh, quang sanh.

13) Cho đến khi nào, này các Tỷ-kheo, trong bốn thánh đế này, với ba chuyển và mười hai hành tướng như vậy, tri kiến như thật không khéo thanh tịnh ở nơi ta; thời này các Tỷ-kheo, cho đến khi ấy, trong thế giới này với thiên giới, ma giới, Phạm thiên giới, với quần chúng Sa-môn, Bà-la-môn, chư thiên và loài người, ta không chứng tri đã chánh giác vô thượng Chánh đẳng giác.

14) Và cho đến khi nào, này các Tỷ-kheo, trong bốn thánh đế này, với ba chuyển và mười hai hành tướng

như vậy, tri kiến như thật đã được khéo thanh tịnh ở nơi ta; cho đến khi ấy, này các Tỷ-kheo, trong thế giới này với thiên giới, ma giới, Phạm thiên giới, với quần chúng Sa-môn, Bà-la-môn, chư thiên và loài người, ta mới chứng tri đã chánh giác vô thượng Chánh đẳng giác. Tri kiến khởi lên nơi ta: "Bất động là tâm giải thoát của ta. Đây là đời sống cuối cùng, nay không còn tái sanh nữa."

15) Thế Tôn thuyết giảng như vậy. Chúng năm Tỷ-kheo hoan hỷ, tín thọ lời Phật dạy. Trong khi lời dạy này được tuyên bố, tôn giả Kondañña khởi lên pháp nhãn thanh tịnh, không cấu uế như sau: "Phàm vật gì được tập khởi, tất cả pháp ấy cũng bị đoạn diệt."

16) Và khi pháp luân này được Thế Tôn chuyển vận như vậy, chư thiên cõi đất này lớn tiếng nói lên:

- Nay vô thượng pháp luân này được Thế Tôn ở Ba-la-nại, chỗ chư tiên đọa xứ, tại vườn Nai, chuyển vận một pháp luân chưa từng được ai chuyển vận, Sa-môn, Bà-la-môn, chư thiên, ma vương, Phạm thiên, hay bất cứ một ai ở đời.

17) Sau khi được nghe tiếng chư thiên ở cõi đất, Tứ đại thiên vương thiên lên tiếng nói lên:

- Nay vô thượng pháp luân này được Thế Tôn ở Ba-la-nại, chỗ chư tiên đọa xứ, tại vườn Nai, chuyển vận một pháp luân chưa từng được ai chuyển vận, Sa-môn, Bà-la-môn, chư

thiên, ma vương, Phạm thiên hay bất cứ một ai ở đời.

18) Sau khi được nghe tiếng của chư thiên ở Tứ đại thiên vương thiên, thời chư thiên ở cõi trời Ba mươi ba... chư thiên Yamã... chư thiên Tusita... chư Hóa Lạc thiên... chư Tha Hóa Tự Tại thiên... chư thiên ở Phạm thiên giới lớn tiếng nói lên:

- Nay vô thượng pháp luân này được Thế Tôn ở Ba-la-nại, chỗ chư tiên đọa xứ, tại vườn Nai, chuyển vận... bất cứ một ai ở đời.

19) Như vậy, trong sát-na ấy, trong khoảnh khắc ấy, trong giây phút ấy, tiếng ấy lên đến Phạm thiên giới. Và mười ngàn thế giới chuyển động, rung động, chuyển động mạnh. Và một hào quang vô lượng, quảng

đại phát chiếu ra ở đời, vượt quá uy lực chư thiên.

20) Rồi Thế Tôn thốt lên lời cảm hứng sau đây:

- Chắc chắn đã giác hiểu là Kondañña (Kiều- trần như)! Chắc chắn đã giác hiểu là Kondañña!

Như vậy tôn giả Kondañña được tên là Añña Kondañña (A-nhã Kiều-trần như).

Giảng:

Kinh này trong Pāli và Hán tạng đều rất quan trọng. Hán tạng thiếu phần mở đầu Thế Tôn nói về con đường trung đạo. Pāli thì nói đầy đủ từ số 2, 3, 4. Điều này rất hợp lý, bởi năm anh em Kiều-trần-như là bạn đồng tu với Phật, sau thấy Phật từ bỏ khổ hạnh nên bất mãn bỏ đi và tìm tới đây để tu. Phật thành đạo rồi, đầu

tiên tìm các vị này giáo hóa. Vì thế Phật mở đầu.

Tại đấy, Thế Tôn bảo chúng năm Tỷ-kheo:

- Có hai cực đoan này, này các Tỷ-kheo, một người xuất gia không nên thực hành theo. Thế nào là hai? Một là đắm say trong các dục (Kāma), hạ liệt, đê tiện, phàm phu, không xứng bậc thánh, không liên hệ đến mục đích. Hai là tự hành khổ mình, khổ đau, không xứng bậc thánh, không liên hệ đến mục đích...

Phật chỉ ra hai cực đoan. Một bên chạy theo ngũ dục, là pháp thế gian, một bên hành khổ hạnh là ngu si. Cả hai đều không xứng đáng, bậc thánh tránh xa hai cực đoan. Mở đầu nghe Phật chỉ ra hai lỗi này, các vị ấy mới chú ý nghe và không còn chê Phật, không còn cho khổ hạnh là cao.

Phật dạy về con đường trung đạo chính là Bát chánh đạo.

Và thế nào là con đường trung đạo, này các Tỷ-kheo, do Như Lai chánh giác, tác thành mắt, tác thành trí, đưa đến an tịnh, thắng trí, giác ngộ, Niết-bàn? Chính là con đường thánh đạo tám ngành, tức là: chánh tri kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định. Đây là con đường trung đạo, này các Tỷ-kheo, do Như Lai chánh giác, tác thành mắt, tác thành trí, đưa đến an tịnh, thắng trí, giác ngộ, Niết-bàn.

Tác thành mắt, tác thành trí là do mắt sáng suốt, trí sáng suốt thấy đúng như thật, chứ không tưởng tượng suy lý.

Từ đây Phật nói tứ thánh đế. *Đây là thánh đế về Khổ, này các Tỷ-kheo. Sanh là khổ, già là khổ, bệnh là khổ, chết là khổ,*

sầu, bi, khổ, ưu, não là khổ, oán gặp nhau là khổ, ái biệt ly là khổ, cầu không được là khổ. Tóm lại, năm thủ uẩn là khổ.

Hán tạng chỉ nêu tên Tứ đế, đơn giản không giải thích. Pāli tạng giải thích đầy đủ ý nghĩa. Khổ thánh đế là tám khổ, Tập thánh đế là ái: Dục ái, Hữu ái, Phi hữu ái. Khổ diệt thánh đế là ly ái. Khổ diệt đạo thánh đế là Bát chánh đạo.

Đến phần Khuyến chuyển và Chứng chuyển thì hai bên giống nhau.

Phần cuối, bên Hán tạng tôn giả Kiều-trần-như hai lần xác định mình biết pháp, sau đó Địa thần và chư thiên các tầng trời tuyên bố Phật chuyển pháp luân làm lợi ích chúng sanh.

Pāli tạng thì sau khi Phật giảng pháp, chư thiên cõi đất và các tầng trời dần dần truyền tin bánh xe pháp đã chuyển vận tại vườn Nai. Lúc đó mười ngàn thế giới

chuyển động, rung động mạnh. Sau đó Phật xác nhận Kiều-trần-như đã giác hiểu.

Giảng Giải Kinh Có Pháp Môn Nào (Pali tạng)

Chánh văn:

1) Một thời Thế Tôn ở...

2) Ở đấy, Thế Tôn gọi các Tỷ-kheo.

3) - Có pháp môn nào, do pháp môn ấy, Tỷ-kheo, ngoài lòng tin, ngoài ưa thích, ngoài lắng nghe, ngoài suy tư về phương pháp, ngoài kham nhẫn, thích thú biện luận, có thể xác chứng chánh trí; vị ấy biết rõ: "Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, những việc nên làm đã làm, không còn trở lui trạng thái này nữa".

4) - Bạch Thế Tôn, đối với chúng con, pháp lấy Thế Tôn làm căn bản.

5) Có một pháp môn, này các Tỷ-kheo, do pháp môn ấy, Tỷ-kheo ngoài lòng tin, ngoài ưa thích, ngoài lắng nghe, ngoài kham nhẫn, thích thú biện luận, có thể xác chứng chánh trí; vị ấy biết rõ: "Sanh đã tận... trạng thái này nữa".

6) - Pháp môn ấy là gì, do pháp môn ấy "... không còn trở lui trạng thái này nữa".

7) - Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo khi mắt thấy sắc, hoặc nội tâm có tham, sân, si biết rõ: "Nội tâm ta có tham, sân, si"; hoặc nội tâm không có tham, sân, si biết rõ: "Nội tâm ta không có tham, sân, si". Này các Tỷ-kheo, khi mắt thấy sắc, hoặc nội tâm có tham, sân, si biết rõ: "Nội tâm ta có tham, sân, si"; hoặc nội tâm không có

tham, sân, si biết rõ: "Nội tâm ta không có tham, sân, si". Này các Tỷ-kheo, biết rõ chúng có mặt hay không có mặt trong tâm vị ấy, có phải chúng là những pháp do lòng tin được hiểu biết, hay do ưa thích được hiểu biết, hay do lắng nghe được hiểu biết, hay do suy tư về phương pháp được hiểu biết, hay do kham nhẫn, thích thú về biện luận được hiểu biết?

- Thưa không, bạch Thế Tôn.

- Có phải các pháp này, do thấy chúng với trí tuệ, nên được hiểu biết?

- Thưa phải, bạch Thế Tôn.

- Đây là pháp môn, này các Tỷ-kheo, do pháp môn này, ngoài lòng tin, ngoài ưa thích, ngoài lắng nghe, ngoài suy tư về phương pháp, ngoài

kham nhẫn, thích thú biện luận, có thể xác chứng với chánh trí; vị ấy biết rõ: "Sanh đã tận... không còn trở lui trạng thái này nữa".

8-11) Lại nữa, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo khi tai nghe tiếng, khi mũi ngửi hương, khi lưỡi nếm vị, khi thân cảm xúc...

12) Lại nữa, này các Tỷ-kheo, khi ý biết pháp, hoặc nội tâm có tham, sân, si biết rõ: "Nội tâm ta có tham, sân, si", hoặc nội tâm không có tham, sân, si biết rõ: "Nội tâm ta không có tham, sân, si". Này các Tỷ-kheo, khi ý biết pháp hoặc biết rõ nội tâm có tham, sân, si: "Nội tâm ta có tham, sân, si", hoặc biết rõ nội tâm không có tham, sân, si: "Nội tâm ta không có tham, sân, si". Này các Tỷ-kheo, sự

biết rõ chúng có mặt hay không có mặt trong tâm vị ấy, có phải chúng là những pháp do lòng tin được hiểu biết, hay do ưa thích được hiểu biết, hay do lắng nghe được hiểu biết, hay do suy tư về phương pháp được hiểu biết, hay do kham nhẫn, thích thú về biện luận được hiểu biết?

- Thưa không, bạch Thế Tôn.

- Có phải các pháp này, do thấy chúng với trí tuệ nên được hiểu biết?

- Thưa phải, bạch Thế Tôn.

13) - Đây là pháp môn, này các Tỷ-kheo, do pháp môn ấy, Tỷ-kheo ngoài lòng tin, ngoài ưa thích, ngoài lắng nghe, ngoài suy tư về pháp môn, hay ngoài kham nhẫn, thích thú biện luận, có thể xác chứng với chánh trí; vị ấy

biết rõ: "Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, những việc nên làm đã làm, không còn trở lui trạng thái này nữa".

Giảng:

Có Pháp Môn Nào là bài kinh Nguyên thủy rất hệ trọng đối với đường lối tu của Thiền viện. Phật nói có Pháp môn, nhưng tại sao không đặt tên là pháp môn gì? Nếu thiền sinh không học, không nắm vững bài kinh này, khi nghe phê phán *biết vọng* là một lối tu do người sau đặt ra, không phải Phật dạy thì sẽ hoang mang không vững lòng tin để tu tập. Ngược lại, nếu học hiểu kinh này chín chắn thông suốt, chúng ta sẽ thấy đường lối tu của Thiền viện có căn bản, có nguồn gốc rõ ràng.

Có pháp môn nào có nghĩa là không có phương pháp nào hết.

Có pháp môn nào, do pháp môn ấy, Tỷ-kheo ngoài lòng tin, ngoài ưa thích, ngoài lắng nghe, ngoài suy tư về phương pháp, ngoài kham nhẫn, thích thú biện luận có thể xác chứng chánh trí; vị ấy biết rõ: "Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, những việc nên làm đã làm, không còn trở lui trạng thái này nữa"?

Phật nói có một pháp môn vượt ngoài tín ngưỡng tôn giáo, không tin Phật, không tin Pháp, không tin Bồ-tát, La-hán, vượt ngoài sự chán ưa Ta-bà, Cực lạc, vượt ngoài sự lắng nghe học hỏi, vượt ngoài tư duy quán sát, vượt ngoài kham nhẫn tu tập, vượt ngoài thích thú biện luận. Nhưng "pháp môn ấy" có thể xác chứng chánh trí và chứng quả A-la-hán. Như vậy, đó là pháp môn gì? Có phải pháp môn đó không lệ thuộc tín ngưỡng giáo điều của tôn giáo là phải tin Tam bảo,

phải ăn chay, phải lạy Phật cho có phước? Pháp môn đó không phải kham nhẫn để tu hành, không phải khởi tâm chán ngán cõi Ta-bà ưa thích và cầu sanh về Tịnh độ, không phải ráng nghe ráng học để thâm nhập lý đạo, không phải tư duy giản trạch giáo nghĩa cho hay cho rõ. Tất cả những điều nêu trên đều không liên hệ với pháp môn mà Phật nói ở đây. Vậy mà pháp môn này có thể xác chứng được chánh trí và chứng quả A-la-hán.

Khi Phật nêu lên vấn đề đó thì các Tỳ-kheo bạch: - *Bạch Thế Tôn, đối với chúng con, pháp lấy Thế Tôn làm căn bản...*

Các thầy Tỷ-kheo bạch Phật rằng Thế Tôn là nguồn mạch của giáo pháp, xin Phật chỉ dạy, chứ các Tỷ-kheo không thể biết pháp môn đặc biệt đó là pháp môn gì? Phật dạy :

- Có một pháp môn, này các Tỷ-kheo, do pháp môn ấy, Tỷ-kheo ngoài lòng tin, ngoài ưa thích, ngoài lắng nghe, ngoài kham nhẫn, thích thú biện luận, có thể xác chứng chánh trí; vị ấy biết rõ: "Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, những việc nên làm đã làm, không còn trở lui trạng thái này nữa".

Pháp môn ấy là gì, do pháp môn ấy "... không còn trở lui trạng thái này nữa"?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo khi mắt thấy sắc, hoặc nội tâm có tham, sân, si biết rõ; "Nội tâm ta có tham, sân, si", hoặc nội tâm không có tham, sân, si biết rõ: "Nội tâm ta không có tham, sân, si". Này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo khi mắt thấy sắc, hoặc nội tâm có tham, sân, si biết rõ; "Nội tâm ta có tham, sân, si"; hoặc nội tâm không có tham, sân, si biết rõ: "Nội tâm ta không có tham, sân, si".

Phật dạy có một pháp môn vượt ngoài lòng tin, vượt ngoài ưa thích, vượt ngoài kham nhẫn, vượt ngoài nghe học, vượt ngoài biện luận, tư duy. Pháp môn ấy là khi mắt thấy sắc nơi tâm có khởi tham, sân, si biết rõ ràng tâm có tham, sân, si; nếu tâm không có tham, sân, si cũng biết rõ là tâm không có tham, sân, si.

Này các Tỷ-kheo, biết rõ chúng có mặt hay không có mặt trong tâm vị ấy, có phải chúng là những pháp do lòng tin được hiểu biết, hay do ưa thích được hiểu biết, hay do lắng nghe được hiểu biết, hay do suy tư về phương pháp được hiểu biết, hay do kham nhẫn, thích thú về biện luận được hiểu biết?

- Thưa không, bạch Thế Tôn.

Phật dạy nhìn thẳng tâm khi căn tiếp xúc với trần, tham, sân, si có mặt hay không có mặt phải thấy biết một cách rõ

ràng. Nghĩa là khi mắt thấy sắc có niệm tham, niệm sân, niệm si dấy khởi thì biết có tham, sân, si; nếu không có niệm tham, niệm sân, niệm si dấy khởi thì biết không tham, sân, si. Khi tai nghe tiếng, mũi ngửi mùi, lưỡi nếm vị... có tham, sân, si dấy khởi thì biết có tham, sân, si. Không có tham, sân, si dấy khởi thì biết không có tham, sân, si; thấy biết rõ ràng, không cần thêm sự kiện gì khác. Thấy biết như thế là tu. Đó là pháp môn gì?

Ở đây, tôi hướng dẫn các thiền sinh trong mọi sinh hoạt hằng ngày khi mắt thấy sắc, tai nghe tiếng... có niệm dấy khởi chạy theo ngoại trần liền biết không theo, niệm không khởi cũng biết, đó là tu. Vậy, pháp mà chúng ta đang tu và pháp Phật dạy tu trong kinh này có khác không? Trong kinh, Phật nói theo lối xưa ngắn gọn, chỉ nói tâm có tham, sân, si thì biết

tâm có tham, sân, si; không có tham, sân, si thì biết không tham, sân, si. Về sau được triển khai rõ hơn: biết niệm tham, niệm sân, niệm si là hư dối không chạy theo tham, sân, si, chứ không phải biết có tham, sân, si mà chạy theo tham, sân, si. Biết để mà không theo, thì cái biết đó mới có giá trị. Cái biết đó là trí. Trong văn kinh Phật khẳng định rất rõ: *Pháp môn này không thuộc tín ngưỡng tôn giáo, không do học hỏi, không cần cố gắng kham nhẫn, không do suy tư... chỉ dùng trí tuệ mà biết.*

Sau đây Phật lại nhấn mạnh thêm:

- Có phải các pháp này, do thấy chúng với trí tuệ nên được hiểu biết?

- Thưa phải, bạch Thế Tôn.

- Đây là pháp môn, này các Tỷ-kheo, do pháp môn này, ngoài lòng tin, ngoài ưa thích, ngoài lắng nghe, ngoài suy tư về

phương pháp, ngoài kham nhẫn, thích thú biện luận, có thể xác chứng với chánh trí. Vị ấy biết rõ: "Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, những việc nên làm đã làm, không còn trở lui trạng thái này nữa".

Khi căn tiếp xúc với trần, biết có niệm dấy khởi chạy theo ngoại trần hay không niệm dấy khởi chạy theo ngoại trần, cái biết đó là trí tuệ.

Bài kinh này xác định rõ ràng pháp tu biết vọng mà Thiền viện đang hướng dẫn thiền sinh tu tập là dùng trí tuệ nhìn lại tâm mình. Khi sáu căn tiếp xúc với sáu trần có khởi niệm chạy theo ngoại trần hay không khởi niệm chạy theo ngoại trần. Nếu có khởi niệm thì biết nó là vọng tưởng chợt hiện, chợt mất, hư giả không theo.

Nếu không khởi niệm thì tâm lặng lẽ, tuy lặng lẽ mà vẫn tỉnh giác không mờ mịt. Nhìn lại để thấy hành trạng của tâm

mình, đó là pháp môn gì? Không có một phương pháp thứ lớp trước sau để thực hành mà vẫn có tu, nên tạm gọi là biết vọng.

Vậy, Phật dạy tu trong kinh này cũng như biết vọng mà Thiền viện đang chủ trương, không có một phương pháp thứ lớp trước sau để thực hành, mà vẫn có cách tu là dùng trí nhìn lại hành trạng của tâm mình để dừng mọi vọng niệm, đó là giải thoát. Kinh Viên Giác thuộc hệ thống Đại thừa cũng dạy: *Tri huyễn tức ly, ly huyễn tức giác*. Nếu biết huyễn thì lìa huyễn, mà lìa huyễn là giác. Thấy vọng niệm khởi là huyễn hóa không thật nên không theo, không theo tức là lìa vọng niệm, mà lìa vọng niệm là giác, là giải thoát. Đó là sự nhất quán giữa Nguyên thủy, Đại thừa và Thiền tông.

Ngài Thần Quang trải qua bao nhiêu lần thử thách mới được tổ Bồ-đề-đạt-ma nhận làm đệ tử. Tuy được Tổ nhận làm đệ tử, nhưng ngài vẫn còn mang trong lòng nỗi bất an. Một hôm, ngài rón rén thưa:

- Bạch Hòa thượng, tâm con không an, xin Hòa thượng dạy con phương pháp an tâm.

Tổ nhìn thẳng vào mặt Thần Quang bảo:

- Đem tâm ra ta an cho.

Ngài Thần Quang cũng như chúng ta, đòi có một phương pháp để nương theo đó mà thực hành. Nhưng Tổ dạy như vậy là phương pháp gì?

Ngài Thần Quang lòng tin đã đặt trọn vẹn nơi thầy, nên Tổ dạy sao làm vậy. Bèn xoay nhìn lại để tìm tâm, tìm thật kỹ mà

chẳng thấy tướng trạng của tâm như thế nào, ngài thật thà thưa rằng:

- Bạch Hòa thượng, con tìm tâm không được.

Tổ bảo:

- Ta đã an tâm cho ngươi rồi.

Tổ bảo như thế là nói thật hay nói dối? Ngài dùng pháp gì để an tâm cho Thần Quang? Và an bao giờ?

Lời Tổ nói mới nghe qua thấy như nói đùa, nhưng đó là một tiếng sét làm chấn động tâm não Thần Quang, khiến ngài hốt nhiên tỉnh ngộ thấy được cách an tâm, và tâm ngài từ đó được an.

Thiền tông chủ trương *Không có một pháp cho người* và *Có pháp môn nào* mà Phật dạy trong bài kinh này có trái nhau không? Người Trung Hoa đầu tiên (Thần Quang) được tiếp nhận yếu chỉ Thiền từ

Ấn Độ sang do tổ Bồ-đề-đạt-ma truyền là pháp môn nào?

Chư tổ Thiền tông thuộc dòng Lâm Tế từ đời Tống tùy theo căn cơ của người dùng câu thoại đầu lập thành pháp môn để dạy tu. Thế mà người sau không biết, chấp pháp môn tu của mình là trên hết, bèn bài bác pháp tu Mặc chiếu của tông Tào Động và Tri vọng truyền từ tổ Bồ-đề-đạt-ma là tà. Người truyền đạo như thế, mang nặng tinh thần ức dương, bài bác phủ nhận tất cả để còn lại một pháp môn của mình, thật là một việc làm vô trách nhiệm, không thông suốt được gốc ngọn. Phật đã tùy căn cơ của chúng sanh dùng rất nhiều pháp môn giáo hóa để độ khắp. Thế mà người sau lại bài bác tất cả để còn lại một pháp môn của mình, đó là một việc làm đưa đạo Phật đến chỗ tiêu diệt mà

người truyền đạo không thấy cái họa lớn đó.

Bài kinh này nếu nằm trong Hán tạng thì có thể bị nghi ngờ là do các tổ Trung Hoa gầy dựng, gây niềm tin cho người. Nhưng bài kinh này chỉ có trong kinh Nguyên thủy, thuộc tạng Pāli mà không có trong Hán tạng. Như vậy, thì chư tổ Thiền tông dạy không có pháp môn đâu chẳng phải không căn cứ từ cội nguồn Phật pháp, từ giáo lý Nguyên thủy, từ miệng Phật nói ra. Vậy, hệ thống truyền thừa từ Phật đến tổ Huệ Khả và chư tổ Thiền tông sau này, không phải là chuyện ngẫu nhiên vô căn cứ.

Trong kinh này, chính đức Phật đã dạy nhìn lại tâm mình, sau chư tổ tiếp tục dạy, không phải mới bịa đặt ra. Vì từ lâu, người tu quen dùng phương tiện như sổ tức, niệm Phật, trì chú... để buộc tâm, bây

giờ nói không có pháp môn thì sanh nghi, nào biết lối tu này phát nguồn từ đức Phật dạy. Như vậy, pháp môn tu không cần một phương pháp, chỉ cần nhìn thẳng tâm mình nên gọi là trực chỉ, nếu còn nương một pháp như quán sổ tức, quán bất tịnh, khán thoại đầu... để tu thì không gọi là trực chỉ. Căn bản của Thiền tông là chỗ không có một pháp để dạy người, nếu có một pháp thì thiền sư đã nói, đã dạy, đâu cần đánh hét làm gì. Bởi không có một pháp nên các ngài khéo dùng thuật chỉ thẳng, ngay đó khiến người nhận ra chân tâm mình, nên nói *trực chỉ nhân tâm, kiến tánh thành Phật* là vậy. Kinh này không nói thành Phật mà nói thành A-la-hán, kinh Nguyên thủy thường gọi Phật là bậc A-la-hán Chánh đẳng Chánh giác. Vậy, qua bài kinh này chúng ta đã thấy rõ nguồn gốc pháp tu tri vọng mà Thiền viện đang chủ trương phát xuất từ đâu rồi.

Qua bài kinh này, tôi xin xác nhận lại hai điều:

1) Không có pháp môn

Phật dạy tu mà không có một phương pháp thứ lớp trước sau cho người thực hành, chỉ dùng trí tuệ để thấy rõ hành trạng của nội tâm khi sáu căn tiếp xúc với sáu trần. Trong kinh dùng chữ tham, sân, si. Chư tổ thì nói tất cả mọi vọng niệm. Hai cách nói tuy khác nhau nhưng ý nghĩa không khác. Vì mắt thấy sắc đẹp khởi niệm ưa thích, đó là tham. Tai nghe lời thô tục, khởi niệm bực bội, đó là sân. Đối cảnh tâm ngơ ngơ không biết gì, chấp cảnh là thật, đó là si. Vậy, tất cả mọi ý niệm dấy khởi chạy theo trần cảnh đều là tham, sân, si.

2) Biết là trí tuệ

Khi thấy biết vọng tưởng, vọng tưởng lặng. Cái biết đó là trí tuệ. Vì khi mê, cho

vọng tưởng là tâm mình nên bị nó dẫn chạy ngược chạy xuôi rồi phiền não khổ đau. Bây giờ biết bản chất của nó không thật, là vọng tưởng nên không chạy theo nó nữa. Không theo nó thì tham, sân, si dừng; tham, sân, si dừng thì hết phiền não khổ đau. Người không phiền não khổ đau là người trí. Vậy, biết vọng tưởng là trí tuệ, đừng lầm mà nghi ngờ cái biết đó cũng là vọng tưởng. Phải thấy cho thật rõ điều này. Nên biết thấy được vọng niệm là trí tuệ và từ trí tuệ sẽ đi tới giải thoát. Vì biết vọng niệm nên không theo, không theo nên không nhiễm, không nhiễm là giải thoát. Đó là trọng tâm tu hành mà tổ Bồ-đề-đạt-ma đã chỉ thẳng: *Đem tâm ra ta an cho.*

Hồi xưa đọc qua chỗ này, mấy lần tôi vẫn không hiểu. Vì tôi quan niệm tu là phải có một phương pháp hẳn hoi, nên tìm

hoài không được, sanh nản lòng. Không ngờ Tổ đã tuyên bố trực chỉ thì còn pháp môn gì nữa? Bây giờ thì thấy rất rõ, chỉ cần nhìn lại hành trạng của nội tâm, vừa có niệm khởi liền biết nó là vọng niệm không theo, không vọng niệm cũng biết, đó là tu. Như vậy ngay khi vọng niệm hết thì chân tâm sáng suốt tự hiện, mà chân tâm sáng suốt đó là Giác, là Phật. Thế mà chúng ta muốn thấy ông Phật hào quang rực rỡ với những tướng khác lạ, chứ không chịu nhận ông Phật hằng sáng hằng giác sẵn có nơi mình. Tánh giác dụ như cái gương sáng, bên ngoài có vật thì hiện bóng trong gương, bên ngoài không vật thì gương không bóng, nhưng mặt gương vẫn trong sáng. Cũng vậy, tánh giác khi không có vọng niệm thì thanh tịnh sáng suốt, mắt vẫn thấy, tai vẫn nghe, các căn vẫn biết không mê mờ, cũng không có cái lạnh của điên đảo. Một giờ niệm không

khởi là một giờ tâm sáng suốt thanh tịnh, là Phật hiện tiền.

Vì không biết Phật là tánh giác, sẵn có nơi tự tâm mình nên người đời tưởng tượng, rồi chạy theo hình tướng, tô điểm vẽ vời tượng Phật môi son má phấn lòe loẹt. Phật đã không cho đệ tử dùng hương hoa, phấn sáp trang điểm thân hình, bây giờ chúng ta lại dùng son phấn tô điểm tượng Phật, làm một điều hết sức trái ngược! Đức Phật từ giã nếp sống xa hoa lộng lẫy ở hoàng cung, đi vào rừng sống một đời sống đơn giản bình dị. Vậy mà ngày nay người học Phật quá thiển cận, cứ chạy theo cái lòe loẹt hào nhoáng bên ngoài, nên đạo càng ngày càng xa. Cái thật hiện hữu trước mắt thì không chịu nhận. Chúng ta có thể ngồi chơi, mắt vẫn thấy, tai vẫn nghe tất cả âm thanh sắc tướng bên ngoài mà không khởi một niệm,

tâm thanh tịnh lặng lẽ khoảng năm phút, mười phút... ngay khi đó tâm bình an là Phật hiện tiền. Nói tâm bình an là Phật hiện tiền thì thấy quá dễ nên mọi người không dám tin. Song đó là một lẽ thật không thể phủ nhận. Phật không xa, chỉ vì mình đem tâm tìm kiếm thành ra xa cách, rồi tự than: *Ta sanh vào thời mạt pháp, cách Phật quá xa, nên khó tu!* Nếu nắm được then chốt rồi thì sự tu hành không khó, gần với đạo vô cùng, ai cũng có thể làm được. Chỉ cốt đối duyên xúc cảnh mắt vẫn thấy, tai vẫn nghe... không khởi niệm chạy theo trần cảnh, tâm hằng lặng lẽ sáng suốt đó là hợp đạo, là sống với trí tuệ, là Phật.

Bài kinh này giúp cho chúng ta thấy rõ đường lối tu của Thiền viện là dùng trí tuệ nhìn lại hành trạng của nội tâm mình, đó là một cách tu có căn bản, có nguồn cội,

để chúng ta vững lòng tin, không hoang mang nghi ngờ, không sợ việc tu của mình bị sai lạc mà nỗ lực tu tập./.